

T A P C H Í

Hoa

SỐ MÙA THU 1997



T A P C H Í

Thơ

S Ồ M ù A T H U 1 9 9 7

Chủ Trương

Trang Châu Phạm Việt Cường Triều Hoa Đại Phan Tấn
Hải Kế Iêm Đỗ Kh. Trần Phục Khắc Nguyễn Hoàng
Nam N. P. Chân Phương Thường Quán Huỳnh Mạnh Tiên
Trịnh Y Thư Nguyễn Tiến Lê Thị Thấm Vân Ngu Yên

bảo trợ

Trương Hồng Sơn Huệ Thu

thư từ, bài vở

Kế Iêm

P. O. Box 1745, Garden Grove, USA



Phụ bản Ngọc Dũng

MỤC LỤC

Bìa **Nguyễn Đại Giang** / Phụ bản **Ngọc Dũng** 1/ **Thư tòa soạn** 3/ **Lê Đạt**, Quanh Thơ Haikâu, Thơ 4/ **Thái Tuấn**, Đêm (thơ) 10/ **Nguyễn Tôn Nhan**, Bốn Câu 1975 (thơ) 11/ **Vũ Huy Quang**, Bài Biểu (Tình)... 12/ **Lê Trọng Phương**, Thơ 13/ **Thường Quán**, Sau Phép Bay (thơ) 15/ **Jorge Luis Borges**, Kafka và Những Người Đi Trước Ông 18/ **Nguyễn Quốc Trụ**, Hy Vọng (thơ) 21/ **L. Durrel**, Thơ 22/ **Margaret Atwood**, **Phạm Việt Cường**, Biến Thức trên Từ Ngủ (thơ) 23/ **Ý Nhi**, Không Đề (thơ) 26/ **Nguyễn Duy**, Thơ 28/ **Khiêm Lê trung**, Trong Ngày Tháng Ấy (thơ) 29/ **Chân Phương**, Thơ 30/ **Đỗ Kh.**, Làm thơ Không Được Bỏ Giá Sống, Thơ 34/ **Ngu Yên**, Thơ 43/ **Nguyễn Thảo**, Cần Chăng Mà Nhớ Mãi (thơ) 48/ Phụ bản **Đình Cường** 50/ **Diễm Châu**, Iwan Goll... 51/ **Tài Lực**, Ngày Tàn... (thơ) 56/ **Đình Linh**, Thơ 60/ **Nguyễn Hoài Phương**, Thơ 62/ **Nguyễn Tiến Đức**, Chuyển Métro... (thơ) 65/ **Huỳnh Mạnh Tiên**, Không Hề Có Thơ..., Thơ 67/ **Trầm Phục Khắc**, Ra Phết (thơ) 74/ **Phan Huyền Thư**, Thị Mầu 97 (thơ) 75/ **Ngô Thị Hải Vân**, Thơ 76/ **Nguyễn Huy Quỳnh**, Snoddy (thơ) 78/ **Huệ Thu**, Thơ Tự Do (thơ) 79/ **Hạ Thảo Yên**, Thơ 80/ **Nguyễn Quốc Trụ**, A. Wat: Thi Sĩ... 81/ **Lê Giang Trần**, Thơ 89/ **Nguyễn Đăng Thường**, Thơ 92/ **Nguyễn Hoàng Nam**, Thơ 94/ **Hoàng Cường Long**, Chằng Che Được (thơ) 97/ **Nguyễn Chí Hoan**, Hoa Cỏ (thơ) 98/ Phụ bản **Nguyễn Trọng Khôi** 99/ **N. Kantchev**, Kẻ Thực Hiện... 100/ **Gérard Bayo**, Thơ 103/ **N. P.**, Thơ 105/ **Lưu Nguyễn**, Hoang Đường (thơ) 107/ **Vạn Giã**, Khởi Đầu (thơ) 108/ **Phạm Miên Tường**, Thơ 109/ **Hồ Minh Dũng**, Thơ 110/ **Đặng Tấn Tới**, Thơ 111/ **Nguyễn Văn Cường**, Thơ 112/ **Huy Tường**, Nocturne 6 (thơ) 113/ **Mộc Hương**, Khi Nào Thì... 115/ **Nguyễn Thị Hoàng Bắc**, Thơ 119/ **Trang Châu**, Con Đường Vào Tim Em (thơ) 121/ **Triều Hoa Đại**, Thơ 122/ **Quỳnh Thi**, Mùa Thu... (thơ) 127/ **Nguyễn Quang Tấn**, Thơ 126/ **Hoàng Xuân Sơn**, Thơ 127/ **Phạm Mạnh Hiên**, Giờ Ngọ (thơ) 128/ **Phan Tấn hải**, Nhiều Hơn Là Ngôn Ngữ 129/ **Ngô minh**, Tôi Tìm Huế (thơ) 134/ **Nguyễn Thị Thanh Bình**, Bồng Dưng... (thơ) 136/ **Hà Nguyên Du**, Cõi Nào Ta Rơi (thơ) 138/ **Thế Dũng**, Bóng Dâm Đêm (thơ) 139/ **Đoàn Nhật**, Đã Tới Một Nơi (thơ) 140/ **Đỗ Quyên**, Tuổi về (thơ) 141/ **Lê Thánh Thư**, Tin Thời Tiết (thơ) 142/ **Trần Tiến Dũng**, Nơi Trú... (thơ) 143/ **Nguyễn Đạt**, Nỗi Sầu Xứ Nóng (thơ) 144/ **Lưu Hy Lạc**, Đường Cảm (thơ) 145/ **Khế Iêm**, Nhịp Đập của Thực tại, Thơ 146/ **Czeslaw Milosz**, **Trịnh Y Thư**, Đứa Con Châu Âu (thơ) 153/ Tin Thơ 157.

Bước vào năm thứ tư, TC Thơ, vẫn là những hướng tới, không ngừng nghỉ, nơi những người viết mà cuộc đời thường và đời thơ là những gắn bó mật thiết. Nhưng thơ, vốn là đường dài, và chẳng bao giờ nhìn ra được chỗ cùng tận, và vì vậy, chúng tôi luôn luôn mong được sự đóng góp của quý thân hữu và độc giả về ý kiến, bài vở, và cả những phương tiện tài chánh. Có như thế, thơ mới có được lực đẩy, sinh động và dĩ nhiên, phong phú hơn. Thơ không còn chỉ toàn là những ngôn từ phù phiếm (bị bôi vẽ bởi nhãn hiệu và lời lẽ hoa mỹ), mà lấy lại thể tiên phong, trong sinh hoạt văn học ở mọi thời đại.

THƠ

Quanh thơ Haikô

Lê Đạt

1. Tổ tiên xa của thơ Haikô có thể nghĩ đến những câu đối văn học cổ Đông Á.

2. Đọc tứ tuyệt Đường thì tôi nhận thấy không ít bài hình như chỉ có hai câu chủ... còn lại là đưa đẩy.

Thời kỳ này tôi mắc bệnh viêm ruột phải ăn kiêng.

Đồng thời cũng là Mùa-khem Đạo Cơ Đốc.

Liệu Haikô có lay môi trường kiêng khem trên và lay đến đâu?

3. Tôi yêu thơ Bashô. Nhưng tôi cảm giác đọc Haiku đòi hỏi một tâm thế đặc biệt, một trạng thái thiền lặng cần được chuẩn bị.

Cuộc đời nhiều tiếng động và trái tim bồn chồn thị trường siêu náo nhiệt có thích hợp thơ Haiku không?

4. Thơ Haikô không phải hai câu viết tân trang. Nó không đơn thuần số lượng câu chữ.

Ước mong có nhà sử học văn tưởng nào phát hiện ra chút ít liên quan họ hàng giữa nó với thơ Haiku trong một cây phả hệ nhất định.

Tôi ưa những họ hàng tự chọn hơn họ hàng tự nhiên.

5. Những bài Haikô đầu đời nguyên là những thư tình. Mà người tôi yêu lại quá bận, quá sốt ruột để đọc trọn một bài thơ tình lai láng kiểu 1930.

Kẻ yêu thật thường kiệm lời... bên kia bờ sự bẽ mặt.

Thư dài lửa sông Hồng buông mái

Chữ tro bệnh tình siêu thoát nổi chằng.

6. Một trong những bi kịch người là quá thấp thỏm những bận rộn nổi của hiện sinh.

Ăn mãi nghĩ chơi, chơi lại quan tâm bon chen, cầu cạnh, kiếm chác.
 Ít người biết sống trọn vẹn một khoảnh khắc “bây giờ và ở đây”.
 Suốt đời họ chưa từng một lần tận hưởng một vị cơm chín nục. Thường
 và lừa miếng cơm bảy lẻ hoặc tám rưỡi.
 Ai cũng than phiền đời ngắn mà lại xài hoang như một tỷ phú tài
 khoản vô tận Ngân hàng Thời gian.

*Bao nhiêu lóe sống chưa sang đã tắt
 Mỗi người là một nghĩa trang mộng.*

Hình như Tô Đông Pha, nhà thơ lớn đời Tống đã có một gợi ý rất hay:

*Hãy buộc nút góc khăn để tự nhắc nhở thời gian chỉ có
 một thời
 Và đời không có nghĩa là suốt đời.*

Không phải vô cớ mà hậu thế đã mệnh danh Tô là “Kẻ đại cứu vớt
 những khoảnh khắc”.

Thơ Haikâu có ước vọng tham gia công cuộc cứu hộ này.

*

Trên đây là sơ lược hoàn cảnh xuất thân thơ Haikâu. Lẽ dĩ nhiên
 nó chỉ có giá trị gợi ý:

Mỗi sinh vật ra đời là một câu đố hiểm hóc của Thượng Đế.
 Mọi suy nghĩ định ninh đều nguy hiểm.
 Cha mẹ sinh con trời sinh tính.
 Tính Haikâu ra sao?
 Cầu Đấng Tối Cao độ trì cho Haikâu sống, và nói sõi để tự trả lời.

Trích “Chuyện với Lưu Ly”

LÊ ĐẠT

Thơ Haikâu

Tàu Nhanh

Xanh bắt đầu tàu nhanh xanh thức ngủ
Tình tăng bo toa đỗ đoạn bạc đầu

Lãnh Đủ

Em ở một lạnh mình anh lãnh đủ
Ngoại dù vùng mưa nhỏ hóa mưa to

Tuổi Chín

Ngực dự hương đêm thơm mùi tuổi chín
Mắt lá tre đăng ngâm mộng ba giảng

Máy Nhấn Tin

Máy nhấn chim tin tìm mê lộ phố
Lòng khác tình tìm đổi số lặng thinh

Thức

Thức chợt mới hay mơ rằng thức
Hoa đèn tên nở nước hương đêm

Một Mai

Chữ một mai chuỗi ngày e lần gặp
Nheo mắt tình áp thấp nhận không ra

Khác Tuổi

Thời hoa kệ biên phòng xuân chốt gác
Tuổi khác quốc gia đồng thế hệ tình

Tình Muộn

Hương nhu thương tóc tuổi thu rụng lá
Mưa nửa ngày tình cả gió vun cây

Bảo Hành

An toàn em đồng hồ siêu điện tử
Bảo hành tình giờ chết bất đền ai

Thu Thuỷ

Bóng chiều lạnh gió đơn phương phố cả
Chiều thui già thu ủ lá ngã ba

Chương Đài

Thề lời xưa liễu thâm ghi âm lá
Chương đài trắng làm chứng giả cho ai

Qua cầu

Ưng bước dẫn thương cầu bất trắc
Em mắt Sa-tăng
mặt Phật bà

Chim gõ mõ

Tim lạnh lạnh gốc bồ đề mưa cũ
Chim gõ mõ kiếp xưa chưa hết rũ lụy-tình

Vỏ Ốc

Vỏ ốc u u gọi thu miền cát ngủ
Trách người tên trùng âm gió tương tư

Yêu Bóng

May sóng liễu đèn mây ghen bóng
Mưa bóng lông mây yêu bóng ai

Thề bồi

Đất lở đá mòn một hai chìm nổi
Thề bồi lời cát lỏi phải lằm sông.

Thuật Toán

Tuổi luống tâm bậu tầm thuật toán
Số tình chia chẵn một đơn côi

Lưu Ly

Lòng hoa chưa quên tình em đã vội
Lưu ly lời gọi tím lối chia ly

Dại Yêu

Ngoan cố thất tình xuân vẫn mãi
Khờ biết bao giờ hết đại yêu

Chung Tình

Lời lỡ nuốt thề mà mai buộc nợ
Xuân đa mang hoa khốn khổ chung tình

Siêu thoát

Thư dài lửa sông Hồng buông mái
Chữ tro bênh tình siêu thoát nổi chằng.

Trích “Ngó Lời”

THÁI TUẤN

Đêm

Qua khung cửa
Không thấy trời
Không thấy mây
Không còn ngày
Không còn tháng
Không cả ánh sáng
Để nhìn
Đôi cánh cửa khép chặt

NGUYỄN TÔN NHAN

Bốn Câu 1975

Luận cổ suy kim tự nầy giờ
Chợt thơm nực sức khói nổi ngô
Hồi ơ hiên thánh mà nghe được
Bụng đói cồn lên cũng đội mồ

Vũ HUY QUANG

Bài Biểu Tình Sau Lần Nói Chuyện Đầu Tiên

Tôi thì cho rằng con trai mà rung động vì con gái là điều tự nhiên, ngày xưa các cụ xấu hổ nhưng vẫn có cách tỏ tình. Thế mới thành giòng giống lưu truyền, thành những áng danh văn tuyệt tác của văn học ta.

Nhưng mà khi con trai gặp người quá đẹp, quá ranh mãnh, thì chẳng phải mình tôi, hẳn là ai cũng đâm ra lấm cấm cả. Người ấy chỉ cần cười khẽ một cái, hay nói khẽ một câu, lập tức đất trời biến đổi. Thương thay! Cảm thay! Người kia nào có biết cứ bình chân như vại.

Lại nói “*chắc già lắm rồi*”, “*đọc thơ Hán văn chẳng hiểu gì cả*”, thì kẻ này cũng suy nghĩ mất mấy ngày, lúc tuyệt vọng, lúc hi vọng, không còn theo phép lý luận nào hết.

Hỡi ơi, người ấy cạnh có ở đây, thì tôi lại run run sợ sợ, lập tức đứng dậy lau bàn rót nước, cái cảm khái trong lòng nhất định dần lại không cho lộ ra. Nhưng mà như thế, tôi có cái hãnh diện ngầm viết rằng, “*Thử nghĩ ai làm tàn hại thân mình, chứ có giận chi cái tiếng thu?*” Niệm thù vi chi tưởng tặc, diệc hà hận thu thanh.

Câu này vốn là câu trong bài Phú Tiếng mùa Thu của Âu Dương Tu, tôi mượn lời để chấm dứt bài này, vốn có sự trùng hợp trong lần nói chuyện đầu tiên lại vào mùa Thu ở đất Hoa Kỳ.

Tôi là ai? Là Vũ Huy Quang ở Quận Cam vậy.

LÊ TRỌNG PHƯƠNG

Mười Hai Dòng Chay

hôm nay trắng bụng màu y than
cơm chay chiều hôm toàn rau xanh
mèo nằm co đuôi sau hàng tranh
ta chờ thuyền đêm băng qua sân

thằng ngưng mài sơn, thằng ngưng săn
trong nhà lang thang mờ tâm đấng
này, ta sang sông làm nhà tăng?
hay trùm chặn ra thăm vườn lan?

Mười năm vòng quanh: ta, mèo, tranh
Ta rong trời Tây chào băng khuâng
Trăm người quen xưa, bao người thân?
Mèo vờn trời xanh – ta vùi tranh.

Xanh

cười ra con bướm
sống một ngày
chưa thỏa giấc
thiên thần
cây cỏ
ủ mặt vườn nhãn nhớ
đất khô
chờ ngày từ bi
về tung cánh.

Trong Ngoài

vế	tnút
tẩy	trần
tháng này	leo đỉnh
xa gần	yên thân
trong	ngoài
lất phất	túc nhân
	tháng sau
hóa	cóc
kiếp	cần
thế gian	

Có Không Cho Lũ Sáo

Có ai riu rít xuân	khi trời đổ
còn chờ ta ra đuổi lũ chim	mưa
thói quen xưa mỗi tháng	đúng bảy giờ
cái vung tay mở vườn	sau cửa sổ
Không tiếng chuông ngân	cánh rào khép lại
lả chả khoan dung	đám mắt tan hàng
mãi lò cò qua	sét rỉ sao bay
sắc xuân lịm	ngoài tầm nắng rồ dại
Vòng trái đất thứ chín mươi	ta gọi
mở vườn sau cửa sổ	mặt trời lên
tiễn xuân đi	thôi gấp mấy bao giờ
cho lũ sáo	tròn một vùng công tội
Hư thực bốn con chữ	ngốt lăm đời
bên quan tài giới tính	bỏ đi hoang
thoát chân ngã lao đao	bờ bản thể
xuân không thay đáp số	vốn không lời

THƯỜNG QUÁN

Sau Phép Bay

1.

Tôi rơi một cú rơi
thương tích cầm chắc rồi
để chữa trị người ta
đâm xuyên qua chân tôi
một chiếc kim dài
thứ kim để khâu miệng
những chiếc bao tải
hẹn sẽ rút ra sau một hai ngày
“*ấy cũng có thể lâu hơn*”
điều không chắc này
khiến ở tôi
chút thất vọng
tôi ngó chiếc kim xuyên suốt qua chân,
không cảm giác
--thôi vậy.
Bầy ngựa lại trời lên
chồm, trườn những lườn sóng
những trái bóng lớn khí cầu
những đứa trẻ trong những chiếc thùng rơm
bắt đầu vòng xoay sáng trưng
bầy trẻ hét tướng “Lên! Lên!”
bầy ngựa chồm trườn
bay lên bay lên

2.

Bầy ngựa nằm chờ ngoài bãi
sắp sửa một vòng bay khác
những chiếc cổ lớn mồ hôi chảy ròng
những bắp đùi thở
những trái bóng sẵn sàng
những chiếc thúng rơm lại đầy
tôi chạy theo lũ ngựa
phải thấy phép bay phải thấy phép bay
tôi nhập cuộc, đẩy, đẩy
chân bết vào cát
lũ trẻ hét “Lên! Lên!”
bầy ngựa rịt đầu xuống cát
cát cát
lún dần, mệt đừ
bầy ngựa hực xuống
cát cát
miệng ngoác, lệch
ngã sắp
sùi bọt
những tấm lưng thô ngã vật
chơ chỏng rơm thúng
tôi ngã vật, buông tay --
Cát.
chỉ có thể thôi!

3.

Trong bóng tối vải đỏ hạ màn tôi bị kéo tuột xuống
chiếc giàn treo, từng tầng, tuột
tuột, không kịp
không kịp thấy một ai
trừ một người
khuôn mặt muốn nói điều gì
khuôn mặt nhìn thẳng vào tôi, không mấy cảm xúc
những đường nhăn nhẹ
ánh mắt
nhưng có lẽ người đàn bà chẳng muốn nói điều gì
ánh mắt gợi một căn nhà tối
một bệnh viện tâm thần
một cánh đồng

người ta nhao nhao lên “Coi chừng! Coi chừng!”
 tiếng nhao nhao của đám đông, cả một biển nhời nhời
 hoảng loạn
 khuôn mặt người đàn bà hơi dại đi
 tôi xô đẩy bất kể đám đông nói không phải
 mà sáng tối xô đẩy hỗn loạn
 một miếng vải mực bứt phăng đi
 khuôn mặt người đàn bà
 ảnh tượng sau cùng
 cái nhìn tôi không đọc được.

4.
 Quá tối tăm quá tối tăm
 đứa con trai nhỏ đột nhớ lại
 không phải chỉ khuôn mặt của nó
 (đứa con nhỏ tôi từng đẩy đi qua những cánh đồng)
 cánh đồng bây giờ thứ âm nhạc của những chiếc bao tải nhỏ
 Ai đó kêu lên Ôi có thể nào!
 Tình yêu hay Ngón tay kinh hoàng --
 cái gì ở trên cao?

Kafka và Những Người Đi Trước Ông

Jorge Luis Borges

Mỗi người viết sáng tạo ra những tiền thân của riêng người đó.

Tôi đã có lần tính làm một nghiên cứu những tiền thân của Kafka. Thoạt đầu, tôi coi ông một mình trong cõi ngôn từ như loài phượng hoàng, nhưng lật vài trang, tôi lại có ý nghĩ, có thể nhận ra giọng nói của ông, hay những cung cách, ngón nghề của ông, ở những bản viết từ những dòng văn chương, thế này thế khác, thời này thời nọ. Tôi ghi lại một chút ở đây, theo kiểu biên niên. Đầu tiên là nghịch lý Zenon, chống lại sự chuyển động. Một vật chuyển động ở A (Aristotle tuyên bố) không thể tới B, bởi vì trước hết, nó phải vượt nửa khoảng cách giữa hai điểm, và trước đó, nửa của một nửa, và trước đó, nửa của *nửa của một nửa*; cứ như thế cho tới vô cùng; bài toán này y hệt như trong *Lâu Đài*; và vật chuyển động, mũi tên và Achilles là những nhân vật Kafka đầu tiên trong văn chương. Trong bản viết thứ nhì may mắn sao nằm trước tôi, sự tương tự không phải ở dạng, mà là giọng kể. Một ẩn dụ của Han Yu, người viết thơ xuôi thế kỷ thứ 9, được in lại trong cuốn sách đáng yêu của Margouliès, *Anthologie raisonnée de la littérature chinoise* (1948). Huyền hoặc, trầm lắng, là đoạn tôi đánh dấu:

Ai cũng thừa nhận kỳ lân là một linh vật mang đến điềm lành, điều này đã được nói rõ trong mọi cuốn thơ ca, biên niên, tiểu sử có minh họa, và nhiều bản viết khác mà uy tín của chúng không cần bàn cãi. Ngay cả trẻ con và đàn

bà nhà quê cũng biết kỳ lân tạo diễm tốt. Nhưng con vật này lại không hề hiện diện giữa đám thú vật nuôi quanh nhà, thật khó thấy, nó không dễ vướng mình vào bảng phân loại. Nó không như con ngựa, con bò, con chó sói, hay con nai. Trong những điều kiện như thế, chúng ta có thể đối mặt với kỳ lân, và không biết một cách chắc chắn, con gì đây. Chúng ta biết, con vật như thế đó có tên là con ngựa, con vật có những cái sừng như vậy là con bò. Nhưng chúng ta không biết kỳ lân như thế nào. (1)

Bản văn thứ ba từ một nguồn dễ dự đoán hơn nhiều: những bài viết của Kierkegaard. Tình anh đồng điệu giữa cả hai người viết là một điều ai cũng nhận ra. Điều chưa được nói tới, như tôi cho tới lúc này hiểu được, đó là sự kiện, Kierkegaard, như Kafka, viết nhiều ngụ ngôn tôn giáo, về những đề tài trưởng giả, đương đại. Lowrie, trong cuốn *Kierkegaard* của ông, (Oxford University, 1938), đã chuyển ngữ hai trong số đó. Một là câu chuyện một người làm bạc giả, dưới sự kiểm soát gắt gao, đếm giấy bạc trong một Ngân hàng Anh; cùng một đường hướng như vậy, Thượng Đế sẽ không tin tưởng Kierkegaard, và đã giao cho ông một nhiệm vụ để hoàn thành, chính bởi vì, Người biết ông ta vốn thân quen với cái xấu. Đề tài câu chuyện ngụ ngôn kia là về những chuyến thám hiểm Bắc Cực. Qua giới tăng lữ, những vị trưởng lão Đan Mạch tuyên bố, việc tham dự vào những chuyến thám hiểm như thế có lợi cho hạnh phúc đời đời của linh hồn. Tuy nhiên họ thừa nhận, thật khó, và có lẽ thật vô phương, tới được điểm Cực, và không phải tất cả mọi người, ai cũng có thể đảm nhận cuộc phiêu lưu. Sau cùng, họ đi đến thông báo, bất cứ một chuyến đi nào -- từ Đan Mạch tới London, chúng ta cứ nói vậy -- trên chuyến tàu chạy theo giờ giấc thường lệ -- đều được coi là một chuyến thám hiểm Bắc Cực. Diễn dịch thứ tư ở đây, tôi tìm thấy trong bài thơ của Browning, *Fears and Scruples*, được xuất bản năm 1876. Một người đàn ông có, hoặc anh ta tin tưởng có, một người bạn nổi tiếng. Chẳng bao giờ anh ta gặp bạn, sự thể là, cho tới nay, người bạn chưa từng giúp đỡ anh ta, tuy bao câu chuyện đã được kể, về những nét quý phái, phong nhã số một của người bạn, bao thư từ thực sự của người bạn chạy lòng vòng đâu đó. Rồi có người tỏ ra nghi ngờ về những điều này, và những chuyên viên khảo tự tuyên bố, những lá thư là bịa đặt. Người đàn ông, trong dòng thơ chót, hỏi: *Và phải chăng, người bạn này là... Thượng Đế?*

Những ghi nhận của tôi còn hai câu chuyện. Một là từ *Histoires Déobligeantes*, của Léon Bloy, về một vài người sở hữu đủ thứ trái địa cầu, bản đồ thế giới, chỉ dẫn đường xe lửa và những tuyến đường lớn,

những chết mà chưa từng toan tính một lần rời xa tỉnh nhà. Câu chuyện kia nhan đề *Carcassonne* và là tác phẩm của Lord Dunsany. Một quân đội bách chiến bách thắng, gồm những chiến sĩ, rời tòa lâu đài vô định, chinh phục những vương quốc, nhìn thấy những quái vật, vét kiệt những sa mạc, những núi non, nhưng họ chẳng bao giờ tới được Carcassonne, mặc dù có lần họ đã thoáng nhìn thấy, từ xa. (Câu chuyện này, như người ta dễ dàng nhận ra, là đảo ngược triệt để của câu chuyện trên; trong câu chuyện thứ nhất, là thành phố không thể bị bứng khỏi, còn trong chuyện thứ nhì, chẳng bao giờ tới được.)

Nếu tôi không lầm, những mẫu đa dạng tôi vừa kể, giống Kafka; nếu tôi không lầm, tất cả chúng, chẳng cái nào giống cái nào. Sự kiện thứ nhì này có ý nghĩa hơn. Trong từng bản văn, chúng ta nhận thấy, hoặc nhiều hoặc ít, phong cách riêng của Kafka, nhưng nếu Kafka chưa từng viết một dòng, chúng ta sẽ không nhận ra tính chất này; nói một cách khác, chúng chưa từng hiện hữu. Bài thơ *Fears and Scruples* của Browning tiên liệu tác phẩm của Kafka, nhưng cái đọc Kafka của chúng ta rõ rệt làm sắc bén, và làm sai lệch cái đọc bài thơ. Browning đã không đọc nó như bây giờ chúng ta đọc. Trong tự vựng của những nhà phê bình, từ *tiền thân* (*précursor*) không thể thiếu được, nhưng nên tháo gỡ mọi trò luận chiến hoặc ganh đua. Sự thể là, mỗi người viết sáng tạo ra những tiền thân của riêng người đó. Những tác phẩm của anh ta sửa đổi quan niệm của chúng ta về quá khứ, như là nó sẽ sửa đổi tương lai.⁽²⁾ Trong tương quan này, điều không quan trọng, đó là đặc nét, hay đa nét, của những con người trong cuộc. Tính tiền thân của những huyền thoại tối tăm và những định chế tàn bạo, ở Kafka thời đầu, trong *Betrachtung*, ít chất Kafka hơn, nếu so với Browning và Lord Dunsay.

Nguyễn Quốc Trụ dịch

(Từ bản Anh ngữ của James E. Irby, trong tập *Labyrinths*, nhà xb A New Directions Book)

Chú thích của tác giả:

- (1). Sự không thừa nhận những linh vật và cái chết có tính lãng nhục, hoặc như là tai nạn, của chúng ở nơi tay con người, là những đề tài truyền thống của văn chương Trung Hoa. Xin coi chương chót cuốn sách của Jung, *Psychologie und Alchemie* (Zurich, 1944), trong có hai minh họa ngộ ngộ.
- (2). Xin coi T.S. Eliot: *Points of View* (1941), pp. 25-26.

NGUYỄN QUỐC TRỤ

Hy Vọng

Người Nga, khi người thân vĩnh biệt
Thường lấy khăn phủ kín những tấm gương
Để người đi đừng đau lòng, hoảng sợ
Hồn còn đây, bóng đã không còn

Người Việt thường dặn dò
Những lần, qua sông qua biển
Trên con đường trở lại làm trẻ thơ

Hồn đừng quên, đừng quên

chẳng bao giờ
anh thấy anh
ở trong em

nhưng biết đâu,
giờ phút chót
hồn với bóng nhập một

Em chẳng hằng mong
Đừng ai đi trước

L. DURREL

Chanh Đắng

Trên hòn đảo chanh đắng
Nơi trắng lạnh thiêu đốt
Từ những trái cầu tối

Và cỏ khô dưới chân
Hành hạ trí nhớ, đòi xét lại
Những thói quen nửa đời chết gấp

Thôi để những gì còn không nói
Cái đẹp, bóng tối, cơn say đắm
Hãy để những nàng tiên cá xưa
cất giữ

hoài giấc điệp
Và đầu rợn sóng biển Hy Lạp
Giữ nốt trầm như lệ không rơi

Keep its calm like tears unshed

Giữ nốt trầm như lệ không rơi

(Dịch L. Durrell: Bitter Lemons, 1960/1955)

Cảnh đời ta sống

Kỷ niệm như những góc hồn ta
Mầu nước sơn ẩm đục
cảnh đời ta đã sống

Nét cười
đâu đó, mỗi chỗ một chút
chúng ta bỏ lại ở phía sau
Những nụ cười ta cho nhau
về cảnh đời ta sống

Chẳng lẽ chỉ vậy sao, giản dị đến thế?
Hay thời gian đã viết lại từng dòng
Nếu chúng ta có dịp may làm lại tất cả
Liệu chúng ta có làm lại chẳng
Có dám làm lại chẳng?

Kỷ niệm sẽ đẹp hoài
Và sẽ thật giản đơn khi nhớ lại
Nhưng chúng ta sẽ giản đơn chọn sự lãng quên

Vẫn tiếng cười chúng ta sẽ nhớ
Bất kể khi vọng về
cảnh đời ta đã sống

(The way we were)

MARGARET ATWOOD

Biến Khúc Trên Từ Ngủ

tôi muốn nhìn anh ngủ,
điều có thể chẳng xảy ra.
tôi muốn nhìn anh,
đang ngủ. Tôi muốn ngủ
với anh, muốn đi vào
giấc ngủ anh khi đột sóng tối đen tĩnh lặng đó
lướt qua trên đầu tôi

và muốn đi dạo với anh băng qua cánh rừng
sáng ngời gợn sóng những chiếc lá xanh thẫm đó
với mặt trời ẩm nước và ba mảnh trăng của nó
đi đến căn hầm nơi anh phải bước xuống,
đi đến nỗi sợ kinh hoàng nhất của anh

tôi muốn trao cho anh một cành cây
bạc, một nụ hoa trắng nhỏ, trao cho anh
cái chữ duy nhất sẽ che chở anh
trước nỗi đau buồn ở ngay giữa
giấc mơ anh, trước nỗi đau buồn
ở ngay chính giữa. Tôi muốn bước theo anh
đi ngược lên chiếc cầu thang hun hút
một lần nữa & trở thành

chiếc thuyền đưa anh quay về
một cách thận trọng, thành ngọn lửa
trong hai lòng bàn tay chụm lại
đến chỗ thân thể anh nằm
cạnh bên tôi, và anh nhập vào
nó dễ dàng như anh hít thở

tôi chỉ muốn được là bầu khí
dưỡng nuôi anh trong chốc lát
mà thôi. Tôi muốn được là điều không đáng để ý
& cần thiết đó.

Phạm Việt Cường dịch

(để tặng ngọn nến cháy một cách cao nhã đêm nào)

Ý NHỊ

Không Đề

Tưởng có thể bùng cháy
trong sớm thu này
ngọn lửa đã bao ngày âm ỉ

Tưởng có thể òa vỡ
trong sớm thu này
nỗi lo âu đã bao ngày dồn chứa

Nhưng từng ngày qua
từng ngày
vẫn trôi qua

Lửa vẫn âm ỉ
và nỗi âu lo...

*

Trên đôi môi khô bỏng
lại lăn chảy giọt nước mắt mặn ăm
Và cỏ mùa xuân lại mềm mại đường bao
dưới lòng chân chai sạn

Và niềm vui của tôi
nỗi phiền muộn của tôi
sự tràn đầy, sự thiếu vắng của đời tôi
chỉ còn lại trong cái tên duy nhất

Rồi một ngày kia
trái tim tôi sẽ vỡ ra
hoặc dịu dàng lịm tắt
trong tiếng vang thân thuộc ấy

*

Thật buồn
Khi trở về trên chuyến xe cuối cùng
thành phố đã ngủ yên

Thật buồn trước lá mùa xuân
trước nắng
trước trời mây

Thật buồn khi thơ viết không người đọc
Khi gọi không ai đáp lời
Khi biết mình yêu

*

Chỉ đến khi dừng lại trước anh
tôi mới biết
tôi đã suốt một thời thiếu vắng

Tôi đã qua bao ước vọng không thành
bao lựa chọn ngặt nghèo
bao thương tổn

Tôi đã qua bao nhiêu rào chắn
để đến được cùng anh
để được áp khuôn mặt mình nơi bờ vai thân thuộc

Cùng anh
tôi có thể đối chọi
có thể hòa nhập
với cả thế gian này

NGUYỄN DUY

Feria de Nimes

Người ta trẩy hội đấu bò
mình đi đoán mộng thăm dò tỉnh say

Chấp gù đen đỏ rủi may
nằm nghe chim nũng nịu cây tiêu huyền

Nimes, 24-5-96

London

Sương mù vén áo Hoàng gia
ánh vàng hội chợ phù hoa lập lòe

Bóng mây dẫn vật mặt hè
vài tia nắng gầy loe ngoe góc vườn

Nhàn cư hong nồn hong nường
ta hong ké khúc đoạn trường. Mốc meo...

Green Park, 16-6-96

KHIÊM LÊ TRUNG

Trong Ngày Tháng Ấy

Ngày gác chân lên thành ghế,
Ngộ nguyệt,
Nỗi nhàm chán bốc hơi
Trí nhớ ẩm ướt, trôi tuột...

Thấp thoáng những ngọn nến và bóng vách tường câm
Hất lên tiếng thở dài, tôi
Gây gổ với định mệnh của chính mình
Vất đời đi hoang...
Trí nhớ tôi thổ tả lơ lảo giọt nước mắt,
Rơi xuống,
Sọt rác cuộc đời bắn chạt.

Ngày gõ tay lên dây đàn,
Mời gọi,
Những âm thanh rất cũ,
Con phố xưa,
Mùi cỏ dại,
Trí nhớ cong oằn, rớm máu...

CHÂN PHƯƠNG

West Coast Blues

miền tây hoa kỳ
đường số một

men theo biển rộng
non núi chập trùng

cây già nghìn tuổi
đốc đá rêu phong

quanh co đầm phá
khúc khuỷu đèo truông

đàn hải âu chờ nắng tắt
bầy bói cá ngấm trăng

dăm thị trấn vắng người
heo hút những chiều sương

quần quanh năm tháng trống
xuôi ngược đất trời câm

ước chi tôi là con đường ấy
sớm chiều nằm ngấm cổ nhân

vài ba năm lại ghé thăm
trên chiếc xe du lịch với chồng

Đoản Ca Chicago

đàn phi cơ thao diễn
vẽ những hình tròn rộng giữa thiên thanh

người đàn bà
phả vào thình không
từng vòng khói nhạt

có phải tất cả mùa hè
là lũ kiến lê quanh cốc chén đam mê?

và bát ngát hơn Ngũ Đại Hồ
là khoảng trống bàn tay buông lỏng?

một lần nữa
thịt da làm mối lái tồi

cặp giường vô chủ
trong phòng ngủ đêm qua

lại trèo lên nhau
rồi hạ sinh trái cấm

thối

Tự Họa

thiên thần về già
hóa làm người

cặp cánh teo xếp dưới sơ mi
không còn thấy cộm
phép lạ lần lượt rơi đâu hết
tấm thẻ dán ảnh lý lịch vàng ố cong queo
địa chỉ thương giới nhặt mờ
lâu ngày chẳng buồn nhớ
cầm tờ báo đọc gần đọc xa
con mắt đều nhòa
trong túi lẻ loi bao thuốc xẹp

thiên thần về già
chiều chiều ra quán
nhìn lá nhìn cây
ngắm khách bộ hành
quay lưng với mặt trời hè chói chang
uống cạn ly nước giải khát
rồi vào phòng tiểu công cộng
kiên nhẫn đứng xếp hàng

Bài Ca Nhỏ Cho Hiện Hữu

1.
mười giờ
kém mấy con ve

2.
tế xong điều thuốc cho thần khói

nhà thơ gõ muống cà phê
vào mùa hè

sắc màu tủa ra
giữa những cặp đôi lỏa thể

3.
mây sà xuống
tặng hoa cho đá

sắp hóa làm áo cưới
trang giấy chợt nhớ một vòng gai

4.
trước mở bản thảo dở dang
biển xanh bắt đầu đóng kịch

Cambridge, vào hè 1997

Làm Thơ Không Được Bỏ Giá Sống

Đỗ Kh.

Những trao đổi gần đây về vấn đề văn trong thơ Việt đương đại và cuộc tranh luận song song với việc thanh việc tục đã tạm gây được vài lộn sóng trong chén trà nhâm nhi những khi chiều xuống hay giữa đêm chờ hoa quỳnh nở của thi ca hải ngoại. Cuối cùng, khi đã cạn tuần, cũng không tránh khỏi đề cập đến câu hỏi căn bản *Thế nào là Thơ? Thơ là gì???* như kết cục của mọi câu chuyện phiếm đều dẫn tới băng quơ: Chúng ta là ai? Đang làm gì? Đi về đâu? (mà bụi đường còn vương trên áo).

Chỉ lấy thí dụ của món ăn truyền thống trong văn học, phở bắc, bún thang, chả cá đã hưng hăng gây được những tín điều quyết liệt. Bỏ giá vào, giá sống hay giá trần, có tương hay không đã đủ làm nhà văn nhà thơ ta sẵn sàng nổi máu, nếu không nói là đổ máu. Nếu có nhiều người chỉ có cái thực mà đã gian lao vực đạo như vậy, gây những nhức nhối (của ngòi bút) khôn nguôi, thì Thơ ắt hẳn phải là một tín điều ghê gớm, một niềm tin vĩnh hằng và bất diệt. Dân tộc ta có vẻ là một dân tộc sùng đạo, ngoài những tôn giáo, thánh thần vv... còn thích thờ lãnh tụ, cá nhân, cây đa đầu làng có nhiều ma, ba cô đâm xe xuống chân cầu trên đường đi Vũng Tàu linh thiêng lắm, thường thường là những gì đã chết, ngoài vài trường hợp quá vĩ đại. Lấy điển hình của một miếng thịt chó, là loài vật không được trọng vọng mấy khi còn nhông nhông chạy nhưng trở thành rửa mặt lại gây được những giá trị sắt đá trong lòng người mộ khiến họ sẵn sàng văng ra cả những khái niệm như ông bà tổ tiên, truyền thống, văn hóa... để bảo vệ (với những người không ăn thịt chó, tôi xin đề cử thí dụ bò).

Phở đạo, Tửu đạo (chén dĩa quang rót rượu bồ đào)... tất nhiên không thể không có Thi đạo. Như câu kinh nhập giáo của đạo Hồi “*Chỉ có một Đấng Tối Cao là Đấng Tối Cao*”, kiến trúc của đức tin không có khe hở nào (Mircea Eliade), phần dưới đỡ phần trên, *tin thì tin không tin thì thôi**, chẳng có gì để bàn cãi nữa. “Văn Chương”, một khái niệm tương đối mới ở phương Tây, trong hoàn cảnh đặc thù của phong kiến Châu á (mà-Mác-chỉ-mới-đề-cập-đến-nhưng-chưa-kịp-phân-tích) đã từ lâu đi vào lãnh vực thần linh.

Nhà thơ là thiên sứ (còn được gọi là sứ mệnh thiêng liêng của nhà thơ), tức là một phương tiện dẫn điện, bắt sóng: Mohammad không biết viết, không biết đọc (và dĩ nhiên không biết niêm luật, vần vè), một mình lên núi nhập kinh, trở về với tác phẩm trác tuyệt nhất của văn chương ả rập.

Giòng thơ *mặc khải* của chúng ta cũng vậy. Chữ từ trời như trái sầu, ơn em thơ đại rụng rơi vào hồn thi sĩ và tuôn ra từ bàn tay cầm bút trong khi bàn tay kia cầm thuốc thơm đầu lọc (hay che trời rét). Và nếu theo truyền thống ngoại giao không ai chém đầu sứ giả thì theo truyền thống của các loại đạo, không nghe thì dễ bị mất đầu. Tin thì tin, không tin thì... chết.

Rất may, Thi đạo nhiều giáo chủ nhưng ít tín đồ, nhiều khi một nhánh chỉ có vài kẻ thờ phượng, thường là vợ hoặc chồng. Lúc tín đồ lung lay niềm tin thì giáo chủ có thể dễ dàng... đổi vợ. Đây là trường hợp của những người tài (dẫn điện tốt). Nhiều thiên sứ lang bạt cả đời truyền giáo mà vẫn đơn độc: Đời tôi cô đơn nên thơ vẫn cô đơn.

Gần đến năm 2000, có phái không nhận chữ từ Trời nữa mà từ một hành tinh khác và ba ngôi được thay thế bằng đĩa bay có chỗ ngồi. Phái thơ *Nghệ Thuật* cũng may mắn không kém: Thơ lơ lửng đáp vào sân sau của hồn họ một tối nào sấm sét. Tuy nhiên, đạo có kẻ đắc người không. Do đó, có thơ hay thơ dở, thơ có thần, có hồn hay là có bãi đáp dành cho đĩa bay.

Chữ cháy đỏ phải cần những nhà thơ dẫn nhiệt.

Đối với Thi giáo thì hơi có khác. Đây là trường phái mạnh nhất ở ta, có truyền thống từ thời ông Khổng cụ Mạnh. Ở giòng thơ *Thầy*, chữ thuộc về nhà thơ, giai cấp ưu tú thống trị và độc quyền đại lý. Họ làm thơ có sách, mách có tiếng tàu tiếng tây Hán Hi La. Một tay cầm bút lông bút chì một tay cầm thước kẻ nghiêm nghị chia hai thiên hạ giữa những kẻ biết và những kẻ không biết (chỉ được quyền dựa cột mà nghe); Chữ là ơn vua (không nên quên ông này, mình cầm roi nhưng ông ta cầm kiếm), của ông bà để lại, của thư viện nước ngoài. Nhánh này không cần đến *Nghệ Thuật*, họ chỉ cần *Thẩm Mỹ*, nhiều người đọc Lukacs bằng cả tiếng... Hung (chứ không phải tiếng Đức). Không thích, không hiểu là mày dốt, tao cho ở lại lớp. Thơ hay ở đây khác thơ dở ở chỗ trình độ có người đạt kẻ không.

Chữ cổ cồn phải cần những nhà thơ bàn ủi.

Nếu đạo thơ có giòng linh thiêng thì cũng có giòng thơ *Dại*. Giòng này không tụng niệm, không có thần chú bùa ngải địch ngục thiên đường.

đây thơ của người điên, của thằng hề, của trẻ con và rất hiếm. Không bị đánh đòn bởi nhánh hiền lành của giòng thơ thầy là thơ *Thơ* (cũng hiếm không kém). Tôi ngồi uốn kiểng mặc kệ tôi, việc gì đến những kẻ gõ bảng gõ dậy đời.

Nhưng nếu thơ chữ và thằng điên (rất may mà có) khác hẳn ông thánh và ông thầy thì tựu chung điều cần xác định vẫn là Thơ và Chữ cũng chỉ là một sản phẩm xã hội không có giá trị tuyệt đối nhưng là một giá trị (xã hội) có chức năng nhất định: để đàn áp hay để nổi loạn, để củng cố hay để thay đổi.

Đối với chúng ta, nghĩa là văn hiến rồng tiên, chẳng cần lao tâm đến vậy để thuyết phục về một điều đã hiển nhiên. Thi phú, văn chương là một công cụ cai trị của từng lớp lẫn át dưới chế độ phong kiến. Ông nghề thì đe được hàng xóm, quan trạng gieo vần và công chúa gieo cầu bắt gặp lẫn nhau, lơ mơ niêm luật mà chưa thi đỗ thì chưa động phòng (cho đến nay video ca nhạc vẫn còn lả nhả). Ra ngồi một buổi ở những quán tao nhân giọt đắng ở Bolsa cũng thấy được nhan nhản hiện tượng. Các thi sư thi bá thi hào vẫn uy nghiêm dẫn lưng chức vị này như một tối thượng quyền uy, một vô địch vũ khí. Với cô hàng nước hở cổ trắng, với anh hàng thịt đi xe Mercedes, với những đại diện của những ngành nghệ thuật ít được trọng vọng hơn (như nghệ thuật trình diễn và nghệ thuật giải phẫu thẩm mỹ).

Kính tăng đắc Phật. Nếu dân ta không ra đường hãy thấy nhà thơ là phải vái thì thử hỏi có mấy nước có được Văn Miếu giữa thủ đô**? Sự liên hệ mật thiết giữa văn thơ và Quyền Lực Xã Hội vẫn còn được duy trì ở khắp mọi lãnh vực, kể cả lãnh vực trực tiếp nhất (theo hệ thống quân giai), giữa người cầm ấn và người cầm bút.

Quan hệ này gần như là một quan hệ vợ chồng, vừa thương vừa sợ (thường thì người viết được người cai trị thương, và khi nào thấy bất thương thì... sợ). Ai cũng biết *một ngòi bút mạnh bằng một sư đoàn* (Đại tướng Nguyễn Khánh) đến câu *“Nhà văn không phải là hầu non của chế độ”* của Phan Khôi. Gần đây, Nguyễn Huy Thiệp còn mong ước cho nhà văn được vị trí quân sư sau trưởng, một ái phi thủ thủ thẳng với tướng quân lẽ phải và công bằng mà không qua ải dị nghị và dèm pha của quân thần (theo hệ thống quân... sư?) Dù thế nào, văn thơ cũng chẳng phải chuyện đùa.

Nếu thi ca là một đạo, thì phải nhận là nó rất nặng phần nghi lễ. Tiên học lễ... Ngay cả những kẻ sùng bái nếu còn trắc trở hẳn phải lo cho số phận ngày càng đồng cô của Ngai Thơ chứ không thể nào hờn hở mà tiếp tục trắc bằng. “Lạm phát”, “xuống cấp”... ***là những ưu tư của chư tăng hiện nay và nhiều giải pháp được đề ra trong giáo hội bát nháo này. Khủng hoảng của nền thơ Việt hậu Vatican II chỉ nhấn mạnh được mỗi điều: Thơ là một công cụ, vì vậy mới có khủng hoảng khi không biết công cụ đó để làm gì, còn thích hợp với hoàn cảnh hiện tại hay không, phải đáp

ứng hay không và đáp ứng thế nào?

Thơ đi về đâu / Văn hóa đi về đâu ? Thế giới vv... đi về đâu? Ở bất cứ ngã Bấy nào cũng có... nhiều đường (ít nhất là năm, sáu...) và đâu cũng có thể thành một Bùng Bính chứ không cứ gì chỉ chợ Bến Thành. Độc đạo vẫn có thể rẽ xuống lội ruộng, lách rừng vậy, nhìn về phía trước, cái nhìn ngắn thôi, một dải tay quờ quạng trước mặt còn hơn ngút ngàn thân thang phía đằng sau của những cao tốc dành cho xe loại chỉ chạy giạt lùi.

Thứ xe 5 số de không có 1 số tiến, nhất là lại tháo pô rú rí rất ồn. Tắt đi cho tôi được nhờ. Im! Im hết! Đứa nào nhúc nhích là ta xì bánh! Xì bánh làm gì những người chỉ rú ga tại chỗ (cho đời đừng quên) chứ chẳng đi đâu.

Đám này, thầy chẳng ra thầy, phật chẳng ra phật, (vào cuối thiên niên kỷ?) có khi thoái hóa thành một bọn quang côn.

Bắn vào đám vũ công náo!

Khai hỏa vào Tổng hành dinh!

Bọn quan lại móng tay út dài của thi ca và tì thiếp!

Thơ bao giờ cũng có mục đích. Điển hình là vua Khaled của Saudi mượn một thi sĩ làm cả trường ca tình cảm riêng tặng bà Thủ tướng Thatcher (nhưng không thành. Chắc tại không hay?) Thơ là một thứ chó biết vẫy đuôi, biết sủa nhưng không cần biết cắn. Dĩ nhiên, đây là một hình tượng minh họa dễ dãi. Vấn đề chức năng xã hội của thi ca, văn chương phức tạp hơn và ý thức hệ mà thơ chuyên chở cũng nhiều khi không nhất thiết là ý thức của tác giả (xem về Lev Tolstoi hay trường hợp Balzac).

Thí dụ gần chúng ta là các nhà thơ Việt hải ngoại đã đến được và sinh hoạt, sáng tác ở Bến-Bờ-Tự-Do nhưng tự do chẳng ăn nhập gì đến tác phẩm tác phong của họ cả. Đến cái liếc xéo ở tiệm cơm cũng có thể làm run sợ hơn tiếng giày đinh và tiếng gõ cửa vào đêm. Ba lời khen ngoài cửa chợ, một cái lúc lắc đầu ở bàn quán trối buộc kĩ hơn là cho vào biên chế, hơn hử hơn là được cất đất hóa giá, phong hàm. Tự do là thứ có cho không cũng chẳng dùng được, và những kẻ đã không có thường hay tiếc, nhất là tiếc cái tự do của những kẻ khác.

Văn thơ là một ý thức hệ, và cũng như mọi (ý) thức khác, ngay cả thức ăn thức uống, có những vấn đề của nó. Thơ thay đổi theo thời đại và cách nhìn, Thơ cũng thay đổi theo thời đại như mọi ý thức mà thôi. Con chữ không có trước con người và cũng không có ngoài con người theo nghĩa xã hội. Nó, (Ngài, xin lỗi) cũng không thể nào có một hiện hữu tư danh riêng cho từng người một trong nội tâm sâu thẳm của cá nhân. Đến đây ta mới trở lại được bình trà chưa kịp rót của đầu câu chuyện (như con chó may mà ngáp phải được cái đuôi của chính mình). Bây giờ là lúc có thể luận về thanh hay tục, *pảhi* vẫn hay *pảhi* vào.

Vậy thì sao? Chẳng sao. Bước sau biết bước trước (cái này còn gọi là dẫn thân vào sáng tạo), lung tung cũng được lại càng tốt (cái này còn gọi là tự do nghệ thuật). “Mọi tự do cho Nghệ Thuật!” như lời kêu gọi của Breton và Trotsky (sau khi đã tham khảo Mác Lê đủ cả). Thi ca, nghệ thuật đang luôn luôn hình thành (ai muốn đứng một chỗ mà tắm nước cũ thì tùy cá tính thôi). Với những lối riêng và là của chung.

Chú thích

* Thơ Nguyễn Trọng Tạo

** “Khốn nạn thay cho những nền văn học có Văn Miếu!”

*** Vẫn trong khuôn khổ của nghệ thuật trình diễn như là hiện nay nhiều Karaoke mà ít ca sĩ, micro của tôi đâu?

**** Một người bạn nước ngoài đang trau dồi tiếng Việt có hỏi tôi ý nghĩa của từ “pảhì” anh bắt gặp trên một trang tạp chí. Đây chỉ là lỗi của người xếp chữ nhưng nhân dịp này tôi đề nghị dùng thử cách viết này thay hẳn cho từ “phải”. Nếu thơ (và những thứ khác) *pảhì* thế này và *pảhì* thế kia thì chắc cũng dễ chịu được hơn đôi chút nhĩ.

ĐỖ KH.

Việt Kiều ở Hà Nội

Chiếc áo cởi ra vắt trên vai
Tôi trần đi giữa phồn hoa náo
Bị gài thành đô lừa sạch nhẵn
Lầm to vệt nữ với lại gò Đống Đa

Thất thiếu

Tiểu thư...
Tiểu thư tiểu thư dư tiền lẻ
Cho tôi xin độ đường về quê

10-04-97

Những Ngày Thương Cảm

DU TỬ LÊ

Tôi vẫn quan niệm thơ không chỉ là sự phối hợp nghệ thuật giữa hình ảnh và ngôn ngữ. Thơ cũng không chỉ là một phối ngẫu tuyệt hảo giữa tư tưởng và vần điệu. Trong thơ còn có nỗi tử sinh, có hạnh phúc thất lạc, có khổ đau tứa máu.

Trong thơ còn có âm dương, có nhật nguyệt, có kẻ đi qua, có đời sẽ tới.

Thơ mở ra và đi về với thần linh. Thơ khép lại và quay về với con người.

Thi sĩ do đó là kẻ tự nhân gian đi ra và tự nhân gian mà trở lại, hoặc nói theo cách của Platon thì thi sĩ “đi ra từ thần linh và trở về như thú vật”.

Mỗi nhà thơ, do đó, tự bản chất, rất mặc nhiên đã chọn lấy cho mình một cánh rừng khai phá, đã chọn cho mình một biển lớn trầm thân.

Mỗi nhà thơ, do đó, đã chính là kẻ tự gặt những mùa lúa của mình như con sông chẳng bao giờ không là chính nó.

MAI THẢO

Nhiều người bạn thơ tôi gặp lúc này thường nói chuyện với tôi về một vài trạng thái của thơ. Thơ như một ánh trăng. Một đêm thức dậy tình cờ nhìn thấy xanh lạnh trên một thành cửa sổ. Thơ như cánh hạc vàng. Một thoáng thôi rồi mất hút. Thơ như một bất trắc, dấu vết chỉ là ảo giác. Thơ như một chuyến tàu, lữ hành có một lần cho đời sống anh. Như đêm tối tìm thấy mặt trời, chói chang tìm thấy bóng cây, vô định tìm thấy bến bờ, khô cằn tìm thấy giòng suối. Vậy là đủ. Vậy là ý nghĩa thơ, nhân thế tẻ ngắt, thơ làm cho hết, ngày tháng buồn tênh thơ làm cho thôi. Vậy là đủ. Vậy là cứu cánh thơ, trời đất buốt lạnh thơ làm cho ấm, cõi đời mưa bay thơ làm cho nắng, khoảng trống thăm thẳm thơ làm cho đầy, tâm cảnh trở trọi thơ là tình nhân.

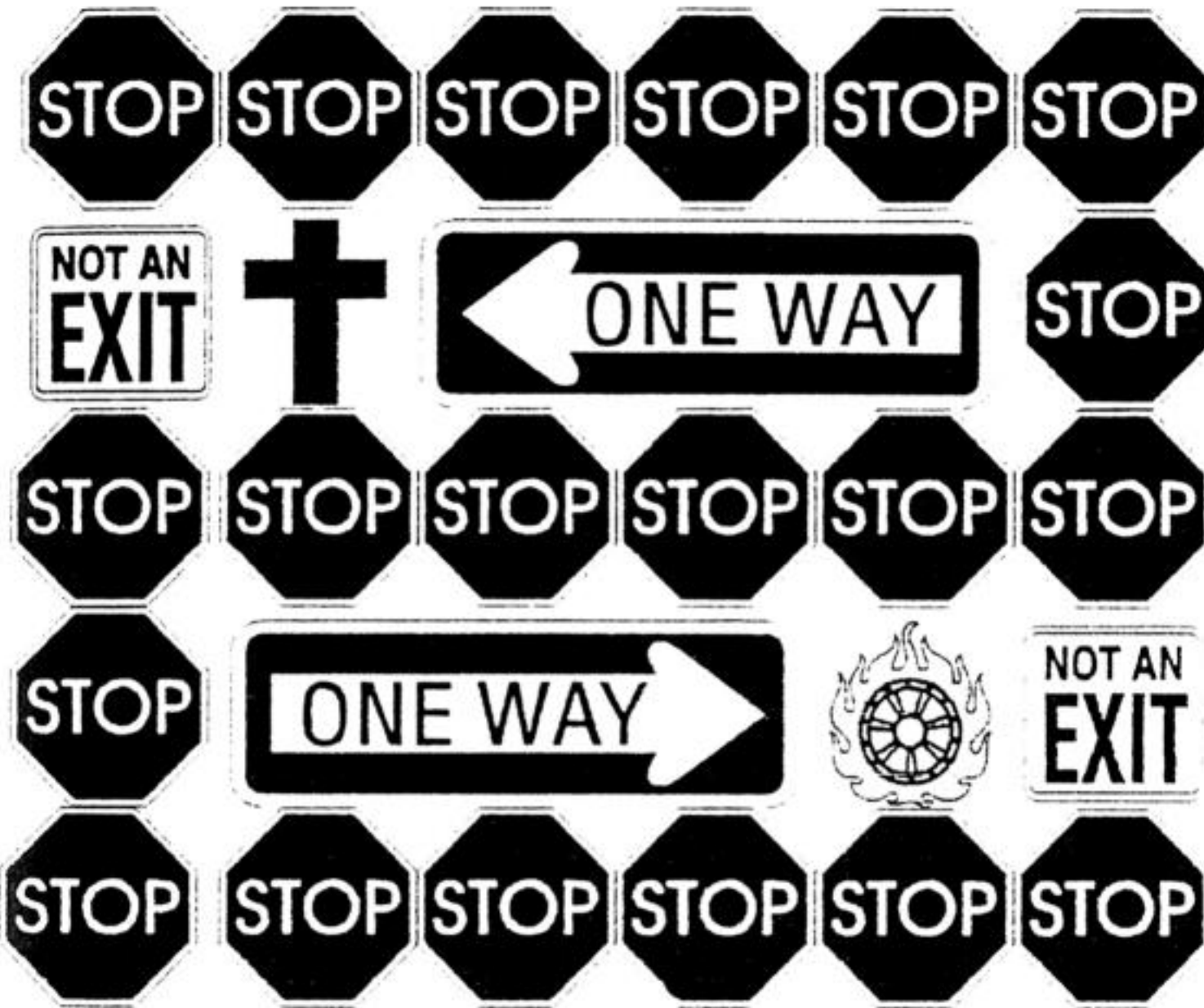
NGUYỄN SA

Một cảm giác bình an. Thi ca, hằng cữu, mang lại, cũng như cuộc đời, khi địa ngục, lúc thiên đàng, cả trời cao và biển sâu, tình yêu và thù hận.

Cuộc sống lưu vong cho thấy một kích thước khác của thi ca. Cái trừu tượng bỗng nhiên cụ thể. Cái xa vời mù tắp chợt gần lại. Bầu trời quê hương tưởng như chìm khuất vĩnh viễn ở tận cùng trí nhớ bỗng hiện ra. Có mặt trời và biển đông có núi non cao và tổ quốc ta không thể bị vật ngã. Chính nó, trí tưởng đã làm thành cánh chim đưa ta về quê hương trí nhớ.

NGU YÊN

Exit Wrongway



Ngũ Yên



đọc :

dừng lại	dừng lại dừng lại dừng lại dừng lại dừng lại
dừng lại	đường một chiều gặp chúa không lối đi
dừng lại	dừng lại dừng lại dừng lại dừng lại dừng lại
dừng lại	đường một chiều gặp phật không lối về
dừng lại	dừng lại dừng lại dừng lại dừng lại dừng lại
	ngu yên
	thấy lối thoát
	chạy ra
	lộn đường

đọc:

lối này bí lối kia bí lối nọ bí lối trước bí lối sau bí lối lối bí
 bí lối thời gian một chiều -- “lạy chúa” không phải ngõ ra
 lối này bí lối kia bí lối nọ bí lối trước bí lối sau bí lối lối bí
 bí lối sống chết một chiều -- “mô phật” không phải ngõ ra
 lối này bí lối kia bí lối nọ bí lối trước bí lối sau bí lối lối bí
 ngu yên hồi
 đường ra duy nhất
 hãy đi dù thiên hạ nghĩ rằng lạc lối

đọc:

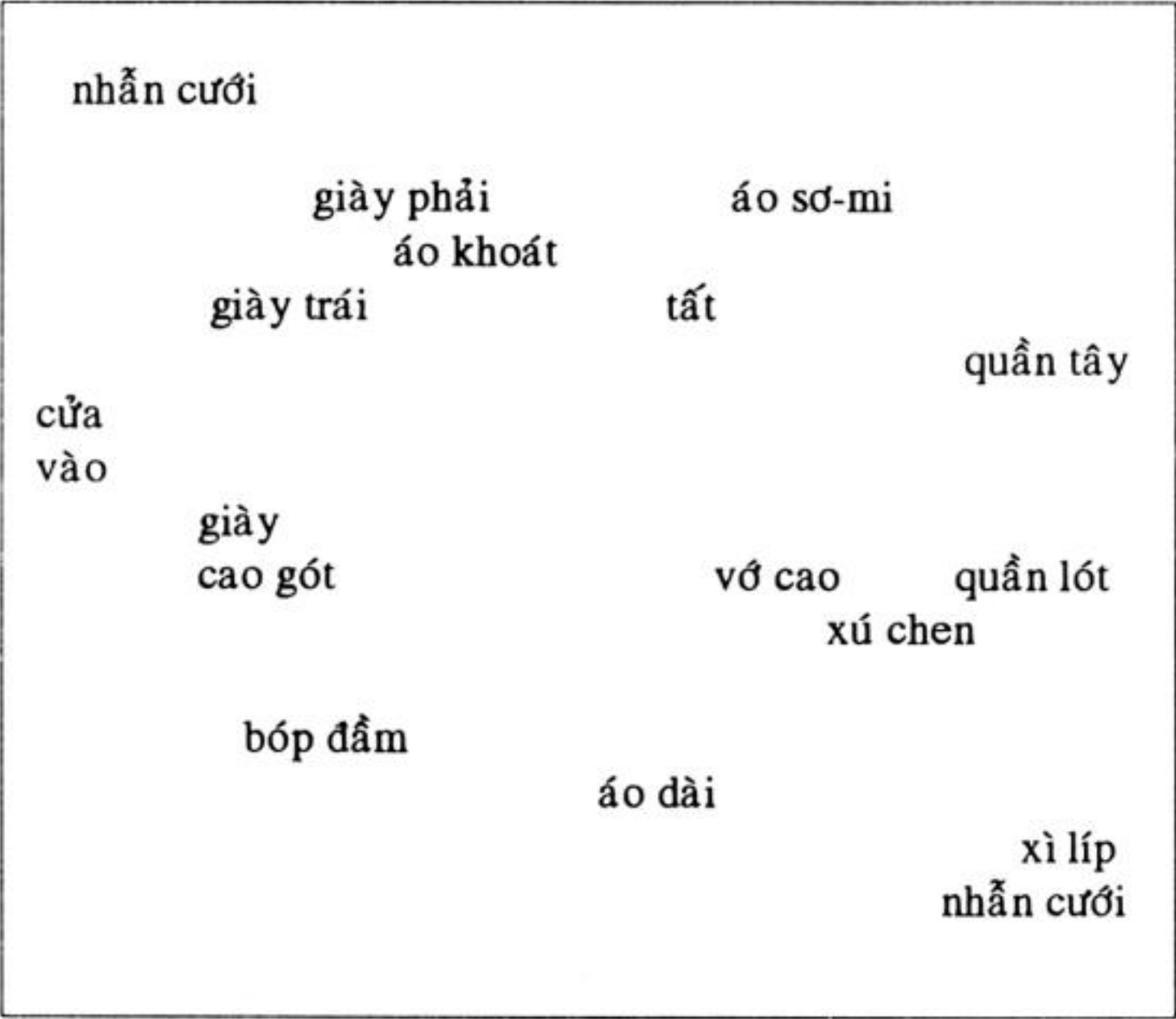
nhà vây xe vây điện vây bảo hiểm vây hội vây chi phí vây
 vây kín đường trái một chiều chúa vây
 cha vây mẹ vây vợ vây con vây bạn vây quen vây lạ vây
 vây kín đường phải một chiều phạt vây
 vây vây vây vây vây vây
 ngu yên
 thoát thân lối này
 lối này bậy hơn bị vây

nếu bài thơ không đọc, chỉ thấy:

nhiều bảng hiệu STOP theo thói quen đi đường sẽ có cảm
 giác bị ngăn chặn tù túng thấy đường một chiều tuân
 theo thói quen không dám đi ngược đường một chiều cuối cùng
 dẫn đến tôn giáo thấy không phải lối ra tác giả chỉ
 còn một lối thoát vậy mà trật
 ai nói là trật đường? thói quen của đám đông? giá trị của lịch
 sử? truyền thống? nguyên tắc của luật lệ? khi cái đúng của một
 người mà thua đám đông thì người ấy là khùng điên lập dị bị
 xử phạt bị chối bỏ bị khinh khi nếu cái đúng của một người mà
 thắng đám đông thì người ấy trở thành giê su thích ca khổng tử
 càng ngày những đúng sai hay dở đẹp xấu thiện ác trở thành
 những bảng stop dày đặc xung quanh những đường một chiều
 dẫn vào ngõ cụt biết thoát lối nào về đâu? thử lấy tên ngu yên
 ra thay vào tên của marshall applewhite hay tên của người đọc
 biết thoát lối nào? về đâu?

Houston, 31-3-97

Phòng 103



Houston, 25-04-97

NGUYỄN THẢO

Cần Chẳng Mà Nhớ Mãi?

1.

Tối thứ năm lắng nghe một bài nhạc jazz
Tiếng kèn saxo âu yếm
Lưỡi dao ngọt liếm vào da thịt.
Đê mê trên bờ môi,

Tái tê cuống lưỡi.

Nỗi đau rã rời trong bóng tối

Bật máu

Beaujolais ngọt chát chìm sâu thẳm.

Nuốt nỗi đau và dấu kín khát khao

2.

Tối thứ năm ở một nơi xa

Một thành phố lạ. Ngồi một mình

Một góc bên cửa sổ. vẫn là ta.

Bóng đêm chập chờn cơn bão

Quanh đây không phải là

Em. Nơi đâu? Nơi đâu?

Nơi đâu?

3.
 Tối thứ năm. Không một lời nói
 Em đến tìm tôi. Trong cơn mơ
 Chagall. Bí mật nhẹ nhàng
 Mơ màng ghi lấy. Em. Tôi.
 Môi trần môi. Nhòa hơi thở.
 Không cần gì mời mọc.
 Tinh khí đổ ra như ân sủng
 Cơn mưa và vùng đất cỗi.
 Chagall. Không một lời nói.

4.
 Lời bấy tỏ. Giọt mưa rơi
 Sa mạc bốc hơi bay lên.
 Da thịt sẽ tan đi và những lóng xương còn lại
 Lách cách vang trong gió
 Gõ nhịp một bài ca xa lạ.
 Jazz và Marc Chagall và tôi.
Sầu chẳng qua niềm vui
 không bao giờ trở lại
 Âm thần hôm qua hôm nay và ngày mai.
 Tối thứ năm
 Vẫn vậy.



Phụ Bản Đinh Cường

Iwan Goll

& thơ biểu hiện Đức

Diễm Châu giới thiệu

Thế kỷ XX của chúng ta sắp qua. Hồi đầu thế kỷ, ở Âu châu, nổi bật lên khuynh hướng biểu hiện Đức. Khuynh hướng này đã sản sinh được nhiều thơ (cho tới nay vẫn còn) hay. Thi sĩ biểu hiện lừng lẫy nhất: Georg Trakl, đã được Tạp chí Thơ giới thiệu (qua bản dịch của nhà thơ Phạm Việt Cường). Chúng tôi trích dịch ở đây một số thơ và bài viết có tính cách lý thuyết hoặc lịch sử của một số nhà thơ biểu hiện khác: Iwan Goll (1891-1950). Như một dịp nhìn lại cái thế kỷ nhiều nhưng ... sắp dứt(?)

DC.

Ngọn Cờ

Như một ngọn lửa đỏ
 Như một giải phước đỏ
 Mi đưa ta tới phía trước
 Hỡi nhân dân, mi biển thét gào.

Từ đám cháy của ta
 Ngọn lửa đốt sáng rực cả nước,
 Từ sự nồng nàn của ta
 Dòng máu nhạt của mọi người nhuộm đỏ.
 Và khi ta trở thành tro:
 Một lớp bụi hồng bao phủ mọi con đường của trái đất.

Quán

Tất cả những đồng loại của tôi trong thành phố
Chỉ là những ngọn đèn đường bụi bặm, mờ nhạt,
Đắm một ánh sáng vay mượn.
Duy ở nơi đây tôi đã tìm được những người bạn,
Hãy còn là những khu rừng thực sự, rậm rạp và sâu thẳm,
Hay những bình nguyên
Với những tình cảm tình rờn như gió.
Ở đây là thiên tính của những loài thú xinh đẹp,
Những bàn tay có dáng điệu
Của những bông hồng đương nụ.

Như âm nhạc
Nổi trôi, những gì họ nói,
Trên tiếng lao xao của thành phố những quái vật một mắt.

Orphée Mới

Cho Claire

Orphée
Người nhạc sĩ của mùa Thu
Say rượu êm của các vì tinh tú
Anh không nghe tiếng xoay vòng của trái đất
Hôm nay nghiêng mạnh hơn bao giờ hết sao?
Trục của thế giới đã rỉ sét
Chim sơn ca sáng chiều bay vút trời cao
Hoài công kiếm tìm vô hạn
Những con sư tử chán chường
Những dòng suối già đi
Và những bông lưu ly nghĩ đến tự sát

Mỗi một Thiên nhiên thật hiền hậu
 Thoáng nhát là dưỡng khí của những khu rừng muôn thuở
 Người ta ngạt thở trong vùng xú khí của những đỉnh cao
 Những đám mây mưa xuống và khao khát bùn
 Con người luôn luôn phải trở lại với con người

Muôn thuở đối với chúng ta là định mệnh
 Eurydice:
 Em người đàn bà cuộc đời không được ai hiểu
 Và mỗi người đều là Orphée
 (...)

Khuynh hướng biểu hiện (1914)

Khuynh hướng Biểu hiện, ấy không phải là một tôn giáo mới được thành lập ở đây. Đã từ lâu, ấy là cơm bánh hàng ngày của hội họa. Ấy là một lối tô màu (đối với các chuyên viên của văn học) chưa được phân tích về hóa chất và bởi đó vẫn còn chưa có tên. Khuynh hướng Biểu hiện ở trong không khí thời đại chúng ta, hết như khuynh hướng Lãng mạn và khuynh hướng Ấn tượng đã là khả năng hiện hữu duy nhất của các thế hệ trước.

Khuynh hướng Biểu hiện rời xa những khuynh hướng ấy một cách thật nghiêm xác. Nó chối bỏ những loại hình nghệ thuật vị nghệ thuật này, bởi lẽ nó không phải là một hình thức nghệ thuật cho bằng một hình thức kinh nghiệm sống. Theo nghĩa của Goethe.

Khuynh hướng Biểu hiện gần với khuynh hướng cổ điển. Nó có nhiều đầu óc hơn tình cảm, nó là ngất ngây hơn là mơ mộng. Và chính vì thế nó từ khuynh hướng cổ điển mà ra, nhưng không hề có cao vọng là cổ điển bao giờ.

Expreeionismus (trong Tristan Torsi, Films, Verlag der expressionistischen Hefte, Berlin-Charlottenburg, 1914)

Khuynh hướng biểu hiện (1920)

Năm 1910, có hai tờ tạp chí trẻ: *Die Aktion* và *Der Sturm*, đã lôi cuốn một tuổi trẻ mỗi một và chán nản tới một Lý tưởng mới. Chính ở đó một đoàn những nhà văn trẻ đã tìm kiếm những gì họ cần: một hình thức mới, một văn phong mới, một lý tưởng mới! Và họ đã tìm thấy những điều đó.

Mười năm qua, và ngày nay chúng ta chứng kiến sự nở rộ của một thời phục hưng hiện đại lớn lao, mà về mặt nghệ thuật người ta gọi là

khuyñh hướng Biểu hiện. Nay thời hơn cả một hình thức văn chương hay đồ họa, ấy là cả một hệ thống tân sinh hoạt, sẽ có tiếng dội lại cả trong triết lý và xã hội học.

Khuynh hướng Biểu hiện là một thứ tổng quát hóa của tất cả cuộc đời chúng ta dựa trên căn bản một ảnh hưởng hoàn toàn tinh thần. Có lẽ đây là vấn đề đem lại cho mọi hành động của con người một ý nghĩa vượt trên con người, và có lẽ người ta có thể nhìn thấy ở đó một nhiệt tình, một đà vượt, vươn tới thần tính. Bởi khuynh hướng Biểu hiện tới vào một lúc mà mọi tôn giáo đều phá sản, kể cả thuyết phiếm thần của các nhà thơ. Thêm nữa, ở thời đại chúng ta, thời đại duy vật chất hơn cả và đề hèn hơn cả, các nghệ sĩ và những người mẫn cảm cần một niềm tin mới, một xúc động nội tâm sâu xa.

Khuynh hướng Biểu hiện đem lại cho họ những thứ ấy: là vì nó lại dạy họ cách nguyện cầu.

Tuy nhiên, nếu chúng ta chăm chú nghiên cứu kỹ cái ý hướng nằm trong mọi công trình nghệ thuật của những năm sau này ở Đức, chúng ta sẽ có thể nói rằng khuynh hướng Biểu hiện là toan tính của con người kẻ, cảm thấy mình hơn bao giờ hết bị mắc kẹt trong những mưu mô đề tiện của một chủ nghĩa duy vật chất ghê tởm, ra sức còn tin vào một điều gì ở trên chúng ta: vào một điều gì vượt lên trên trần thế. Một cách thành kính, người nghệ sĩ mới lần đường về sự hiểu biết mọi sự. Hiểu biết tất cả, ấy là yêu mến tất cả. Người nghệ sĩ ấy tìm lại được sự cần thiết phải nhìn thấy nơi mọi con người một sinh vật thảm hại đáng thương xót. Hấn khiêm tốn trước mọi sự lớn nhỏ.

Con người nghệ sĩ ấy đi tới giữa Thượng đế và kẻ khát thực, những kẻ mà hấn hiến trọn trái tim.

Tình yêu và lòng Nhân, ấy là hai thứ thiết yếu của khuynh hướng Biểu hiện. Và chiến tranh và khốn cùng chỉ nhấn mạnh thêm cái Phúc âm hiện đại ấy.

Người ta dễ bị quyến rũ đưa khuynh hướng Biểu hiện xáp gần lại trường phái Lập thể. Nhưng không có gì nối kết hai khuynh hướng đó. Trái lại: chúng hoàn toàn đối nghịch nhau, không kém gì tinh thần của người gô-loa và tinh thần của người nhật-nhĩ-man có thể đối nghịch nhau; tinh thần này tìm kiếm nơi những tập hợp siêu hình những khả năng thơ mộng tuyệt vời, tinh thần kia cấu tạo một cách toán học, như kẻ kiến thiết một mô đất, những chân lý thật nhỏ bé.

Khuynh hướng Biểu hiện đã không được lý thuyết hóa. Một ngày nọ, một nhà phê bình khám phá ra rằng mình có đó, sống giữa các nhà thơ đã từ năm hay mười năm! Một trạng thái tinh thần mới, không ràng buộc với bất kỳ một quy tắc minh xác nào. Người ta có thể nói rằng tất cả thế hệ hiện nay ở Đức đều có tính cách Biểu hiện.

Vậy thời, ta sẽ không nói tới *bút pháp Biểu hiện*. Đúng hơn, Biểu hiện ở đây là ý niệm. Thế tuy nhiên vẫn có thể nêu ra một vài nét đặc biệt nào đó về hình thức: trước hết, đó là sự tiết kiệm về ngôn từ. Không còn những câu đẹp một cách tình cảm và vô dụng. Người ta chỉ nói những gì cần phải nói, một cách hết sức giản tiện. Các từ hòa lộn vào nhau. Từ ngữ không có mặt vì chính nó, mà vì ý niệm mà nó chuyên chở, nó phục vụ. Vậy thời từ ngữ cần phải xóa mình đi trước ý niệm và giảm thiểu tới hết mức có thể được. Người nghệ sĩ Biểu hiện ưng có thể tự *biểu hiện* không cần lời. [...]

L(trong Action, tháng 3-1920)

Khuynh hướng biểu hiện (1921)

[...] Khuynh hướng Biểu hiện, đó là văn chương của chiến tranh và cách mạng, của người trí thức đấu tranh với thế giới của những kẻ quyền thế, sự nổi dậy của lương tâm chống lại sự tuân phục mù quáng, tiếng kêu của con tim chống lại sấm sét của tàn sát và sự im lặng của những người bị áp bức.

Bởi thế, khuynh hướng Biểu hiện hơn là một phe nhóm hay một trường phái rất nhiều, hơn cả những gì người ta thường mệnh danh là một phong trào: ấy là tinh thần của một thời đại, một trạng thái tinh thần trong lãnh vực trí tuệ động chạm tới tất cả như một thứ truyền nhiễm: không nguyên thơ mà cả văn xuôi, không nguyên hội họa mà cả kiến trúc và sân khấu, âm nhạc và khoa học, đại học và những cải cách học đường. [...]

*Các nhà văn Đức và chiến tranh,
trong Revue rhénane, tháng 12-1921*

Iwan Goll (1891-1950)

hay Yvan Goll đối với người Pháp, sinh năm 1891 tại Saint-Dié. Học đại học ở Strasbourg. Trong chiến tranh 1914-18 trốn qua Thụy sĩ để tránh nạn Đức bắt lính. Định cư ở Paris năm 1919. Di cư sang Hoa Kỳ vào năm 1939 rồi trở lại Paris năm 1947. Viết bằng các thứ tiếng Pháp, Đức và Anh. Cộng tác với nhiều tạp chí biểu hiện Đức. Mất vì bệnh leucémie ngày 14-3-1950. Ngọn Cờ xuất hiện lần đầu trên tạp chí Revolution, số ngày 1-11-1913; Quán trên tờ Die Aktion, 11-4-1914. Orphée Mới (1923) trích trong Der Eiffelturm, Berlin, 1924. (*Chân dung Iwan Goll của Reinhold Rudolf Junghans: Die Aktion, 1918*)

TÀI LỤC

Ngày Tàn của Thập Niên 70 Xếp Theo Văn Mẫu Tự

A người Breton. Trên những thân xiêm gai hấn không còn mang rấn trun lên cầm đinh đóng.

B người Alsace. Hấn không còn dẫm chết những con chuột đồng bắt được ở dưới những lát tôn.

C người Tây Ban Nha. Một hôm xuống Paris cùng với B và A, hai tên này góp tiền bao hấn đi chơi đi. Vậy rất là hơn ngồi phì phà rễ cây leo và hun bánh xe cũ trên những bãi đồ phế.

D người miền Bắc. Bộ đội đang theo huấn luyện đặc công ở miệt rimbaud. Là kẻ duy nhất được giải ngũ sau một tai nạn đáng tiếc xảy ra trên đoạn đường chiến binh: tình trạng cột sống của nghỉ từ nay xếp loại nghỉ cùng với loài bò sát.

E người Mêhicô. Đáp chuyển xe đồ Greyhound từ Los Angeles sốt đêm hấn bò dưới gầm ghế để thăm hành lý khi cả nước Mỹ mải ngủ yên. Sáng ngày sau, với thành quả của thắng lợi này, hấn chuộc sự đồng lửa của ba hành khách Việt dưới mặt trời Cali bằng cách mời họ cùng đi nhậu.

F người Lorraine. Bọn trộm đại tiện ngay trong phòng ngủ hấn. Cánh cung cấp không chịu hoàn lại tiền hấn ứng cho việc mua một sản phẩm phi pháp và sau đó một ít thôi hấn lại bị vị hôn thê bỏ rơi.

G người xứ Gaule. Thiếu phụ đăng kí, thị có nhân tình. Bọn tráng niên khu vực hăm sẽ kể cho chồng thị biết. Bắt đầu thị bị chúng tổng tiền rồi sau đến tổng dâm.

H người Bắc Việt. Đó là Paris vào tháng Tám. Xuống mép sông Seine để ngâm chân mát hần chẳng may trật bước và tuy là một tay bơi cự phách, chết đuối vì hàm răng giả mắc kẹt ở cuống họng.

I người Paris. Giám hộ pháp định của N. Mắt nàng lơ lơ mỗi lần ra khỏi phòng tắm. Bọn hành hung lôi hần cả cái nệm ra giữa phòng khách và thay phiên cưỡng hiếp nàng vì tội cấp xì ke của chúng.

J người Trung Quốc. Bị bại bẩm sinh. Công nhân gương mẫu sọ nhồi những khẩu hiệu của Cộng Hòa Nhân Dân. Muốn ghi danh vào một đại học nổi tiếng ở Bắc kinh theo ngành mỹ thuật. Được trả lời “không nhận người tàn tật”.

K người Nam Việt. Trên đường từ Bruxelles đến Paris. Vị thành niên trên băng ghế sau chiếc xe ngoại giao dành riêng cho phu nhân trẻ đẹp của một ông tướng cuồng vĩ náo, ngày hôm đó hần vào bà hoàn toàn bằng tưởng tượng.

L người Bắc ngoại ô. Mang tật tâm thần vào hàng nhẹ. Bị các bạn cùng thời ức hiếp, một đám trẻ khu phố không hề biết đến thương tiếc, buộc hần phải dùng tay sục chó cho đến niềm khoái lạc tận cùng.

M người Mỹ. Tóc vàng thật. Những từ tục tĩu tiếng Pháp nàng không hiểu đều như mật rót vào tai trong lúc vào, ra.

N người dưới tỉnh. Thanh nữ vị thành niên ma túy. Bọn hành hung lôi hần cả cái nệm ra giữa phòng khách và thay phiên cưỡng hiếp nàng vì tội đồng lõa với I cấp xì ke của chúng.

O người Pháp đảo. Buôn thế phẩm đường Faubourg du Temple, nàng tích được đủ lời để sắm một xe con.

P người Nam ngoại ô. Là đứa đầu tiên hút thuốc trong sân trường cấp 2, đứa dòm dưới váy của cô dậy Anh ngữ, đứa đầu qua đời vì quá lượng không đợi đến Niên Nguyên Năng Lực nổi.

Q người Paris. Ca sĩ nhóm Toa Tàu Sát Thủ. Dẫn con nhỏ bạn của đứa con gái ông bác sĩ là nàng có thể đến xem ban nhạc dượt ở hầm 3 đường Lombards nếu nàng làm sao mang đến được đơn kê.

R người A rập. Tự do tạm. Để ăn mừng bến bờ vừa tìm thấy lại, bèn mang về phòng một tay thỉnh thoảng trong khi chờ đợi vị hôn phu thường xuyên. Thị đang có kinh nhưng trong cơn hành lạc có nhắc đi nhắc lại “cho em một đứa con”. Đó là cách hảo hạng để mắc ghẻ vào những ngày hôm sau.

S người Bắc ngoại thành. Công tác ở UBND thành phố. Thị có thói choác cho con rồi ngủ với lũ bạn của nó trong khi nghe nhạc đại đề ci ben.

T người Nhật Bản. Họa sĩ và Đại Vĩ Cầm thủ. Từ gác lợp xep, thấy hồn ma của cố tổ mình luyện đan trên đỉnh tháp Saint Jacques. Bị rơi vào lệ thuộc dược phẩm, y trở thành thêm một chiếc bóng ở xứ Mặt Trời Chiều.

U người xứ Gaule. Anh hùng xa lộ không xe máy. Chắc thuộc Câu Lạc Bộ Mô Tô Tàu Điện Thág bởi vì bồ của y làm cho Công quản Tự lập Chuyên chở Công cộng Paris.

V người Pháp. Theo hấn kể thì hấn là đào binh lê dương. Nhưng trại lính thật của hấn là một nơi cấm dùi bất hợp pháp chung với một bạn đương thời có tài chế biến được đủ loại mèo thành thịt thỏ nấu rượu.

W người Mãn Châu. Bảo vệ trong một phòng chơi điện tử trên đại lộ Clichy. Tuân đúng luật do chủ y đề ra, tịch thu lác vàng, nhẫn và đồng hồ của một tay chôm chĩa Bắc Phi lơ làm vỡ kính máy. Bị gọi là “Đồ kỳ thị” y đáp lại “Đội xếp tao tới, ổng với mày đồng hương!”

X người Đông ngoại thành. Dân Ba Lô chưa trở thành nhà ngoại giao. Liên xô chưa xâm lấn A Phú Hãn và Kabul là thiên đường của những thiên đường giả tạo.

Y người phố Montmartre. Bị thức giữa đêm bởi tiếng đập cửa sổ từng một của người yêu khinh công, nàng ân cần mời y vào mà không biết là y mang theo hai thằng bạn. Tên thứ nhất ở giai đoạn hậu quá chén lăn ra ngay phòng ngủ. Tên thứ nhì thời cơ chủ nghĩa gọi điện cho bạn gái hấn ở Trung Hoa. Còn người yêu của nàng, chàng làm việc phải làm trong khi đợi đến giờ tàu điện chạy.

Z người Trung Hoa. Xinh hơn là Cửng Lợi. Hết hạn cải tạo trong một lao ở vùng nội Mông, nàng đến dự buổi trình diễn của một nhóm nhạc trẻ siêu sao cao thế ở rạp Eldorado đại lộ Strasbourg. tặng cho một người trong nhóm mấy tấm ảnh nàng còn trong Quân Đội Nhân Dân Giải Phóng lúc thiếu thời. Hấn treo lên tường nhưng lúc đó đã sang đến đầu thập niên 80.

Bản dịch của Đỗ Kh.

Chú thích

NTCTN 70... là một bài hát trong đĩa CD sắp tới của nhóm nhạc Rock “La Souris Dégliguée”

ĐINH LINH

Bóng Tối

Tắm năm ngày một lần. Xúc miệng
 Bôi nhọ đầy mình. Làm hồi phục
 Màu sắc tự nhiên
 Nhưng cái vẻ đần độn, những con mắt lạ thường
 Hẳn là không thực
 Ngay cả tính tình ma của lũ sóc: bộ tịch, lâm ly
 Cũng đáng cho một phát đạn
 Tâm trí ôi à, là thứ ống nhỏ, đừng quên nhé, giá rẻ hơn một bẹ
 cải
 Cái lưỡi đong đưa một nửa bài thơ
 Và hát chỉ bằng một thứ tiếng. Những chiếc răng khiêu khích
 Không bị khiêu khích.

Shadow

*A bath every five days. A mouth wash.
 Soot all over the body will help to restore
 The natural color. Lumps of coal around the ass.
 These eyes are weird. They not quite real.
 The cunnings they possess are the cunnings of squirrels“:
 Amateurish, pathetic, deserving of a bullet.
 This brain is a repository of insults it will not forget.
 This brain is worth less than a cauliflower.
 This lolling tongue can recite half a poem
 And sing in one language. These teeth will sever,
 Unprovoked.*

Vệ Sinh

Nhạc chương, đây là trường hợp thật sự đáng chết:
 Một người đàn ông nào đó ăn mặc lố lăng
 Một người đàn bà nào đó vẽ bức tranh bẩn
 Và kẻ nào đó không bao giờ đánh răng
 Đã 20 năm
 Đó là thứ giáo luật, như chửi, trẻ con, truyền rằng, sẽ bị nấu
 chín và ăn thịt
 Những cuốn sách báng bổ đáng bị báng bổ và máy bay bay
 trên vận động trường sẽ rải bom hàng loạt trong giờ nghỉ giải
 lao.

Hygiene

*Discordant music shall be punishable by death.
 Here are the actual cases:
 A man who wears dots with stripes;
 A woman who paints bad pictures,
 And whose teeth haven't been cleaned
 In about twenty years;
 Disciples of this religion and that.
 Children, as prescribed, shall be cooked and eaten
 And confusing books shall be banished from the library.
 The new planes shall fly over the new stadium.
 Many bombs will be dropped during halftime.*

NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG

Bão Hòa...

Trong đám đông rất nhiều chính trị gia
Nếu ai đó tự nhiên cao giọng nói:
“Ở trong TA không gian và thời gian... bão hòa
Việt Nam--Lào--Thái Lan--Tân gia ba
Á--Âu--Phi--Đức--Ý--Nhật--Pháp--Mỹ...
Hôm qua... Hôm nay...Ngày mai...
như nhau cả...”
Thì thế nào TA cũng được nghe chửi
Những găm thét--thóa mạ--căm phẫn--tức giận...
Có tác dụng như những chất xúc tác.

Khi tình yêu của anh và của em bão hòa
Thả vào em, anh không tan được
Tình bạn giữa chúng ta bão hòa
Anh trút vào tôi, tôi ọc ra...

Một đêm thơ thôi... đã đủ chán ngấy
Và cũng ngán như vậy... những cuộc hội thảo
Quá nhàm chán... là những tờ báo
Việt ngữ--Trong nước--Ngoài nước...

Ở Việt Nam còn tan rất nhiều Sida
Gái mãi dâm... Tham nhũng... Tội phạm...
Vì Đola vẫn còn chưa bão hòa
Trong khi đó dung dịch người Việt hải ngoại
Lại rất háo những chiếc Pass các loại...

Những lời tuyên bố luôn luôn tràn miệng bình
Và không khí luôn bão hòa mùi trứng thối, rác rưởi...

Chính trị gia muốn bán những tư tưởng của mình
Cũng như thi sĩ muốn bán thơ.
Nhà văn muốn bán truyện...
Rất cần phải bán kèm luôn những túi than hoạt tính...

Hai Ngày.

1: Không lời...

Tặng:

Người đàn bà ngồi bên cạnh tôi
Trắng... như tuyết
Tinh Khiết... như tuyết

Chỉ dám...
chiêm ngưỡng em bằng mắt

Đi ra... một ngàn lần
Đi vào... một ngàn lần
Rửa tay... một ngàn lần
...

Vẫn không dám... động vào áo em.

2: Đỗ

Không ăn được...
Chỉ húp có chút xiu
Sữa... bò
và... cháo... loãng

Uống rượu
Được
Hút thuốc
Được...

Cười...
Như mếu...

--Đau--Răng--Hoặc--Tán--Gái--Không--Được.

NGUYỄN TIẾN ĐỨC

Chuyến Métro Cuối Cùng từ Bronx

miệng em còn mùi Bourbon
 và em hát bài ca nô của Brahms
 trong hầm metro ẩm
 và đây là Bronx anh phải nhắc em
 anh và em nhảy lên chuyến métro cuối cùng
 như Marlon Brando nhảy bản tango cuối cùng ở Paris
 em nhuộm tóc mun
 để vào ghetto đen
 và mắt em tô quầng đen hợp với...
 con bọ hung bằng ngọc tuyền em đeo trên cổ
 và anh chợt ngửi thấy mùi đêm của New York
 có màu đen ebony
 dĩ nhiên anh cũng ngửi thấy mùi bourbon
 từ miệng em mùi hoa bourbon
 như bông hoa magnolia bằng sáp
 nở bung trong viện bảo tàng Natural History
 anh đánh vỡ kính loạn thị lúc xuống hầm
 và anh nhìn những ngọn đèn tròn
 như những con mắt cú mèo trộn trứng
 trang hoàng cho những đám lá tối
 anh chưa khướt say nên anh còn nhớ
 anh bảo em hồi mới lớn anh từng thấy
 một con ếch đực ôm cứng một con ếch cái

đĩ nhiên không phải trong métro
mà trong bụi ô rô sũng sinh
như anh và em đang ôm nhau lúc này
và cuối chạng đường métro
em và anh trở lại căn phòng
bầu trời là trần nhà màu ngà
có mảnh trăng hình vuông
anh và em dự cái gala đêm của da
và anh là con cú đêm New York
rúc những tiếng rúc đầy nhục cảm

như tiếng rúc kèn trumpet của Louis Armstrong đen
rúc rướm máu môi thấm trên khăn tay trắng
trong những hộp đêm động cuồng trắng đen
mắt em thì nhắm lại
nhưng môi em mở ướm
như đóa magnolia bằng sáp
nở bung trong viện bảo tàng Natural history
chỉ có điều khác biệt giữa môi em và hoa magnolia là
người ta không mở cửa viện bảo tàng suốt đêm

Không Hề Có Thơ... Trên Mặt Đất

Huỳnh Mạnh Tiên

Văn chương không có quần chúng là mẩu văn chương tự hoạn. Thơ, dĩ nhiên không bước ra khỏi quy luật trên. Cái gì đã làm người đọc hôm nay khựng lại trước triều thơ đương đại? Câu hỏi ném ra--Đông sa lửa hạ.

*

Thử đưa ra một mẫu chơi. Ghép thơ.

Không tận chân trời xanh thơ thở trắng trời

Trăng Ba Vì sao đổi chữ thiên di

Em ở đây mà em ở đâu

Chiều Âu Lâu

Bóng chữ động chân cầu (1)

Vũ trụ thơ bao đời vẫn là vũ trụ của các con chữ. Người hòa giải được các con chữ là người có thơ hay! Hòa giải bạn đọc với bạn đọc. Bạn đọc với nhà thơ. Nhà thơ với nhà thơ. Nhà thơ với nhà phê bình. Nhà phê bình với nhà phê bình. Và cuối đường hầm, sâu kín, thâm tình: mình với chính mình.

Không như cuộc đời, với thơ hòa giải chẳng o ép nhất thiết phải song song! Bù lại, ước mơ hòa giải đòi hỏi nhà thơ không những chỉ có thần

thông cất cánh bay lên, hay thần chú thần bác tuyên bố trời lùn đất cao, mà còn phải bát ngát tháo cũi sổ lồng. Sổ lồng sang sông:

Hãy vút mình đi như một cái bị rách

Chớ nghĩ bị rách nên phải quẳng đi. Rách hay lành, cái bị vẫn là cái bị.

Tác giả *Bóng Chữ* không kham thần thông. Ông cũng chả có cánh để cất. Thế thì ông chỉ còn lại cơ may duy nhất kia: rớt ráo vút cái bị của mình. Cơ năng ấy càng đáng nổi, kích thích nhân tính nhà thơ bệnh bông cá côn, chim bằng. Thi nhân phơi phới bay lên. Áo quần chữ nghĩa ào ào rớt xuống. Âm từ giai điệu vang vọng xôn xao cả vách đá Hoa Sơn. Kẽ lạch rừng cúi nhặt từng con chữ, bóng chữ, ngôi kết vàng lẳng thơ. Cái *mình* thoát vút đi, thơ thoát hóa giải thi nhân. Bởi thi nhân đã tự hòa giải với cái *mình* trước đó.

Những thú rong chơi, những trò diễn dịch, những cuộc nguy biện văn chương bao giờ cũng yêu sách một trái tim trẻ, một hương môi nồng ấm đam mê, một tấm lòng ê hề rộng mở. Vòng nguyệt quế hay K.O là một chuyện khác. Cái trẻ, cái đam mê, cái ê hề rộng mở phải chăng là cánh *quẳng bị đi*. Thiện tai. Thiện tai. Nhà thơ cao mao không còn cao mao. Kẽ diễn dịch cao bồi rơi súng cao su. Người đọc (cao thâm) buông bỏ tính suy trước nghĩ sau. Thơ thăng hoa từ đấy.

*

Bốn câu thơ treo làm tiêu đề, do hủ chơi puzzle tháp ghép các con chữ trong những giờ phút mà kẻ hèn này cô đơn hạnh phúc nhất. Trò cắt, sắp xếp, đổi ngôi vị chơi thơ ấy bởi tác giả *Bóng Chữ* gây men: dù thơ ông chưa đọc được từ phải sang trái, từ dưới lên trên, từ góc chéo này qua góc chéo nọ, ít ra ông cũng hòa giải tôi với thơ vô ngôn chí.

Thơ, hôm nay vẫn cứ đọc bằng ký ức, kiến thức cố định? Vẫn cứ nhất thiết bằng tai, mắt của thời *Vang Bóng*, thời *Cô Lựu*, thời *Tuấn Đi Tây*? Hay, thơ-hôm-nay cần đọc với cái mình vút đi, cái mình chưa biết đọc: bằng tai trong mắt, mắt trong tim và máy dò âm trong đầu. Một anh bạn đã có lần đá chân, nhắc khéo tôi: *Mp mắt thì nhìn thế quái nào được! Nhắm mắt lại... để thấy hương lửa ấm áp trong lòng*. (2) Tôi vội vàng làm theo. May tôi nhờ, rủ anh chịu.

Khi nào chúng ta còn mở mắt, tỉnh táo lấy Kiều thì khi ấy Nguyễn Du chưa chút bận tâm tái sinh. Không lý do gì bởi... quá quý yêu cụ nên các nhà thơ lớn hôm nay để mặc quần chúng quần thảo Kiều thêm 100 năm nữa!

Mỗi bận chữ nghĩa diện áo xuân chơi đèn Vũ Vu là mỗi lần thơ đời

nhà, ăn tân gia. Độc giả, người bạn được mời lao đao, lắt léo lần tìm căn hộ mới mà tên đường không hề có trên bản đồ thành phố. *Chúng ta hãy làm thơ như chưa bao giờ làm thơ, và cứ tảng lờ như chưa bao giờ có thơ, đã từ lâu rồi, trên mặt đất.*(3) Và biết đâu, giòng đời, cõi không tương xứng thơ hóa giải thành cõi tương xứng.

*

Thời nay đâu còn là thời của Ưc Trai.

Ăn bát phở phải canh giờ. Đọc thơ, làm thơ cần nịnh vợ. Dám hỏi mấy ai đã từng chi ra 60 giây để chơi puzzle với các con chữ. Ví như thừa 60 giây kia, sau khi vui vẻ đã thông bát phở, bình nhật chúng ta làm gì, nếu không là a tòng với que tăm try lòng mảnh ngò gai ốm yếu kia, hay cọng mùi di tản nọ vương vất kẽ răng.

(Ô-là-la). Tôi không có ý ám chỉ thi ca người Kinh đi vào hẻm chột bởi cọng ngò gai Thái, mảnh mùi Việt Nam hay cục ớt đỏ Ớt-ba-chì đâu nhé. Cục mịch, ù lì tôi chỉ dám nghĩ: *Yhơ--cõi bất toàn, bất tận.*

Bất toàn. Thơ luân lưu khiêu nại cái mới. Mới trong cảm xúc. Mới trong cách nghĩ. Mới trong tình cứu mang, hạ sinh, dưỡng dục chữ nghĩa. thừa nhanh: mới từ trong mới ra. À!

Bất tận. Thơ liên tục mời mọc, năn nỉ điều mới. Mới trong cách đọc. Mới trong cách nhìn. Mới trong vòng hội nhập, diễn dịch chữ nghĩa. Thừa rõ: mới từ trong mới vô. Ồ!

Tuyên ngôn cấu trúc mới (?) trong thơ đương đại để chính mình làm quen với dạng thức thơ thế hệ III, hay di chúc cấu trúc thơ thế hệ I hầu trấn an lòng khi đi ray lên lớp học sinh, sinh viên?

Di chúc hay tuyên ngôn, cả hai đều nhũ dưỡng thơ. Chút dị biệt: đàn ông này dựa lưng vào dĩ vãng vô vãn *khăn đỏ, đuôi gà cao/tóc buồn buồn xuống lệ ngàn hàng; đàn ông kia trên bờ Dịch thủy nhìn sóng cuộn, nước trôi và tương lai lục bình.*

Trước đây tôi không lần nghĩ nhà thơ là nỗi cô đơn điển hình. Nay, trước những khai quật, khám phá (phảng phất đôi phần phá phách) bỗng nhiên lòng bàng hoàng thương quá người thơ. Người thơ?--Cái nhóm người nhỏ bé bỏ làng, xa quê, tung mình đi khai hoang vỡ đất, tìm vàng, lặn biển. Lỡ không may họ nằm lại bên rừng mắm, rừng tràm, bãi sắn, bờ Seine, Hudson... Vong linh họ chỉ siêu độ khi cõi chữ nghĩa không còn lập lòe những Mã Giám Sinh; những tiên sinh, tiên chỉ; những cai huyện, cai vườn, chủ soái, chủ tiệm; những thẩm quyền, thẩm tra, thẩm phán; những thiên tử, thiên sứ, thiên lôi; những mũ sắt, mũ nồi, mũ cối... Tôi vẫn có thể thống kê tiếp nữa nếu bạn hiền chưa thấy mệt. Nhưng cái đáng *mệt*

nhất vẫn là: đến với thơ bằng sự quá tỉnh táo.

--Và phải chăng
thơ của những điều chưa biết
mới thật gần
với số phận (của chúng ta)?(4)

Ô hay, giờ đây, nơi này, ngoài ưu tư *Tìm Hiểu Nghệ Thuật Thơ Việt Nam*(5) và *Nghĩ Về Thơ*(6) bạn làm mới thơ: *Thơ*, v.v...v.v...(7) Bạn lại còn đùa nghịch với cả tựa đề (ở bên ngoài). Mà có gì khẩn trương đâu, phải không bạn? Quên cái đọc kỹ, và cái biết đọc, bạn dặn lòng: Đọc cái *đọc thơ*. Tôi yêu quá tâm nguyện trên của bạn.

Người đọc thơ, số đông (kể cả đọc biểu, đọc mượn) luôn luôn mách yêu nhà thơ, thơ phải thế-này-thế-nọ-thế-kia (có nghĩa là nên nấu nướng theo *gu* quần chúng?) Cái thiết tha, thâm tình ấy của nười đọc bởi do sự âu lo quá to đến hậu tự của thơ mà có.

Về phía nhà thơ, tưởng cũng chẳng nên tra cứu bản cầu chứng *đọc cái đọc thơ* của quần chúng. Nhà thơ nên rà lại mình: cái bị ấy, ta đã vứt đi chưa? Con cóc là cậu ông Giời. Viết Giời để nhấn mạnh *cậu* đây là *bố*. Quần chúng là cậu nhà thơ. Dĩ nhiên.

Chẳng ai bắt nhà thơ làm thơ. Nếu có làm, nhớ đừng làm thơ... dở. Thế thôi.

Đường sang Tây trúc còn dài, thật dài. *Ngộ không! Con ở đâu?*

Hương thấp gọi ba lần không đáp lửa.(8)

*

Với một khối lượng người đọc teo tóp, lại thêm bệnh đọc nhảy dòng, chuyển kênh (đọc thơ tựa hồ xem tivi); với một tòa án thượng thẩm tứ mã ê a hát bài con cá vàng; với một đội ngũ nhà thơ có thực mới vực được đạo (vừa đi cày mưu sinh, vừa đi cấy thơ chùa, báo chùa) thi ca đương đại người Kinh rồi sẽ đi về đâu?

Không kiểng chân, dài cổ *téléscope* giải Nobel văn học, cũng không gối quỳ, đầu cúi, lưỡi lè trước long sàng, văn chương người Kinh vẫn có quyền nhìn thẳng mặt trời. Mặt trời mà mỗi giây mỗi mới, nh *mỗi ngày anh đổi một bàn tay*.(9)

Nhưng không hẳn thơ bao giờ cũng là anh chồng đáng yêu hay người tình điệu: bỏ sáo ngữ lao mình vào ngổ ngữ! Thiệt thôi không nhỏ. Bởi:

--Chúng ta chưa sẵn sàng tâm thế để chào đón mộ nhà thơ lớn như một người phá hoại lớn(10).

*

Năm 2000, 38 tháng nữa thôi, nhà thơ sẽ làm thơ rất ròn bằng vi tính, liên mạng... Độc giả chịu phiền đăng ký ghi danh mua mã số thì vừa.

Vũ rụ thơ, bao đời vẫn là những trận hóa giải long trời lở đất. Nhà thơ lớn, hoàng tử bé, không kiêu sa dè dặt, không diện giày sauut: nơi đâu có sứ mạng, trách nhiệm, thẩm quyền, uy tín là nơi đó có thơ tử tử, thơ cúc cung, thơ sáo sậu. Nhà thơ lớn Việt nam--Hoàng tử bé--người còn lẫn trốn nơi nào?

Cuộc săn bắt nhà thơ lớn cần phải ráo riết: để nàng xử nữ già có thể chiếu chăn vô tội vạ với thằng mười sáu. Chiếu chăn/Hòa giải/Quảng bị/Quảng be. "Jdu bon tabac dans ma tabatière..."

Giai âm tươi vui, mượt mà xa xưa kia bỗng trở thành nhảm nhí, lè nhè. Cái gì đã xô bật gã sinh viên 20 tuổi vào vòng chơi nhiều bất trắc, kể từ giây phút chiếc Boeng xê-ri-bảy kia đặt cánh xuống phi trường Marignane-Marseille, cách đây 30 năm?

*đoạn trường: hai
chữ mình/ta
Nhiều nhưong muôn
giọt
tâm tà tà
tâm.*

Thơ tắt tịt hũ nút phải không bạn?
Nếu viết theo ray, nó sẽ như sau:

*Đoạn trường hai chữ mình, ta
Nhiều nhưong muôn giọt, tâm tà, tà tâm.*

Đặng Tiến, bạn tôi, là một người tình điệu của thơ. Tài hoa và nội lực hòa giải các con chữ của huynh thuộc hàng thượng thừa. Không hiểu sao tôi có lần nghĩ qua các bài của Đặng. Đặng chỉ viết cho một giới độc giả cùng lứa tuổi Đặng (nếu không cùng thế hệ, thì ít ra cũng gần cùng tần số nào đó).

Trong những giờ phút sôi động, bấp bênh, những tháng năm nghiệt

ngã nhất của chữ nghĩa, của thơ đương đại, tôi mong huynh hóa giải những ngọn lửa kia. *Những ngọn lửa hồng, những ngọn lửa nồng. Ngọn lửa tình. Sáng và ấm.*(11)

Và bạn tôi sẽ là người tình già của nền thơ trẻ hôm nay. Một buổi mai, tôi bớt áy náy, tiếp tục ngồi uống trà, đọc thơ và làm thơ. Với một sinh thức bé yêu: phá chấp.

Thơ-hôm-nay: không chỉ đứng nghe, ngồi nghe. Cũng không hẳn ngồi đọc, nằm đọc.

Hôm nay, người đọc / nghe thơ phải là người sẵn sàng *tâm thế* tái tạo một tác phẩm mới!

Giờ bạn đọc còn vững tin vũ trụ thơ là vũ trụ của hòa hợp, hòa giải nữa không? Nếu may còn, xin bạn hiền bay nhanh ra các hàng sách người Kinh *hỏi giấy* các chủ tiệm:

--Này, sao không nhận bán thơ người mình?!

*Mùa Toussaint 1966 -
Huỳnh Mạnh Tiên*

Chú thích:

1. Trích, ghép (có dụng ý) Bóng Chữ, thơ Lê Đạt.
2. Cao Huy Thuần.
3. Khế Iêm.
4. Phan Tấn Hải.
- 5,6,7,10: Nguyễn Hưng Quốc.
8. Lê Đạt.
9. Trần Mộng Tú.
11. Đặng Tiến.

HUỲNH MẠNH TIÊN

Đẳng A.C – V.S.O.P

Một buổi rượu sang bằng ba tuổi người
Em chớ nằm cười mà đứng tuổi xưa

Không cửa Bourgogne tuổi dưới 4
Không nhộn Bordeaux tuổi kém 5
Không xăm mình xúc miệng các em Bạch Cư Dị
Valéry, Marquez, Lacan... mụn cá m cà lăm
Chăm vang tròn 10 tuổi nút
Phục *nàng* nồng 30 xuân
Những em 10 tuổi
Nặng tay / nhẹ túi xin bê về phòng
Nhưng các cụ 30 thì
Cần cần trọng *có chồng hay chưa*

Khi đây / thơ AC / VSOP liệt lăm 20 niên vò
Rót không cầu no, chỉ cần đủ hò
Nút kia có tuột tuổi rằm
Đỏ chảy lỗ không
Rượu ngon cái cặn cũng ngon
Thơ son... cái cặn có còn son thơ

Một tuổi thơ sang nghe vang cả đàn
Tròn nút giềnh giàng:
Liệt sĩ họ be.

Tôi xin nói nhỏ (nói rõ và nói có): Đẳng viên A.C. (Appellation Contrôlée)
và V.S.O.P (Very Special Old Pale).

Trầm Phục Khắc

Ra Phết

Những dặm hải trình chưa thấy xanh bóng
bất chấp cơn giông đen kịt
giữa đôi ta
em
giốc cho hết những khoang sáng
xuống chỗ xoáy của
quê cha
-- khi ả quay về
hả hê chưa
-- bảnh ra phết những hải
phòng phan thiết... đã tối tân hóa

PHAN HUYỀN THƯ

Thị Mầu 97

Này chị em ơi!
Nhớ ai gặm gào trong cổ họng
Rồi cười nữa, rúc mặt đám đông
Xanh thì đỏ
Tím thì vàng
Váy ngắn thì chân phải cong
MỘT MÌNH: ĐẠO ĐỨC -- CƯỜI THÂM: SANG TRỌNG

Này chị em ơi!
Thích ai thì nói ngọng thành khinh
Thằng này đều -- con kia kinh
Con này cởi áo quần nhanh lắm!
KHÔNG PHẢI BẠ AI CŨNG VÉN MIỆNG TỤT LỜI.

Này chị em ơi!
Yêu đương thì phải giữ gìn
Vào sau cửa buồng vốn vũ mười lăm phút
Ra đường đoan trang chớp mắt thướt tha
YÊU KHÔNG ĐƯỢC ĐÁNH MẮT MÌNH
CHỈ ĂN CẤP NGƯỜI TA

Đấy chị em ơi!

NGÔ THỊ HẢI VÂN

Bản Thân

Có bao điều
lo nghĩ
trong mắt ai
sớm hôm
đi về lủi thủi

Ta
hạt cát vô tình
mài vệt gót chân
ngày qua
đêm còn chữa vội

Ta
sợi dây leo
buông mình
quấn
gạch nối--hoàng hôn

Cây Sống Đời

tặng TVL

Không là cổ thụ để đi vào cổ tích
chẳng là hoàng mai, tùng bách
để phô trương cốt cách
cây sống đời nhỏ bé
bốn mùa xanh
cũng ăn đất uống sương
thở khí trời mà sống!

Dù có bị vặt thân nhỏ gốc
cách đất
ngăn trời
là sống đời
thì cứ phải xanh
uống nước lã
tự
trưởng sinh

Sống đời quyết giữ màu xanh
cho không sương nắng đời mình

NGUYỄN HUY QUỲNH

Snoddy

đêm phi châu rừng rậm
em hiện rõ môn một
đuôi thú hoang
cánh cửa này có phải là tiền kiếp
sao ai cũng thích ngó vào
dù lấm lét
(cười ngượng nghịu)
Kìa coi chừng !
phía sau
mỗi người đều có một cái đuôi
rất khỉ
phải chăng anh
phải chăng tôi
phải chăng em
ai ai cũng thích một chỗ nằm
bên trái/bên phải
cũng thường thôi
quỷ quyết nào chẳng dấu vẻ phô trương
ăn thua gì súng bắn lẻ tẻ
Nào hãy bám chặt vào
xe bắt đầu lăn

HUỆ THU

Thơ Tự Do

Tôi thấy có những bài thơ
có câu vài ba chữ
có câu dài lê thê
tôi lấy giấy ra
và cầm bút thử
tôi đang phải làm gì đây
với cây bút trên tay
với tờ giấy trước mặt?

Tôi gục đầu
tôi nhắm mắt
tôi mở choàng hai con mắt ra
tôi chép lại những gì tôi mới nghĩ
tôi đọc
và tôi thích chí!

Ồ cũng một bài thơ sao?
hạnh phúc biết chừng nào
bởi trên đời này ai cũng là thi sĩ
không cánh mà vẫn bay
như mây ngàn gió núi...

HẠ THẢO YÊN

Buồn Một Mình

Một ngày soi lại
Khuôn mặt của mình
Một đời thơ đại
Trăm mối tơ tình

Giọt mưa đổ xuống
Buồn đã dâng đầy
Giòng sông chuyển động
Tôi về đâu đây?

Buồn nhịp đôi tay
Hồn tôi bỏ đó
Xin theo tháng ngày
Từng hơi em thở

Xin cùng với em
Ngồi đợi suốt đêm
Xin theo với em
Một đời êm đềm

Bây giờ bỏ hết
Bỏ hết cho em
Một lời giã biệt
Buồn thôi một mình

Ngủ, Một Đời

ngủ lên xe ngủ gật gù
ngủ ta một giấc ngủ bù năm canh
ngủ bên em ngủ trong anh
ngủ đêm mưa lạnh ngủ cảnh chiêm bao
ngủ ra khơi ngủ dạt dào
ngủ lên núi mộng ngủ xiêu bóng người
ngủ ta một giấc ngủ đời
ngủ em giọt lệ nói lời trăm năm
ngủ đi em ngủ thì thầm
ngủ cho anh bước xa xăm tìm về

Aleksander Wat: Thi sĩ và nghị lễ trừ tà của thế kỷ

Nguyễn Quốc Trụ

*T*ại nhà ga Saratov, nơi cả đám chúng tôi ngồi trong những thùng chứa con-te-nơ, đợi giờ đi, cửa bỗng mở, và mấy người ngồi kế bên đã xúm nhau kéo lên xe một người đàn ông. Anh ta cố gượng đứng, nhưng quá yếu lại té xuống sàn. Người đàn ông với áo lông, chiếc khăn choàng da rái cá, và chiếc nón quả dưa, trông thật chẳng giống ai...

Thời gian, cuối năm 1941. Chàng sinh viên Do thái-Balan vừa được thả từ một trại tập trung. Hitler tấn công Liên Bang Xô Viết, tháng Sáu. Theo một thỏa ước giữa Stalin và chính quyền lưu vong Balan, cái đế quốc khổng lồ, gồm những trại lao động khổ sai và những nhà tù, lừ đừ nhả ra một số *cư dân* của nó, trong có chừng hai triệu người Balan, những lưu đầy biệt xứ sau khi đất nước của họ bị xâm lăng và sát nhập vào Liên xô, tháng 9 năm 1939. Hưởng tới của đoàn xe, Alma-Ata. Tại vùng Á châu thuộc Xô Viết, người ta đồn, những chiếc xe chở thực phẩm. Tại đó, những bộ xương được *vỗ béo* cho đến khi họ có thể cầm nổi khẩu súng.

Người đàn ông với chiếc khăn choàng da rái cá, chiếc nón quả dưa là Aleksander Wat, nhà văn-nhà thơ Balan, một người mà *thế giá* của ông chỉ đến bây giờ mới được Tây Phương biết tới. Hình ảnh *siêu thực* kể trên là một trong chuỗi dài, gần 7 năm, giữa nhà tù Xô-viết, lưu đầy biệt xứ tại Kazakhstan, trước khi ông trở về Balan vào tháng Tư, năm 1946.

Đêm đó, sau ông ghi lại, *trong lúc đi trong bóng tối nhà ga, tôi thấy một người đàn bà bị hiếp*. Nhà ga rất rộng. Chẳng ai để ý đến chuyện đó, tuy loanh quanh hiện trường cũng có một vài người, kể cả Wat. Chỉ mấy tháng trước, ông cải đạo trong phòng giam, từ một gia đình Do thái qua Thiên chúa giáo. Nhưng cảnh một số người hãm hiếp một người đàn bà, không ai đứng ra can thiệp, cho dù người đàn bà đó có kêu la, gào thét, chẳng làm ông cảm động.

Trong phòng giam nhà tù Saratov, tôi đã có một viễn ảnh về một nước Nga khổng lồ, với sự bành trướng của nó, với triệu triệu những thảm kịch của con người... Và trước mắt tôi, thảm kịch bằng xương bằng thịt của một nước Nga đang bị hãm hiếp... Những gì mà tôi trải qua ở Saratov như đạt tới cõi sâu thẳm trong tôi; nhưng thật mỏng manh, lớp bụi mờ nó để lại. Tôi không cảm động trước cảnh tượng này; tôi đã nhìn những người đó như phân người.

Ông đang trên đường về phương nam tìm vợ, Olga, và con, Andrzej. Họ đều bị bắt, và đã 18 tháng trời, ông không biết số phận họ. Trong một trại tập trung tại Kazakh, vợ con ông cố gắng để đừng bị chết đói, ngoài những giờ lao động khổ sai, bán quần áo vật dụng của họ, hoặc ăn cắp chút bột mì. Vào tháng Hai, 1942, Olga gặp chồng ở Alma-Ata. Bà kể lại: *Một ông lão ngồi trên chiếc ghế đẩu... hướng cái đầu về phía phải, và Aleksander đang đứng ở giữa một căn phòng khác, cúi húi viết. Anh cũng không nghe thấy tôi bước vô. Lần chót chúng tôi nhìn nhau, đó là khi anh bị bắt. Lúc đó, anh 40, khoẻ mạnh, tóc đen nhánh, cặp mắt sáng. Đây là một người đàn ông già khản, ốm nhom, cùng kiệt. Ông nhớ lại: Andrzej trông như một đứa trẻ từ một ghetto Warsaw. Nó bắt đầu có triệu chứng ho lao. Olga bao nhiêu rồi nhỉ? Cô ta mới 30 mà sao trông như một bà già 60.*

Lần chót nhìn nhau không phải là lần chót xa nhau. Vài năm sau, cả hai lại bị bắt vì từ chối thông hành Xô-viết. Olga bị đánh đập, đối xử tàn nhẫn bởi đàn bà Nga, trong nhà giam. Họ được đoàn tụ, để được lưu đầy, tại Kazakh, gần biên giới Trung Hoa. Nhưng những đồng hương không quên họ: sau chiến tranh, nhờ sự can thiệp của những nhà văn Balan, sau cùng họ đã được thả, vào tháng Tư 1946.

Chuyến xe lửa ngừng giữa một cánh đồng, cách đó vài dặm là những hoang tàn đổ nát của thành phố Warsaw ngày nào, và nhả ra ông bà Wat, với những cái bị đầy những lon gô, đĩa nhôm, mẩu bánh mì khô, rẻ rách... Họ đi nhờ xe, cuối cùng hoảng sợ khi biết tài xế là mật vụ. Nhưng anh ta không lấy tiền: *Tôi không đòi tiền công, từ đám tuấn nạn.*

Những gì mà bây giờ chúng ta được biết về cơn hỗn loạn chính trị của lịch sử Balan thế kỷ thứ 19, một phần lớn là nhờ cuốn băng hồi ký lạ thường, của A. Wat: *Thế kỷ của tôi: Cuộc phiêu lưu của một trí thức Balan.* Người đề ra ý nghĩ, ghi âm hồi tưởng của một thi sĩ Balan, bệnh hoạn và quá đau đớn không thể viết, cư dân Berkeley từ năm 1964, là Gregory Grossman, thuộc Trung tâm nghiên cứu Slavic và Đông Âu, Berkeley. Ông giao trách nhiệm cho Czeslaw Milosz, (thi sĩ, Nobel văn chương). Wat nhận ra ở Milosz, một người nghe lý tưởng, và có cảm tưởng, những lần họ ngồi chung, Milosz đang làm một nghi lễ trừ tà ở nơi ông. *Thế kỷ của tôi--Milozs* gọi là những buổi gọi hồn, trong đó, ông vinh dự được phục vụ như là một *phương tiện*--không chỉ là một công trình lớn lao của riêng người nghe, cũng không hẳn là di chúc của người kể. Cùng từ một nền, Milozs

hiếu ngay lập tức, điều nhà thơ đang nói, và những gì bạn mình cảm thấy khó khăn, để nói ra. *Tôi nhận ra liền, một điều chi độc nhất vô nhị, đang diễn ra giữa chúng tôi. Không hẳn chỉ là vấn đề, tôi, một cá nhân riêng lẻ, khác, trên mặt đất, một kẻ cũng đã từng kinh qua thế kỷ và có cùng ý nghĩ về nó, như Wat. Ở đây, chẳng có chi mắc mớ đến sự độc ác tàn nhẫn, của số mệnh, hay của lịch sử. Hàng triệu triệu con người đã đau thương, cay đắng vì nó, còn hơn Wat. Không, vấn đề ở đây là “một tính khí”, (a cast of mind), một văn hóa... đặc biệt văn hóa của tầng lớp trí thức Balan.*

Những cuộc ghi âm bắt đầu bằng cuộc đời chính trị, văn chương của Wat, trong những năm trước chiến tranh tại Balan, và bất thành lĩnh bị ngắt quãng ở khúc Kazakhstan. Milozs phải rời Paris, (cuộc ghi âm được thực hiện, năm 1964 tại Berkeley, và tại Paris, năm 1965), và không một *phương tiện* nào thỏa đáng có thể thay thế ông. Khúc ngắt quãng cận kề thời điểm gia đình ông trở lại Balan: Những năm tù đầy, cuộc hành trình tinh thần của Wat, tới với chủ nghĩa CS, rồi từ bỏ nó quay về niềm tin tôn giáo, và nổi đốn đau vì tội lỗi, và sự hối hận, vì đã có lần *tán trợ* một ý thức mà sau ông coi là *quỷ ma* (satanic). Nhưng đây chỉ là một phần, chuyện của Wat.

Khi Wat còn sống, một nhà phê bình Balan đã tuyên bố: *Chẳng có gì ở trong tác phẩm của ông, họa chăng, những dở dang.* Mười ba năm, sau khi những cuốn băng được thực hiện, Tomas Venclova, thăm viếng Berkeley, và *lại khám phá ra* thi ca của Wat. Trước sự ngỡ ngàng của ông, đây là một nhà văn hàng đầu của thế kỷ 20, chưa từng được khám phá, tại Tây phương. Hai mươi năm sau, mặc dù hai tác phẩm bằng Anh ngữ của Wat, thơ ca và truyện ngắn (Lucifer Thất nghiệp), và *Thế kỷ của tôi*, đã được xuất bản, nhà văn *lập dị*, nhà trí thức Wat vẫn gần như *vô danh*, và không được *đánh giá cao*, tại xứ sở của ông. Những dở dang. Cuốn sách của Tomas Venclova (Aleksander Wat: Life and Art of an Iconoclast, nhà xb Yale University Press, 1996), là một cố gắng bổ sung những thiếu sót đó. Tác giả là nhà thơ, nhà phê bình người Lithuanian, hiện đang giảng dạy tại Yale. Theo ông, Wat là một trong số ít người đã thực sự đồng nhất, với những *hoài vọng, những ngậy thơ vụng về đến trở thành ngớ ngẩn, mù loà, và cuối cùng là những ảo tưởng bị tan vỡ*, của những thời kỳ hiện đại.

Wat sinh vào May Day, 1900, tại Warsaw. Gia đình Do Thái trung lưu. Cha mẹ là những người Balan ái quốc, tuy ngôn ngữ thứ nhất của họ là tiếng Nga. Một trong những hình ảnh mà ông còn nhớ được về người cha, và một trong những người chị, là bữa họ trở về, thân thể bầm nát, đầy máu me, sau một cuộc biểu tình chống Nga-xô, vào năm 1905. Những năm sau, thường xuyên bị tra vấn, ông nghĩ sao về chính mình, Do Thái hay Balan, *phần nào nhiều hơn*, Wat coi câu hỏi là *phiếm diện*: *Tôi không bao giờ cảm nhận về mình, là Dothái-Balan hay Balan-Dothái... Tôi luôn luôn thấy tôi như là một Dothái-Dothái, và Balan-Balan.*

Ông tin tưởng trách nhiệm đạo đức chính của ông là *đưa ra một giải đáp triết học về hiện tượng quyết định bước đi của thế kỷ bị đọa đầy*, qua những phương tiện *nguyên sơ đến ngỗ ngàng, hoảng sợ*. Wat mong muốn, ông giải thích, *nhảy múa trên những điều tàn... chà sát ngôn ngữ thành mùn, để tạo từ; như vậy những âm tiết của chúng sẽ làm nên một "idiom" mới, cho làn da trần trụi, của một người*. Bài thơ xuôi dài Dadaist của Wat, *Me from One Side and Me from the Other Side of My Pug Iron Stove*, khi Wat mới 18 tuổi, được Venclova coi như *cuộc chiến của ông chống lại nghĩa* (his war against sense), và là một trong những bài viết tiên phong, cơ bản nhất thời kỳ này, xác nhận đánh giá của Vladimir Mayakovski: Wat là một *Nhà thơ Vị lai bẩm sinh*.

Nhưng Chủ nghĩa Vị lai Balan, tự thân, chẳng mấy chốc bị *nhận chìm* bởi những ảnh hưởng từ bên ngoài. Một trong những ảnh hưởng đó, là trò thờ phụng, sùng bái mang tính thời thượng, sự hung bạo. Ở Tây phương, ảnh hưởng này đẩy các nhà thơ tới chủ nghĩa phát xít. Ở Balan, nó được *đại diện* bởi những trò ác độc, tàn nhẫn của Cách mạng Boshevik. Các nhà thơ bắt đầu nghiêng về phía tả, vào những năm 1920. Jasienski là một trong những người đầu tiên: *Chúng ta sẽ dí nát mọi thứ dưới đôi bốt của chúng ta, (kể từ khi chúng ta) đẹp, bao la như trời biển, và mang chất người*. Ông di cư sang Liên-xô, và cùng với rất nhiều bạn thân của Wat trong phong trào CS Balan trước chiến tranh, bị sát hại bởi Stalin. Chính Wat cũng bị mê hoặc bởi ý tưởng *Sự hung bạo thanh hóa* của Cách Mạng, và giấc mơ về một nền văn học mới, vô sản. Nếu ông, sau cùng không gia nhập đảng CS (thẻ đảng viên chính thức của ông cho đến giờ vẫn là một nghi vấn), cho dù vậy, ông đã là một bạn đường nhiệt thành--một *captive mind*, theo nghĩa được diễn tả bởi Milozs.

Vào cuối thập niên 1920, Wat là một khuôn mặt nổi tiếng ở Warsaw. Ông đã cho xuất bản *Lucifer Thất nghiệp*, và đã kết hôn với Paulina Lew (Olga). Bà là nguồn an ủi, và hỗ trợ ông suốt cuộc đời còn lại. Năm 1929, ông là chủ biên tờ báo CS mới *Literary Monthly*. Mặc dù khuynh hướng sùng bái chủ nghĩa Stalin, tờ báo rất được ưa chuộng giữa đám trí thức căn bản Balan. Đây là những năm hạnh phúc của Wat, với Olga, với công việc làm. Ông càng cảm thấy mình *thành công*, khi tờ báo trở thành một *điểm nóng* đối với nhà cầm quyền, nhưng chẳng được bao lâu, Wat và cả đám bạn bè bị tống vào tù vì phớt bầy chuyện tra tấn trong những nhà giam Balan. Họ trở thành anh hùng. Trong nhà tù, Jan Hempel, bạn của Wat, mất sáng rõ khi loan tin: *Anh biết không, hai lò luyện sắt bị cháy hôm nay, ở Magnitogorsk!* (Vài năm sau, đến lượt ông ta, bị bắn trong nhà tù Xô-viết).

Rồi tờ báo bị đình bản, liên hệ của Wat với Đảng CS yếu đi dần. Chi tiết về sự vỡ mộng của ông không rõ rệt. Nhưng trên hết, Wat chắc hẳn đã được biết, và lúc đầu chắc chẳng muốn tin, trong thời gian 1937-38,

khi cuộc thanh trừng lên đến cao điểm, Stalin đã hạ lệnh tàn sát tập thể chừng 5,000 đảng viên CS Balan bị lưu đầy tại Liên-xô, trong có cả tầng lớp lãnh đạo, và rất nhiều bạn thân của ông. Wat càng trở nên *u ám* hơn, vì chính sách của Xô-viết với nước Đức của Hitler, trước khi hiệp ước bất tương xâm được ký kết vào năm 1939. Khi Hitler xâm lăng Balan, vào tháng Chín 1939, Wat chạy thoát tới Lwów, với Olga và con trai Andrzej. Lwów trở thành thủ đô của *Western Ukraine*, chẳng mấy chốc bị sát nhập vào Liên-xô, trong khi Hitler và Staline tuyên bố xóa sổ nhà nước Balan.

Tiếp theo đó là *tận điểm* trong đời Wat. Lwów tràn ngập những gia đình tị nạn Balan, trong có nhiều nhà văn, nhà báo Warsaw. Những ông chủ mới Xô-viết chơi trò mèo vờn chuột với tầng lớp trí thức Balan, ép buộc họ thừa nhận và hỗ trợ chính quyền mới. Một số, tuyệt vọng vì sợ, chịu theo. Một số khác, nhìn ra *số phận sau cùng của chuột*, từ chối. Wat, cùng với một số nhà văn nổi tiếng như Tadeusz Boy-Zelenski và Wladyslaw, đã ký vào một bản tuyên bố *nhục nhã*, và bằng lòng làm việc cho *Băng Đỏ*, một tờ báo Balan của chính quyền. Venclova cho chúng ta thấy một đoạn trong bản tuyên bố:

Nhân dân thợ thuyền Tây-Ukraine, đã từng rên xiết bao thập kỷ dưới sự áp bức của đám chủ đất Balan và bọn tư bản, chỉ còn một quyết định độc nhất. Với hăng say, và niềm tự hào, họ tuyên bố ước muốn của họ, được sống dưới Định Chế của Stalin, trong gia đình hợp nhất, cùng nhân dân Xô-viết hạnh phúc! Nỗi tủi hổ về những tháng đó đã bao trùm lên hết suốt quãng đời còn lại của ông. Và niềm ăn năn về tội lỗi.

Sau đó là bất bố. Trường hợp bị bắt của ông y hệt như một xen kịch, ghê rợn và *tiểu lâm*, kiểu Shakespeare. *Bạn* của ông, Daszewski, mời ông và Olga đi ăn tối, tại một nhà hàng với một số nhà văn Balan. Một người lạ bước tới bàn, được chủ nhân giới thiệu, đây là *nhà sử học về nghệ thuật Xô-viết*. Tối một lúc nào đó, nhà *nghệ sử* túm lấy một thực khách, và tung hê bàn ăn. Một bầy côn quang, côn đồ vạm vỡ từ đằng sau những bức màn túa ra tấn công những người khách khác. Wat bị kéo ra xe, khi đó ông đã gần như bất tỉnh. *Bạn* của ông len lén *chuồn* mất. Olga nhìn thấy cảnh sát dẹp đường cho anh ta. Gần hai năm, bà không nhìn thấy mặt chồng.

Trong mấy tháng đầu, Wat bị nhốt, chen chúc với 28 bạn tù khác, trong một phòng giam nhỏ hẹp tại nhà tù Lwów. Vào mùa thu năm 1940, ông bị chuyển tới nhà tù Lubyanka, ở Moscow. Tại đây, *ít ra* ông cũng được ăn uống *ra hồn*, và được hỏi cung *đàng hoàng*.

Tội ác của ông sao chẳng rõ, số phận của ông cũng vậy. (Theo Susan Miron, tác giả bài điểm sách của Venclova, trên tờ Partisan Review, số 1, 97, ông bị tố cáo là Zionist, Trotskyite, và cho đủ bộ, *điệp viên* của Vatican!). Sau khi Hitler xâm lăng Xô-viết, nhà tù được di tản vào tháng Bảy 1941, và một lần nữa Wat lại thấy mình ở trong nhà tù chính Satarov.

Tình trạng của ông lúc này thật thảm hại, đói, bệnh, và chỉ mong quân đội Đức tấn công đưa tới chuyện mật vụ Nga, cơ quan NKVD sẽ bắn bỏ tất cả những tù nhân, trước khi bỏ chạy. Chính tại đây, ông đã cải đạo.

Wat đã cố gắng giải thích cho Milosz về chuyện này: Một đêm, yếu như sên, và lên cơn sốt do viêm ruột, ông nghe thấy Quỷ cười vang, bên ngoài hành lang nhà tù. Một tiếng cười lớn, thô, tới rồi đi, rồi tới gần hơn nữa. Sau đó Satan đi vào phòng giam của ông, *một con quỷ có sừng, con quỷ từ opera*. Wat hiểu đại khái, đây là *quỷ lịch sử* (the devil in history), nhưng *tôi cảm thấy một điều gì khác nữa. Uy Nghi của Chúa (God) đang trải dài lên lịch sử... Trần nhà giam được nâng bổng và trên cao kia, trên tất cả, là Chúa*. Sau đó, ông nhận ra là do ông mê sảng, và tiếng cười, thực sự chỉ là tiếng còi báo động phòng không của một con tàu tuần hành trên sông Volga. Nhưng mặc khải, và niềm tin, từ đó không rời ông.

Ít lâu sau, ông được tha, rồi tái hợp với Olga và con trai. Sau tới thời gian ở Alma-Ata, và lần giam giữ sau cùng, ở Kazakh. Nhưng ông bắt đầu viết lại.

Vào năm 1942, tháng Giêng, ông làm bài thơ *Những cây liễu ở Alma-Ata*. Bài thơ không hiểu sao *trôi dạt* về tới quê hương Balan, được in lại trên báo chí “dưới hầm”, thời gian Nazi chiếm đóng. Mặc dù những chi tiết, những references riêng tư, thế hệ trẻ Balan đã vồ lấy nó, và thuộc lòng:

*Liễu, ở đâu mà chả có liễu
Đẹp như thơ như tranh
Ôi liễu, ở đây, Alma-Ata.*

*Nhưng làm sao tôi quên được,
ôi liễu chết,
nơi phố xưa, Rozbrat,
Liệu liễu xinh,
mượt tay tôi,
làm quên liễu chết.*

*Núi, ở đâu mà chẳng có núi
Trước mặt tôi, Tian Shan giương cánh buồm,
tím,
chút ánh sáng phù du,
đá mầu,
nhật nhòa dần rồi biến mất
Nhưng làm sao tôi quên được đỉnh Tatry,
xa quá là xa
Ôi dòng suối Biala, tôi và con
từng tưởng tượng những chuyến giông buồm rục rở*

Hai cha con đều được chúc phúc bằng nụ cười thâm lặng
 của vị nữ chủ tốt lành của chúng tôi -
 hãy để tôi biến thành đá núi Tian Shan
 Làm sao quên bạn, nơi đây,
 làm sao quên chốn xưa,
 Ôi, quê hương của tôi

Đêm Warsaw, mưa, cổng về,
 người ăn xin vươn dài tay qua cổng,
 con chó cắn rách áo
 Hãy ngủ đi Jedrus...

Tôi vươn tay sâu muộn
 như liễu khóc Balan...

Làm sao quên Warsaw,
 chiến đấu
 Ôi Warsaw,
tạo bằng máu

If I forget Thee
If I forget Thou

Đằng sau sự bệnh hoạn của tôi, là con quỷ CS chủ nghĩa, Wat đã từng tuyên bố với Milosz. Nhà phê bình Stanislaw Baranczak nhìn ở ông như sự nhập thân hiện đại của Job, không phải bởi vì ông đau khổ hơn hàng triệu nạn nhân khác, nhưng bởi vì ông khẳng khẳng tìm cho ra nguồn cơn nỗi đau của mình. Như nhận ra, bằng tính cách tiên tri, chức năng thi ca của ông, trong Thế kỷ của tôi, Wat giải thích, làm một thi sĩ không có nghĩa là viết nên những câu thơ, mà là một cách thể đặc thù “kinh nghiệm toàn-kinh nghiệm”, trong đó bao gồm những việc làm của lịch sử... Chính trị, ông than thở, là số mệnh của chúng ta.

Trong cơn bão tố chính trị, chúng ta trú ẩn ở mắt bão, trên chiếc thuyền mỏng manh là thi ca...

Nguyễn Quốc Trụ

(theo bài viết của Neal Ascherson, trên The New York Review of Books, Nov 28, 96, và bài viết của Susan Miron, tạp chí Partisan Review, số 1, 1997)

LÊ GIANG TRẦN

Tiếng Chim Hót Chiều Lên

Từ đôi mắt mở to
em nhìn đời ngơ ngác
mái tóc vàng như một cánh mai rơi
màu oan khiên hay định mệnh
đã đưa vào đời đôi mắt biếc lặng thính
tuổi chưa lớn sao hồn mênh mông lạ
như biển vô bờ không một bóng chim
những lượn sóng u hoài không bến vô
trắng thanh xuân buồn bã úa trong hồn.

Em lớn lên như mai gầy trong đông giá
và mùa xuân cánh én mãi tận xa
biết gì đâu, mái tóc vàng, thân trẻ dại
những cơn đau cộm cỗi nép theo đời
chòm xóm thị phi, bạn chơi đùa nhạt nhẽo
mất vừa vui đã u ám hồn thơ
mộng vừa đẹp đã kinh hoàng đêm tối
em vội biết đời mình như hoa ổi
nở giữa vườn hoang, ong bướm lạnh lùng bay.

Em mừng tượng đêm đen đầy dơi quạ
Cảnh đồng không im vắng bóng cò
Có lẽ đời em cũng lạnh lùng hoang dại
Phật trời ơi, sao em khác màu da?

Em oán giận những nàng chim hoàng yến
Những bướm vàng và những cánh mai xuân
Em đâu muốn tim mình hai giòng máu
Mất màu ve và tóc óng nâu vàng.

Em có biết chi lòng người nghiệt ngã
Những nụ cười và ánh mắt gai đâm
Có lẽ thế, em thu mình như ốc hến
Chìm thật sâu, xa cá nhỡn nhớ đùa
Mà đáng lẽ em trong đàn rục rờ
Và người ta trân quý vô cùng.

Ôai những uẩn ức không thể nào như gió
Hay như mưa có thể trút nỗi niềm
Cùng cây cỏ hay cùng mây trôi mãi
Mà hình như một khoảng cách tận cùng sâu
Dưới hồ thẳm rêu xanh nằm gọi nắng.

Em gọi đời, đời ngoảnh mặt vô tâm
Em gọi trời, trời chẳng mọc trăng xanh
Em tưởng tượng đời mình như trăng khuyết
Em ao ước phải chi mình không biết
Những màu xanh và những màu hồng
Của bình minh và của cỏ mơn xanh.

Tiếng chim hót chiều lên nghe buồn quá
Tiếng lá dừa, tiếng bụi chuối, tiếng hàng tre
Tiếng mưa rơi trên lá xuống mái nhà
Như buồn thấm vào hồn giếng gieo điệu hát
Như vỗ về em cô bé lạc loài
Như định mệnh đẩy em vào âm nhạc
Tiếng hát từ tâm nở ngọt trên môi.

Em cất tiếng ca lên cùng chim hót
Cùng gió mưa sùi sụt giữa đêm hoang
Cùng lá cây xào xạt giữa cơ hàn
Cùng tiếng đế tiếng ve và tiếng võng.

Tưởng tượng tiếng hát mình bay mãi
Đến những thiên thần âu yếm nhìn em
Giọt nước mắt tự bao giờ đã nóng
Trên môi non trên cánh mũi thơ hồng
Em tự biết tự bây giờ em đã khác.

Qua con biển, qua bầu trời xanh lạ
 Như hạc vàng, em vọng tưởng cảnh thần tiên
 Thôi, quê hương đã nhìn ta ghẻ tạnh
 Già từ mi hãy ở lại đừng buồn
 Ta mai một có xanh đời như mơ ước
 Sẽ trở về thăm lại chốn đời ta
 Nơi đau đớn đã nuôi ta thành mạnh mẽ
 Và chim chiều đã dạy ta ca.

Thôi nhé, thân thương trời đất ấy
 Hãy tiễn ta đi, về cõi an bình.

Lưu vong

Thành phố Thiên Đường ngoài trái đất
 nơi khách địa cầu giàu có vãng lai
 du lịch không gian ghé vào mua cảm giác
 những cuộc truy hoan bay bổng giữa lưng trời

Họ mang kính xem phim ba chiều kích sex
 chiếu nổi trong chân không như thực sự là người
 (không kể ra chi tiết
 xúc cảm huy hoàng hay hành lạc đê mê...)
 và làm tình đến khi tuyệt đỉnh
 gã phóng tinh vào vô trọng lực không gian.

rô bô xong nhiệm vụ dọn phòng
 xếp mọi thứ vào an toàn khóa cất
 bấm nút phục hồi tinh khiết oxygen
 hút ô uế thải ra ngoài biển gió
 những con tinh trùng người
 lưu vong vào vũ trụ mệnh mông...

NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG

Thơ Vân, Tái Bút

Truyện Kiều còn, tiếng nước ta còn... những câu này:

*Chàng Vương quen mặt ra chào
Hai Kiều e lệ rúc vào nách nhau*

*Sè sè nó “tươi” bên đàng
Rầu rầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh*

*Không tiền đừng có mò tiên
Chữ tiền liền với chữ tiên một vần*

*Hỏi ông ông mắc tụng bà
Hỏi nàng nàng thích thịt gà xé phay*

*Rằng hay thì thật là hay
Nghe như văn... tế máy bay thế nào*

Và vân vân. Và vân vân

Truyện Kiều mất, tiếng nước ta vẫn còn... những câu sau:

*Mình về mình nhớ ta không
Ta về ta nhớ cái m... mình cười*

*Đêm qua ra đứng bờ mương
Trông cá cá mập trông lơn lơn còm*

*Mưa phùn ướt “duýp” mini
Mưa bao nhiêu hạt anh “gì” bấy nhiêu*

Chưa gặp em tôi vẫn nghĩ thầm

Có nàng thiếu nữ mặt như m...

*Ô kìa con Nguyệt trần truồng tắm
Lộ cái khuôn tròn dưới đáy khe*

Và vân vân. Và vân vân

Các câu thơ (tại sao không?) đã kể ở trên, tôi thu lượm từ thời còn đi học. Chúng phản ánh điều chi? Tiếng Việt ta dễ nên thơ vắn? Cái tính ưa châm biếm (và châm chọc trả đũa) của người mình? Hay chúng chỉ muốn... tả chân?

Câu Nguyện Cho Hòa Bình Hay Là Trình Diễn Thơ?

Tặng Nguyễn Hoàng Nam

Một buổi sáng hè khá xinh có gã da vàng thỉnh thoảng xuất hiện trên con lộ lớn ở Oa Sinh Tồn. Gã mặc jean đen, T-shirt trắng, ngồi xếp bằng trên bờ lề trực diện Tòa Bạch Cung. Một tay chắp trước ngực, còn tay kia gõ mõ, gã lim dim lắm lắm, đọc: một cái lồn, hai cái vú / một cái lồn, hai cái vú / một cái lồn, hai cái vú... Người đi đường và du khách bu lại xem đông nghẹt. Máy phim, máy ảnh, bấm bấm bấm, lia lịa. Rồi... ai nấy đều như vị thôi miên, theo nhau ngồi bệt xuống đất nhập thiền. Họ cũng hướng mặt về Tòa Nhà Trắng, cũng chắp tay, lim dim, phát âm theo chàng trẻ tuổi mái tóc để chấm vai: moo kei loon, hey kee vu / moo kei loon, hey kee vu / moo kei loon, hey kee vu... Trong thoáng chốc, thời gian như chậm bước lại. Quả đất hiện lên nồn nà và êm ả khác lạ. Gió thoảng mát rượi. Đồi núi xanh tươi. Biển vỗ những nụ cười. Trời cao vút tầng mây, lơ lửng menh mông, menh mông phút vĩnh hằng. Nhưng còi bỗng hú vang, một tiểu đội lính cảnh sát ào tới, dúi cùi nhĩ nhận mồi đám đông giải tán. Không được. Bèn vây, chặn, rượt, bắt, lừa, hốt hết lên xe van mang về bót, bắt đóng phạt. Vì tội cản trở lưu thông.

NGUYỄN HOÀNG NAM

Gia Tài

*mồôôt nghìn năm nôố lềệ zặc Tàu
mồôôt trăm năm đốố hồộ zặc Tây
haaá á á aaii mười năm nôội chiến từng ngày
za tài của mẹ đề lại cho con
za tài của mẹ từng từng từng
ta rum túm tum tum tum (1)*

những giây phút cuối cùng của con cặc tôi
cũng khá cảm động (2)

không có microphone
nó càng phải gắng gượng thều thào to lên
để mọi người quanh giường bệnh có thể nghe

con cặc tôi xin lỗi đã làm cái của nợ báo đời
làm tôi ba xạo với đàn bà
làm tôi lo lắng không có tiền làm sao dám sinh con
mỗi đứa con như nợ một căn nhà
làm tôi dè dặt hoài nghi sợ hãi vì Aids
làm tôi thích tiện nghi thủ dâm
làm tôi nơm nớp ăn ngủ không yên
vì tình trạng sức khỏe của nó

con cặc tôi nhấn lời chào trù mến ngượng ngùng
 tới những cái lồn dễ thương và những đôi môi xinh đẹp
 đã từng nâng niu âu yếm nó
 nhưng nó chưa từng được gặp mặt một lần
 buồn bã bên này màn latex

con cặc tôi rơm rớm nước mắt
 run run đưa tay lên cổ sửa lại cà vạt
 cố thu chút tàn lực cuối cùng
 tỏ lời hối tiếc ăn năn
 đã không làm rạng danh người đi trước
 và không có gì để lại cho thế hệ sau này (3)

LTS:

Một màn lừa bịp độc giả. Trò màu mè không che đậy được những âm thanh nhàm chán, vô nghĩa.

Theo lời kể lại thì cảm động ngang ngửa với các bài diễn văn.

Đoạn này rõ ràng lạc đề, tác giả ngang nhiên nhét đại “nợ núi sông” vào để làm hài lòng những người thích loại đoạn kết này. Về hình thức quá nặng phần trình diễn, nội dung thì tác giả đã nói quá lố, làm trầm trọng thêm ra. Bởi vì, theo kinh nghiệm lịch sử của chúng ta, không có thế hệ cặc nào để lại được gì cho một thế hệ khác cả, ngoài những bài diễn văn.

táo xon

Đôi môi căng đầy
bặm lại nhè

nhẹ
thấmmmmm
son vào miếng khăn giấy.

Đầu lưỡi ươn ướt
ỏn

ẻn
trườn
ra trên cánh môi dưới đang hé,

vừa kịp đỡ lấy một muuuuuống đầy

dính dính, ngây ngây,

nhơn nhớt, ngọt ngào,

những hạt đậu xanh tan trên thân
lịmmmmmmmm lưỡi.

Chiếc lưỡi thoăn thoắt thu vào,
đôi môi quăn quít ôm chặt chiều cong
của lòng muống đang rút ra

nhanh nhẹn

g ợ ợ ợ t
sợi
nước
dừa n
h
ể
u

lên cồm cồm
Đầu vú hơi săn nhột nhột áo lót,
Ly chè còn đầy, chúm chím, chắc cũng phải mười mấy
muuuuuống nữa...

HOÀNG CƯỜNG LONG

Chẳng Che Được

Chẳng che được
Che được
Những tiếng khóc
Người đàn bà
Tung ra
Hè cập kênh

Chẳng che được
Nhìn Được
Khuôn mặt cúi
người đàn ông
Xăm đen
Đứng bên rào tối thui

Ngôi nhà lớn không nói
Hàng cây giơ lá tươi

Chẳng làm gì
Làm gì
Cho đủ
Một câu hỏi
Ngàn cách trả lời
Rồi hết tức tưởi tuổi ba mươi
Cái sọc một đời lành miệng
Phần còn lại đừng để mất nguyên sơ

Ngôi nhà lớn kiêu mới
Hàng cây vươn tới trời

NGUYỄN CHÍ HOAN

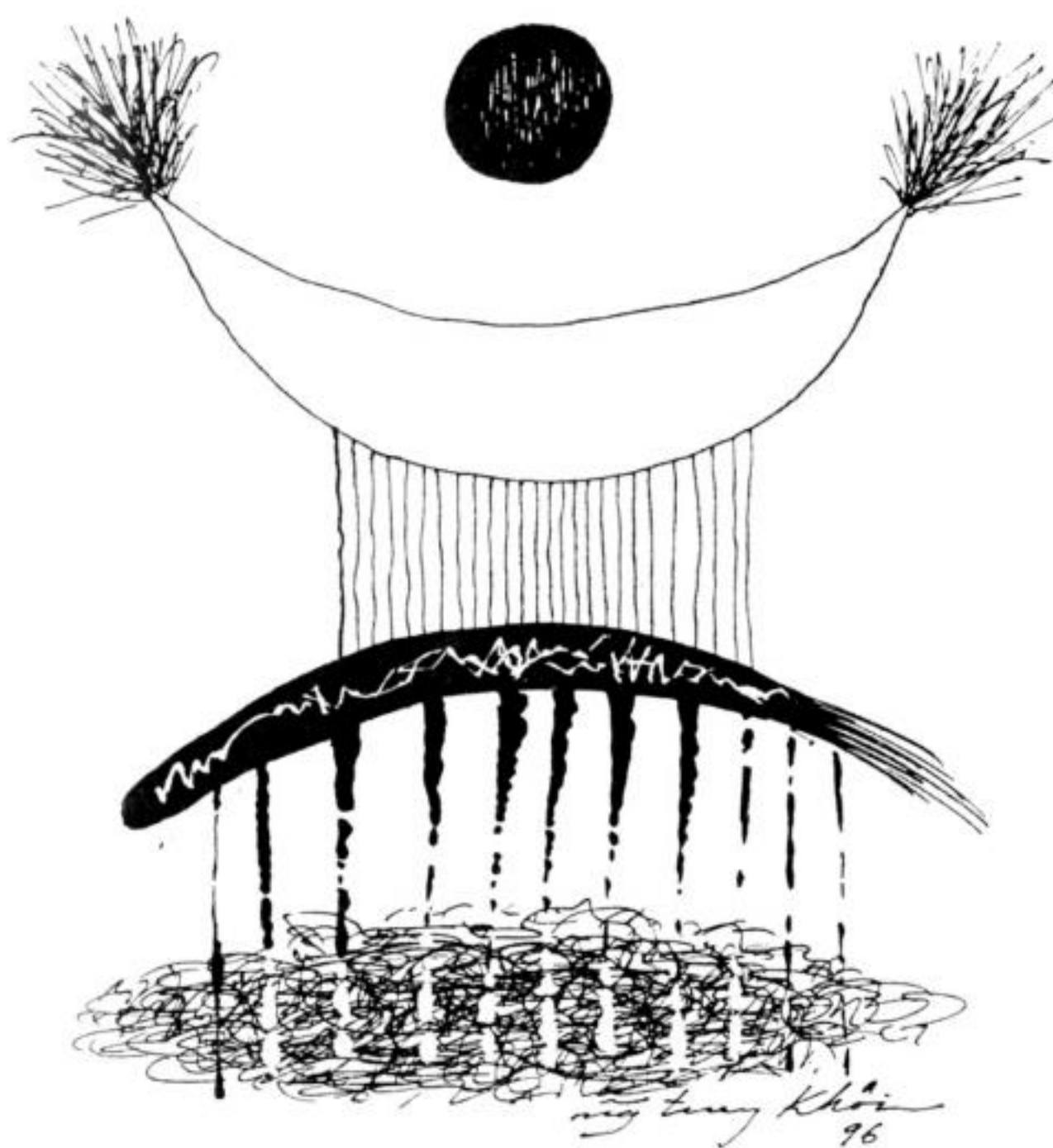
Hoa Cỏ

Những bông hoa cỏ trên bàn
Như trên bình nguyên gió lay
Trong thung lũng đầu thu cỏ đuôi chồn tím hồng
Tiếng nước gần xa róc rách
Chim phượng chèo nơi bìa rừng nối nhau bay lượn
Khoảng trống trong rừng nắng chói con chim lớn lông đốm vỗ
cánh bay lên.

Tiếng nước ngày đêm róc rách
Lá ngô trên dốc ngã vàng

Những bông hoa cỏ trên bàn
Vàng trắng nhô lên đầu núi
Con đường sương lam ánh bạc
Con đường cỏ gai và đá sắc
Con đường dài hun hút con đường đi xuyên qua trái tim, với
những bông hoa cỏ khô vàng.

Những bông hoa cỏ trên bàn./.



Phụ bản Nguyễn Trọng Khôi

Kể thực hiện trách vụ cao nhất

Nikolai Kantchev

Một định mệnh thơ không chỉ diễn ra trong thời kỳ văn học thông thường, nơi mọi sự trôi chảy, mọi sự đổi thay. Mặc dù sinh ra trên bờ dòng Danube, tôi không phải bao giờ cũng có thể ngoi đầu ra khỏi mặt nước. Ở trường trung học, chúng tôi rất đông đảo đã thử làm thơ. Tôi còn nhớ một hôm, một người bạn học của tôi và tôi đã trao đổi với nhau những tập vở chép thơ của mình. Anh ta đã trả lại tập vở của tôi và nói: “*Mi hãy đốt những bài thơ của mi đi, nếu không thì chúng sẽ đưa mi thẳng tới Belené.*” Belené là một hòn đảo trên dòng sông Danube đã bị biến thành một trại tập trung khủng khiếp. Về phần những bài thơ, ấy là những bài có tính cách hậu-tượng trưng một cách ngây ngô, và, theo những tiêu chuẩn chính thức thời đó, chúng cũng chẳng xứng đáng với một tờ bích báo trong trường. Còn về Belené, tôi lúc ấy hãy còn quá ít tuổi để tới đó, nhưng tôi cũng đã biết chuyện gì xảy ra ở đó. Khu làng quê tôi, Biala Voda (*nước trắng*) ở cách Belené khoảng mười cây số, và tự đỉnh đồi trong làng người ta có thể thấy vùng bình nguyên ở dưới. Vùng ấy hoàn toàn nâu, màu lưng của những người tù, cháy nắng, đang đào những con kênh dẫn nước không bao giờ được sử dụng, và ánh mặt trời phản chiếu trên những khẩu liên thanh của quân canh lấp lóe như những vì sao. Ngay từ thời ấy tôi đã hiểu tôi sẽ phải sống trong một vũ trụ nào.

Người ta mò mẫm bước vào đời. Điều quan trọng, sau khi đã bị bồng những ngón tay, là biết cách thối lên đó. Nhất là không được xoay theo

mọi chiều gió, nếu không những kẻ quyền thế đương thời sẽ biến anh thành cái cối xay, và anh sẽ trở thành một cái cối xay ngôn từ mãi đời. Người nào cảm thấy đói khát về tinh thần không ở lại với những kẻ kia, người ấy sẽ làm quen, nhờ sách vở, với những người, nhân danh cái đẹp, đã đấu tranh chống lại những cái cối xay gió. Người ấy sẽ không chiếm vị trí cao trên thang xã hội, bên cạnh những kẻ, nhận được bột rồi, đã quên đi rằng con người không chỉ sống bằng bánh mì. Những kẻ kia có dao có bánh và anh chỉ còn có việc phải tự vệ đối với món trước và kiêng khem đối với món sau. Câu chuyện ấy đã xưa, nhưng không bao giờ được quên, để có thể trung thành đối với bản thân và không vâng phục những mệnh lệnh đương thời. Bởi mỗi ngày là ngày áp chót và *những người chót hết là những người đầu hết*. Ở bất cứ thời nào, khi người ta lội ngược dòng, sự giải thoát chỉ có tính cách cá nhân. Phải đợi cho những dòng nước lặng êm và những vùng sâu hiện ra ánh sáng.

Chính vì thế mà, chẳng hạn, tôi không bao giờ bước vào cái lãng của xác ướp đỏ, căn buồng của những kẻ chết, trong đó sự tò mò ngây ngốc, hoặc là ý thức nghĩa vụ, đã liên tục đẩy xô những bầy người lũ lượt vô. Tôi đã ở lại ngoài đời như cuộc đời cần phải thế. Dĩ nhiên chuyện đó phải trả giá mắc trong một xã hội không để cho một ai không bị trừng phạt, không để lại một *đơn vị người* nào cả. Nhưng một sự khước từ như thế cũng có những cái lợi, một trong những điều lợi đó là, không bao giờ giữ địa vị kiểm duyệt viên, tôi đã không bao giờ phải từ chối bản thảo của một người đồng nghiệp. Tình hình gia trọng khi đã rõ là họ tuyệt đối không muốn để anh yên. Vào lúc đó, nếu anh muốn gỡ nón ra, anh có cơ nguy mất đầu.

Thời kỳ đó của đời tôi đã là cuộc thử thách nơi sa mạc. Mỗi người ít nhiều gì cũng đều có kinh nghiệm về một thời kỳ như thế, một thời kỳ mà người ấy phải quyết định mình có muốn đi tới với những kẻ khác, hay ở lại bên những vấn nạn muôn thuở của cuộc đời. Về chuyện đi tới, người ta đã thấy chuyện đó dẫn tới đâu. Sự co giắt của xã hội không xuất hiện như một tia chớp trong một bầu trời không mây, dấu như có những kẻ, nhất là ở Tây Âu, đã bị bắt ngờ. Tôi không muốn nói tất cả sự thật, nhưng những sự thật một nửa thường trống rỗng. Thế tuy nhiên cần phải biết rằng sự biến đổi thực tại thành một lý tưởng nhiệm mầu mà có những kẻ mơ mộng là điều không thể được. Trong một quan niệm như thế về sự vật, mọi lối ngoặt đều là một lối ngoặt ở ba trăm sáu chục độ. Lại cũng cần phải nói rằng sự đột ngột bước ra khỏi bóng tối không có nghĩa là bước vào *đô thị mặt trời*. Một suy tưởng như thế lại dẫn tới những ý thức hệ mới, và như thế người ta đi tới không phải là một sự tình tốt đẹp hơn mà là một ngõ cụt.

Cái tiêu biểu cho chế độ độc tài, ấy là nó bao trùm toàn bộ dân chúng trong vòng ôm siết tàn nhẫn của nó. Không một ai có thể thoát khỏi nó. Vòng ôm siết toàn diện này là căn nguyên sự suy đồi xã hội trong đó

những người cầm bút, quen biết hay không quen biết, đã sa xuống. Những cá nhân họa hiếm còn suy nghĩ khác biệt bị loại bỏ. Nhưng cái trò chơi này quá tin cậy vào sức lực của mình và điều đó đã dẫn tới sự thất bại không thể tránh. Chống lại những sức mạnh này, suy tưởng khác biệt đã có những cây kèn làm sụp đổ lũy thành, và ấy là thơ. Một bài thơ bằng văn xuôi là một khung hình chữ nhật của những chấn động. Nhưng tôi dừng lại ở đây, vì đi xa hơn hẳn sẽ là cố tìm cách giải quyết vấn đề cầu phương của hình tròn (*một điều không thể tìm ra được--ND*). Chuyện thật đơn giản, thơ xưa đuổi những quỷ ma và mở ra một không gian trong đó mỗi người có thể cày cấy cánh đồng của mình, không cần môi giới của một tổ chức nào đó.

Vào giờ phút hiện tại, người ta nhận thấy một sự lùi bước trước sự sống thật sự và những trào vọt tự nhiên của cuộc sống. Những dòng thác này không còn bắn tóe lên ngực các nhà thơ. Nhà thơ đích thực, cũng hết như vàng tự nhiên, hiếm khi gặp được, người ta không thể chế tạo ra ông bằng một thuật *luyện đan*, xã hội cũng chẳng thể mạ vàng ông với những huy chương.

Vậy thời ta hãy bắt tay vào việc. Trong tiếng Hy-lạp xưa, chữ thi nhân có nghĩa là: kẻ thực hiện trách vụ cao nhất.

Nikolai Kantchev

Sofia, tháng 7-1991

Thủy Trúc dịch

Nikolai Kantchev đã xuất hiện trên tạp chí Thơ, số mùa Đông 1995 với bài Ra Đời (bản dịch Thủy Trúc). Ông sinh tại Bun-ga-ri năm 1936, đã có nhiều thi tập nổi tiếng trong và ngoài nước. Bài dịch (của Thủy Trúc) nguyên là bài tựa của tác giả cho một tuyển tập gồm 105 bài thơ của ông, Anthologie personnelle, do nxb Actes Sud ấn hành tại Pháp năm 1994. Một Tuyển tập thơ Nikolai Kantchev gồm 70 bài do Thủy Trúc dịch sẽ được nhà Trình Bày ấn hành trong năm nay.

GÉRARD BAYO

Trước Cánh Cửa Nặng Nề Khép Kín

Trước cánh cửa nặng nề nó mang
 một cây vĩ cầm quá lớn so với nó,
 một đôi mắt quá lớn.

Nó hiển hiện
 quá rõ.
 Và ca khúc vô danh của nó dưới cung đàn đã im bật.
 Trên bình nguyên, những chỏm rừng giữa trưa chỉ còn là
 những nắm tay khép lại
 của trẻ nhỏ đang thêm thiệp và gió ru.

Ở trên bậc thềm
 những cánh cửa bằng thép, bằng ván,
 bằng gỗ, gáy khuyu xuống, là một hình ảnh
 của hình ảnh. Coi kìa. Vầng trán nó hạ thấp,
 thẳng trước mặt.

Gió đã gần như không còn khuấy động
 ở nơi xa xăm đó dáng dấp của buổi trưa.
 Khuyu xuống ở chân tường đầy ung nhọt, thật đen,
 thật lạnh trong nắng; một quang cảnh
 bộn bề sỏi đá,
 bụi bặm, những bậc thang nơi vô khối
 là những ngọn lửa của thời đại.

Đôi mắt nó tròn xoe. Một cây vĩ cầm
 quá lớn.

Thời gian vờ như xóa mờ hình ảnh nó
 chung quanh, kể bên
 hình ảnh ấy, họ đứng,
 hết thấy, hằng giờ và trong lúc ai kia đối diện
 ôi biết là bao lâu đã nhìn,
 đã biết,
 ở khắp nơi mà rút cuộc
 trái đất trở thành xa lạ.

*Bài Thơ Cho Tadeusz Borowski**

Anh nói đúng: không bao giờ biển im lặng,
 không bao giờ. Và làn gió hy vọng ở trên đầu ngọn sóng
 vượt quá những không gian
 choáng ngợp.

Sáng nay đầu những đợt sóng đột nhiên đã bạc,
 ấy những khuôn mặt người lúc mãn kỳ ẩn núp
 mà ánh sáng trong lò lửa hồng không làm lò mờ mắt.

Không bao giờ biển im lặng, không bao giờ. Và khùng điên
 cũng là hạn kỳ
 không muốn dứt--tựa như hòn đảo ngoài khơi kia, đen hơn
 cả đêm tối sắp tới, hòn đảo quầng trắng và
 chút nữa đây sẽ chìm ngấm trong hy vọng.

Thủy Trúc dịch

* *Tadeusz Borowski (1922-1951): một nhà thơ Ba-lan.*

GÉRARD BAYO, nhà thơ Pháp hiện đại, sinh năm 1936, là con của một người đã hy sinh trong cuộc chiến đấu chống phát xít ở Tây-ban-nha. Ông đã viết trên mười tập thơ và nhiều tập khảo luận về Arthur Rimbaud. “Trước cánh cửa...” trích trong *Tu nous gardes en mémoire*, Cahiers Blues/Librairie Bleue, Troyes,, 1997; “Bài thơ cho T. Borowski”, trong *Le Mot qui manque*, Là Paroles, Amay, 1994.

N.P.

Rẽ Lại Đường Ngôi

Buồn ở lại hơn 20 năm rồi dâu bể
 Hơn 20 năm từng đuôi tóc chẻ đôi
 Mái tranh ôm khói cơm chiều lam lũ
 Đợi nhau về ngày tháng quá xa xôi

Người bỏ mặc phần son quên trang điểm
 Mỗi bước chân nghe nặng quá khứ về
 Con đường nắng con đường nắng
 Con đường cũ đọng đưa trong trí tưởng

Đã xa mất thời gian xứ người rượt đuổi
 Ngày và đêm như đèn xanh đỏ chỉ đường
 Biết đi không hề trở lại
 Bóng đèn vàng còn ngần ngại gót chân

Em chờ mong trăng mờ thiên cổ
 Những khuya sương lạnh buốt tiếng côn trùng
 Anh vẫn nhớ nhớ hoài những mùa hoa nở
 Mùa sen thơm soi bóng hoàng cung

Hơn 20 năm tuổi đời dâu bể
 Đợi nhau về anh rẽ lại đường ngôi

Nhớ

Nắng bạc màu tang
Khô mùa Hạ trắng
Em tóc thề
Nhớ
Đốt thuốc giữa trưa
Nghe đau rát từng hơi thở khó
Nỗi buồn ta vàng đôi ngón tay gầy
Trời cao ngắt mình ta đứng ngó
Không bóng mây
Trùng điệp
Nhớ
Xa xăm.

Biển, Hoàng Hôn

Con sóng dữ xô vào bờ cát lặng
Tiếng vỗ vang trời động cả chiều hoang
Đứng khoanh tay
Nhìn
Lung linh hạt nắng
Màu mắt vàng
Rớt xuống ảnh hình xưa

LƯU NGUYỄN

Hoang Đường

Dòng trong
nước
tội tình chi
đang tâm khuấy đục rửa đi
hoang đường
trăm mùi hương. Vạn mùi hương
giạt theo bốn hướng mười phương
bọt bèo
cũng đành hóa thạch phủ rêu
sườn non vượn hú chim kêu. Nỗi niềm
về đâu một cõi miền
riêng
như con sóng vỗ triền miền
bãi bờ
lạc nhau từ độ. Ai ngờ

VẠN GIẢ

Khởi Đầu

Thời gian vô tình
vượt ngang trên tóc
làm rớt lại dăm ba sợi bạc

Con đường tôi đã đi qua
hằn dấu xót xa
mà ước vọng thật đơn sơ
cũng hụt ngoài tầm tay với.

Chút than thiết cũ
dường như biến biệt, nghìn trùng
nên nỗi buồn
một thời đã qua
vẫn còn quẩn quanh
ở điểm khởi đầu...

PHẠM MIÊN TƯỜNG

Hình Thơ Chuyển Động

Thanh xuân
tiếng hát
bên cồn
hình thơ
chuyển động
nguyên hồn
ngữ âm.

Hát Thơ

tặng Hoàng Ngọc Tuấn

Bóng rừng
im
mắt
ngủ trưa
em
nằm giữa
lá
hát
thơ lên trời.

Ngã xanh

tặng Thường Quán

Chiều
khô bóng
đứng
đôi tranh
mây cồn
dáng liễu
ngã
xanh hình người.

HỒ MINH DŨNG

Ngã Ba

Trăm ngã ba đường em đứng giữa
Dang tay chắn ngang lối mòn đi
Cổ đeo nguyệt quế dày mấy lớp
Lá hoa trói nhau dưới gốc si

Giấy Bút

Đến lúc cười lớn phải bưng miệng
Cạo gió trật hàm biết cạo đâu
Mâm cúng cô hồn trang giấy trắng
Ngọn-bút-bán-thân-bất-toại rồi

Tình Yêu

Hào lũy bên đời núi đá lấp
Kẻ lạ mặt ta từng ngày đào
Dây dưa cuộc xẻng nuôi góc bết
Đường thẳng yêu nhau hóa góc tù.

ĐẶNG TẤN TỚI

Trò chơi

Em về nô rồn đôi môi
Hội mùa tay hái hay thôi trái trời?
Từ hồi bất tận vào chơi
Trò xương máu mãi đi đời người ta

Trời Thơ Mộng

Những lời mặt nước chân mây
Đã vầy cuộc máu đã đầy tử xương
Giữa không, có một con đường
Đất trời từ đó vẫn thường lại qua

Ngấn Sương Sinh Tử

Ngã ba lá cỏ xanh rờn
Chân trời, chân đất, chân vờn với chân
Trời ơi đất đứng tần ngần
Ngấn sương sinh tử lan dần lấp khe

NGUYỄN VĂN CƯỜNG

Về Đâu

nhại thơ Phạm Công Thiện

*“Về đâu thương những con đường
Lê te phố cũ nghe buồn hè xưa*

Về Đâu--Tập chí Thơ số 8&9

Về đâu thương những con đường
Le te phố cũ nghe buồn xuân xưa

Cửa Đêm Thu

Ráng chiều ấp
tổ trên ngọn đa
Con chim non hé mỏ vàng
như đuôi lá
Mặt trời đi ngủ
Gió ru hoàng hôn đông
đưa
Và từ bông cây
Tiếng tắc kè gọi trăng vắt
hồn thu trong
xanh

HUY TƯỜNG

Nocturne 6,

Nothing happens unless first a dream
Carl sandburg

Đi về nơi không
ven chiều
gió úa lã chân rêu
thủa cầm tay Em chưa nguôi lòng thơ dại
Đẹp cơ hồ
chết thắm!

Chim ngợp bóng hồ sương trữu
Anh cỏi mình khỏi cơn mộng
mê thiếp trắng...
và bài ca gây guộc
núi hoài mất lưu luyến
không sao ngăn nổi lòng sửng vắng!
Buồn nâng niu
lá mỏng.

Như ngược lên từ đáy huyết
vuông vức biếc
Ồ! nhất như tịch chiếu!
những cánh diều sủi tằm màu trắc ẩn
và bàn tay buổi tình đầu
lênh lảng
lay thức đẹp cảm cảm!...

Đêm chúc xuống như nền trà o
hơ hời bóng
những tán cây nhốt gió âm âm
Réo cơ hồ
vách dựng.

Và Anh lại về bên Anh
tan hoang
với chuông tràn vết nứt ngày kim nhũ
với trăng hao đầy đọa
Đắm đuối cơ hồ

Tất.
Ven chiều
gió ứa lỗ chân rêu
phơ phất hồn lau cỏ. Mê thiếp trắng...
Anh-ở-tuổi-mất-Em
ngủ ngút mộ...
Anh-ở-tuổi-không-Em
cháy im lửa tịch mịch...

Ven chiều
xa vắng những bông hoa không người lòng thơ dại...

Khi Nào Thì Người Ta Làm Thơ

Mộc Hương

Để trả lời câu hỏi vợ va vợ vẫn này, tôi vợ đại tở Hợp Lưu số mới nhất vừa nhận được chiều nay, số tháng 6&7, 1997. Lật đại lộn xộn không theo thứ tự gì, và tìm được mấy câu giải đáp:

Người ta làm thơ khi

Mưa rơi rơi:

*chú ơi, ác quá trời mưa
rơi rơi rụng ở giấc trưa chết người
rớt vào mái tóc ai xuôi
chung dù nhỏ, sao ướt trôi áo tà?
nguyễn mạnh trình*

Người ta làm thơ khi

Nhớ nhớ nhung nhung ai đó:

*bậu ơi nhớ đừng nhớ ngời
cái tâm lẫn thần nửa trong nửa ngoài
thận nhiên*

Người ta làm thơ khi

Say khói thuốc lá và men bia:

*Quán chiều bỗng khói thuốc lá
Ngập ngựa men bia Tuborg
quế sơn*

Người ta làm thơ khi
Cô đơn lẻ bạn, ngồi một mình:

*quán khuya ngồi lại một mình
tôi nghiêng ly rượu để tìm bóng tôi
quán khuya ngồi đã cuối đời
tôi nghiêng tôi xuống để cười bóng trắng
nguyên như mây*

Người ta làm thơ khi
Niềm tự hào dân tộc bốn ngàn năm văn hiến lên cao:

*Hồ Gươm ừ nhĩ cũng Hồ Gươm
Ánh thép Quang Trung vẽ một đường
Lấp lánh mộ bia Văn Miếu dựng
Ngàn năm Hà Nội sáng văn chương!
huệ thu*

Người ta làm thơ khi
Hạnh phúc phù du với một tình yêu được khẳng định:

*vì em đã yêu tôi
vì em đã cùng tôi chia xẻ một đời thăng trầm hiểm họa
vì em đã cho tôi hạnh phúc dù hạnh phúc ấy phù du
ngu yên*

Rồi khi hung lên, người ta dám khẳng định khá nhiều chân lý:
Vợ = thượng đế = chân lý tuyệt đối đặt ngang hàng:

*hơn hai mươi năm nghĩ ngợi
đêm hôm qua tìm ra câu trả lời
tôi chọn thượng đế với một điều kiện
xin ngài nhập vào cùng sống trong vợ tôi
ngu yên*

Càng hung lên hơn nữa, người ta lập đi lập lại nhiều lần, nhiều chân lý khác với nhiều ngữ nghĩa to lớn khác nhau:

Quê hương = niềm hãnh diện = tự do = sở hữu ăn chắc:

*dù sao, con cũng có một nơi để trở về
đó là Việt Nam*

*quê hương nguyên gốc
 niềm hãnh diện ngậm ngùi duy nhất
 bố để lại cho con
 mà, không sợ ai tranh, cướp mất
 đó cũng là điều
 bố được tự do chọn lấy cho mình
 ngay những ngày đầu tị nạn
 giữa khi còn rất trẻ.
 du tử lê*

Nghĩa là, rằng thì mà, ít nhất, người làm thơ cũng đang biết mình đang buồn là buồn, đang yêu là yêu, đang nhớ là nhớ, đang say là say, đang hạnh phúc là hạnh phúc, đang nao nao là nao nao, đang tự hào là tự hào, đang dở hơi là dở hơi, nghĩa là đang nắm bắt chân lý dưới mọi hình thức thật chặt trong nắm tay như kiểu chào nắm đấm phát xít, như đinh đóng vào cột, như dao chém xuống đá, như rạ ném xuống đất, như mật rót vào tai...

Có những đôi khi và nhiều lần đôi khi, người đọc thơ cảm thấy sao mà mình thiệt thòi, thua sút, kém may mắn, vô phước, bạc tình hơn các nhà thơ nhiều lắm. Họ có nỗi buồn / hạnh phúc / tự do / nhớ nhung / yêu đương / yêu đương / quê hương / chân lý / tự hào... Họ sao mà phú ông, giàu sụ! Của cải trù phú xa hoa của họ khiến tôi tủi thân (hình như) muốn khóc cho mình.

Tôi buồn? Tôi vui? Tôi nhớ? Tôi thương? Tôi độc ác? Tôi lương thiện? Tôi tự do? Tôi tù đầy? Tôi tự hào? Tôi nhục nhã? Tôi còn quê hương? Mất quê hương?... Như trong truyện *Chim và Rắn* của nhà văn Võ Phiến kể:

*Một người đang sống giữa thành phố đông đúc ồn ào,
 một hôm, bắt gặp một vết trắng trên lá lan, tưởng là phân
 chim, mừng vô hạn. Những kỷ niệm thời thơ ấu sống ở
 đồng quê thường xuyên thấy chim chóc vụt bừa dậy. Thế
 nhưng, sau đó ông lại phát hiện ra cái vết trắng trên lá
 lan ấy không phải là phân chim mà là phân thạch sùng.
 Ông kết luận: “Trời, lẫn lộn chim chóc với loài bò sát.
 Sự ngộ nhận không thể tha thứ được [...], một sự sai lầm
 nham nhở, bẽ bàng” (TN: 317)*

*

Có những người đọc thấy mình thường xuyên ở trong trạng thái *nham nhở, bẽ bàng*, và ngộ nhận không thể tha thứ ấy, giờ này qua ngày

khác, ngày này qua tháng khác, năm này qua năm khác, đời này qua đời khác, thì quả là so với các nhà thơ trên, những người này quả là số phận có nghèo nàn, bất hạnh, cùng cực, mặt kiếp, khánh tận quá đỗi! Số phận họ cũng đáng được rên lên nhiều lắm...

Cuối cùng phần số những người nghèo này thì, chỉ nên đáng được *trầm mình* vào những kiểu thơ như là: tôi làm thơ khi tôi chả hiểu gì sất cả, mà cũng chả buồn nói gì:

*Vuốt nhẹ
bình minh*

*cầm lời đi vào chỗ không hề biết trước
treo ngược vết thương gót chân bàn tay*

nếm thử chút man dã

*và
đành chịu trầm mình không nói năng giữa thế giới vắng mặt
(và có mặt)
khế iêm*

*tháng sáu, chín bảy
m.h.*

Chú thích

* Võ Phiến, Nguyễn Hưng Quốc, Văn Nghệ 1966.

* Dấu Quê, thơ Khế Iêm, Văn Mới 1997.

NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC

Nghinh Hôn

thình lình
tiếng trống nghinh hôn vang lên
một hồi trống trận
đã đến giờ rước dâu rồi sao
sơn cùng thủy tận
tôi sẽ làm gì với thằng người hình nhân đàn ông ấy và
nó sẽ làm gì tôi

tiếng trống nghinh hôn
thùng thùng trống trận
như lời mụ giả làm mai mối nói
mai này
đời hai con sẽ rồi kết nối
tóc tơ bền vững
sát cánh chung lưng
đứng
trên cùng một mặt trận

tôi và
thằng người hình nhân ấy
tiếng trống đang tay
đối mặt nhìn nhau
hai đối thủ
so găng thật ngẫu

Cổ Tích

Đôi khi nhớ nhau
 Cùm lau phơ phất
 Quặn thắt
 Bên đường tàu
 Máy dầu
 Xình xịch
 Đôi khi nhớ thất
 Bỗng nhiên
 Cảnh cây ven rừng
 Thò tay quẹt mặt
 Gió thổi phù phù
 Qua ô cửa sổ
 Đưa hết mặt ra Hứng gió
 Vết bầm đau
 Chuyển tàu xuôi bắc Về nam Lúc ấy
 Râm râm
 Có hàng lau lâm râm
 Có bàn tay gầy khô rồi mọc lại
 Ôi trời
 Cổ tích
 Xa xăm

TRANG CHÂU

Con Đường Vào Tim Em

Anh hỏi nhà toán học
Con đường ngắn nhất vào tim em
Ông ta bảo:
Đó là con đường thẳng

Anh hỏi tên đạo chích
Con đường ngắn nhất vào tim em
Hắn ta bảo:
Đó là con đường tắt

Anh hỏi một gã say
Con đường ngắn nhất vào tim em
Gã gật gù:
Đó là con đường băng qua bảng cấm!

Anh hỏi chàng thi sĩ
Con đường ngắn nhất vào tim em
Chàng thi sĩ bâng quơ:
Đó là con đường muôn lối

Anh hỏi anh cuối cùng
Con đường ngắn nhất vào tim em
Và anh chỉ thấy
Đó là con đường em vẽ lấy cho anh.

TRIỀU HOA ĐẠI

Còn Xanh

chiều xanh, chiều xanh mãi
đưa người mưa sông. Rộng
cuốn gió bình minh trôi

không còn là tro than
bếp củi buồn khơi dậy
một ngày mai
vãi tro tàn
ấm lạnh
qua mau, ngày với gió
lớn khôn rồi
lửa một mai kia

em một thời thôi đã
xanh, màu xanh mơn côi
trao người đi biên biệt
khao khát nước sông
chùng

chiều lên xanh đại dương
đưa tay mưa sông rơi
chìm dần một ngày khuất

một ngày thật đã khuất
bước ai về
trắng
phai...

Tình Xa

Gửi Võ Đình

thôi em một chút môi hồng
mà chi lần nữa qua sông để chờ
mà chi chút kỷ niệm xưa
mang anh vào cõi hững hờ tàn phai

hôm nào ngóng gió heo may
nghe như hương sắc rơi đầy nắng trong
nhìn lên anh thấy vô cùng
trái tim nhất được trôi trong biển trời

đêm nào anh ngắm trăng soi
trăng ới rụng nhé để người ta vui
một đêm, đêm nữa xa rồi
heo may gió thổi lộng người tình xa

QUỲNH THI

Mùa Thu ở King-Wood

Tặng Vũ Quỳnh Hương

Thu ới mùa thu
Đắm trong mắt em vàng rực anh lên
Dòng biếc King-River
tơi tả những xác lá
trôi
trôi đi
mùa trắng lúa chiêm
trôi
tôi trôi
anh trôi
em trôi
Mênh mông ra biển
Đừng để đời ngưng lại
làm khô giọt thu
vì mất thu là nhựa sống của thơ

Em đang phả hơi cho anh
Bàn tay cứ rên lên
Lời tìm đó Vũ Quỳnh Hương
Giọt rượu màu vàng
đầy hai mắt
Em mời anh, em gọi anh
Một lần đã trót dại không đến
đêm thơ Tô Thùy Yên ở Houston
Ra về
anh điên lên
Gió tiếc mãi không đọng lại

Rồi mùa thu em đã bay đi
Anh lang thang mãi trong rừng
Lake Houston
Chiều xao xuyến
thổn thức
Rực cả một rừng cây
xào xạc
gió ơì là gió
Hãy gọi thăm hộ tôi
King-River! King-River!
Hãy khóc giùm tôi
Chiều mùa thu nơi đây
mùa thu xa...
xa...
xa Đà Lạt

Thả cánh lá trôi
lá chết theo mùa thu
ngậm mảnh trăng đã rằm.

NGUYỄN QUANG TẤN

Dạo Khúc 8

Chẳng phải thân cò mà ta lặn lội
Đầu bờ cuối bãi nắng hạ mưa đông
Khi đêm buông mái lều sương gió lộng
Con cá con cua nướng bếp lửa hồng

Ai là con cò mà ta đứng gọi
Ai đẩy tình nhân cho ta chờ mong...

Dạo Khúc 41

Tấm áo bao ngày qua rách rưới
Ai xé lụa đào cho khắp nơi
Anh đứng mình trần cơn gió thổi
Em trải gấm vàng trong nắng phơi...

HOÀNG XUÂN SƠN

Chết Ngạt

Giạt nơi đâu cũng thấy
không phải mặt mày
một cái gì
tựa như thế
như ngồi ôm ghế kỹ càng
cứng xốc nách lưng lẳng
bay phả chết ngạt lông già
và tóc mắt rê rế chổi cùn
gái bụi
Sài Gòn môi đỏ nước hoa thợ cạo

đâu cũng thấy
ngực nung núc
những sợi râu tua tủa đâm
dao trên ngày cắt cổ
kề.

Chàng Hát

Chàng hát
như một con nhồng
một... hai... ba
vào lõi nhịp
chàng bắt đầu hát
từ chỗ.

PHẠM MẠNH HIÊN

Giờ Ngộ

bỗng nhiên như giọt mực ả
lăn dài theo sau ta
thời khắc từng giọt từng giọt
góc nhỏ hoàng hôn đóng đinh
có thể còn một ngày trút lá
có thể nhòa tan em xám biếc cuối cùng
từ ngôi sao bên mép rìa cái chết
xuống đêm chợt hiện
xuống ngày mất lạc đà thấp sáng
tiếng ồn lạnh căm ta uống
sau cái hôn tinh khiết
sau cái miệng mùa hạ treo cổ
sau mụn gió tàn của hư vô
hợp âm vọng âm chảy khan
mất trụi lông buồn
bốc lên mùi căm dỗ thiên nhiên
chảy đi và sống
những giọt mực
giờ ngộ

Nhiều hơn là ngôn ngữ

Phan Tấn Hải

Thơ là công trình của ngôn ngữ. Ngược lại, không có ngôn ngữ thì không có thơ, nghĩa là chúng ta không thể hình dung được có một bài thơ nào mà ngôn ngữ hoàn toàn biến mất; nếu có, thì nó đã trở thành một loại hình nghệ thuật khác--nghĩa là, nó biến dạng để trở thành hội họa, điêu khắc, nhạc hay bất kỳ thứ gì khác, chỉ trừ thơ. Thử giả thiết rằng lý luận trên là đúng, chúng ta từ đây sẽ thử đi tìm một hướng khảo sát thơ, và cuối bài sẽ minh chứng rằng những yển chương, kiểu cách; cứ nhớ tới cách những phát ngôn nhân Bộ Ngoại Giao nói trong những buổi họp báo cũng thấy, lẫn ranh giữa sự phân biệt này nhiều khi xóa nhòa đi. Và khi nhìn lại ca dao Việt Nam, một kho tàng văn chương thương gọi là truyền khẩu (nhiều trường hợp còn để ca hát, ngâm vịnh, hò đối đáp, hò ru con), nhưng cũng dùng những ngôn ngữ thương để viết hơn là để nói--thí dụ những chữ như “chàng, thiếp.”

Tuy nhiên, chúng ta sẽ thấy thêm những yếu tố hình thành thơ, cũng chính từ phương tiện ngôn ngữ--đúng ra là ở cách trình bày ngôn ngữ.

Một yếu tố hình thành thơ đã từng đề cập trên *tạp chí Thơ* là các viết chữ hoa đầu câu. Bạn cứ thử hình dung một bài thơ hoàn toàn không một chữ nào được viết hoa, và cũng nên nhớ tới trường hợp một nhà thơ Mỹ chọn bút hiệu với không một chữ hoa (nhà thơ e. e. cummings, người có tên thật là Edward Estlin Cummings). Thơ của e.e. cummings bên cạnh thói quen dùng nhiều tiếng lóng, ngôn ngữ nói và nhịp điệu nhạc jazz, còn chú ý nhiều tới cách dùng dấu chấm câu và cách trình bày chữ (typography). Khoan phân tích, xin cứ thử hình dung điều này: Bạn đang đọc bài thơ Ngâm Ngùi của Huy Cận, và bài này được trình bày hoàn toàn bằng chữ thường (lowercase, không phải chữ hoa) từ tên tác giả (huy cận) tới nhan đề (ngâm ngùi) cho tới hết bài thơ. Hiển nhiên là một thế giới mới sẽ hiện ra (dĩ nhiên, nên mượn một câu công thức trong những mục Tìm Bạn Tâm Tình ra đây: hay dở tùy người đối diện).

Chưa hết, bạn còn có thể hình dung ra một cực đoan khác nữa--cũng chỉ là để minh họa lý luận trên. Xin bạn thử đọc cũng bài NGÂM NGÙI của HUY CẬN với tất cả đều viết bằng chữ hoa (uppercase). Điều này không liên quan gì tới công thức viết e-mail trên mạng lưới Internet, nơi mà các chữ hoa được xem như là người viết đang hét thật to. Hoặc cứ giả thiết rằng tất cả những trang báo *Thơ* và *Hợp Lưu* đều được đánh máy trong dạng chữ HOA. Đây chắc chắn sẽ tạo nên một cảm nhận khác. Như vậy, chúng ta thấy rằng, có một yếu tố bên ngoài ngôn ngữ đang ảnh hưởng tới thơ--tức là ở cách trình bày chữ. Có thể nhớ thêm một thí dụ bạn đọc đã gặp trong một số báo trước, khi Khế Iêm viết bài thơ *Budweiser* với ba âm tách biệt và với các mặt chữ và co chữ (type và font) biến đổi. Hoặc như trường hợp nhà thơ Du Tử Lê thôi gian gần đây với cách sử dụng những dấu slash (/) để tạo một không gian mới.

Bạn chưa đồng ý? Thôi thì hãy đặt một câu hỏi rằng tại sao từ vài thế kỷ nay, người ta ưa in thơ (và truyện) trong dạng chữ Times (còn gọi là chữ Roman)--một loại chữ quý bạn đang nhìn thấy trên trang báo này. Và bây giờ, thử hình dung rằng toàn bộ bài thơ Ngâm Ngùi của Huy Cận được in trong dạng chữ Helvetica (một loại chữ không chân). Chúng ta còn thấy, những bài thơ in trên báo thương in trong các cỡ chữ font 9 hoặc 10; nhưng nếu có bao giờ in bằng co chữ lớn, thí dụ co chữ 16, như trong Kinh Phật, chúng ta cũng sẽ thấy mức cảm xúc cũng có một mức độ biến đổi. Hẳn nhiên đây sẽ là một thế giới khác nữa, nghĩa là yếu tố thơ không thuần túy là ngôn ngữ nhưng còn là ở cách trình bày chữ.

Một yếu tố cũng gần gũi với cách trên là ở cách trình bày câu và quan hệ giữa các câu. Thí dụ thương thấy hiện nay, bạn đang đọc cũng bài thơ Ngâm Ngùi, và bỗng nhiên tác giả (thử giả thiết thôi) cứ hai chữ (hoặc

bốn chữ) lại xuống dòng. Nhạc điệu như vậy sẽ phải thay đổi, không còn là 6/8 nữa mà có thể là 2/4 hoặc 6/4/4 hoặc biến đổi hơn. Người ta vẫn giữ thói quen gọi đây là lục bát, nhưng thực sự phải gọi đây là một thứ lục bát biến cách bởi vì bạn không thể nào giữ được nhạc tính cũ. Như vậy, bài Ngâm Ngùi có sẽ hay hơn hay dở hơn thì có lẽ còn tùy (tôi tin là tùy theo tác giả có diễn đạt được cái nhịp điệu lặng lo của buổi chiều tàn đang trôi theo chiếc quạt chành đồ nạng ngủ hay không, nói cách khác rằng bạn có nhìn được tia nắng chiều lấp lánh trên dòng chữ hay không). Thử nhìn thêm điều nữa trong thơ lục bát, chúng ta thương ít gấp, và hình như là chưa bao giờ, câu lục được in ở trang 9 và câu bát kế tiếp in ở trang 10. Hoặc đưa tới một cực đoan hơn, như thí dụ trên một nhật báo nếu chúng ta in bài Ngâm Ngùi nơi trang nhất và cho tiếp theo giữa một câu lục và một câu bát ở một trang trong nào đó--nơi đây chúng ta sẽ chú ý tới tính truyện nhiều hơn, nghĩa là đọc như một bản tin nhiều hơn, thay vì như một bài thơ. Tại sao? Như vậy, yếu tố sắp trang cũng sẽ ảnh hưởng tới bài thơ. Vâng, thật sự là có những yếu tố nhiều hơn là ngôn ngữ cho một bài thơ.

Bây giờ thì thử xem trường hợp Truyện Kiều. Chúng ta đều biết rằng nguyên bản tập thơ này được viết trong chữ Nôm, và khi vào chương trình trung học Việt Nam Cộng Hòa thì được viết ra chữ quốc ngữ. Và giả sử như chúng ta là một ông cụ vừa gi'ì chữ Nôm (một thứ chữ viết lằng ngoằn không còn được phổ biến ở thời đại này) vừa gi'ì chữ quốc ngữ (một thứ chữ viết theo diễn âm với mẫu tự La Tinh, như những dòng chữ các bạn đang đọc). Khó hình dung rằng khi đọc hai bản Truyện Kiều, một trong chữ Nôm và một trong chữ quốc ngữ, những cảm xúc sẽ có tương tự. Nhưng để minh bạch các cảm xúc khác biệt thế nào thì có lẽ phải thực sự trải qua kinh nghiệm này. Tiếng Việt thì chỉ có một (mặc dù phải trải qua biến đổi theo thời gian) nhưng chữ Việt thì lại có hai, và cảm nhận hiển nhiên phải thay đổi theo yếu tố này.

Tới đây chúng ta thử nhìn tới một thử nghiệm của thập niên '90. Trước tình trạng ngày một nhiều trẻ em hư h'ng với ma túy và băng đảng, thủ đô Washington, D.C. đã thử dùng thi ca để đối trị. Bên cạnh nỗ lực hướng dẫn trẻ em mê đọc sách và các ngành nghệ thuật khác và thể thao, thành phố cho sơn một số bài thơ ngắn vào hai bên hông xe buýt. Trường hợp này hiển nhiên là không thể sơn lên chỉ bằng màu đen trắng và các co chữ như in trong sách. Nghĩa là buộc phải tính đến khoảng cách và tầm nhìn của người đứng đọc bài thơ bên hông xe (đổi thói quen ngồi cầm sách đọc thơ). Như vậy, chữ sơn lên phải to vừa đủ, và nhất định phải sử dụng màu sắc. Trường hợp này, yếu tố hình thành một bài thơ bên hông xe buýt đã gồm thêm khoảng cách đọc, độ sáng của buổi sáng trưa hoặc chiều tối,

cỡ chữ lớn nh' và màu sắc bài thơ được kẻ lên. Đây chắc chắn là những yếu tố đã vượt ra ngoài ngôn ngữ. Chúng ta không cần kể tới ảnh hưởng xã hội (thật sự băng đảng có giảm bớt, nhưng nhiều khi do ảnh hưởng từ các vận động khác trong chiến dịch này), nơi đây chỉ muốn nói rằng thực sự thơ đã tiến vào một cái toàn thể, nơi tất cả phương tiện đều được sử dụng.

Tương tự, thử nêu một câu h'i cũng của thập niên '90, rằng khi một bài thơ được phóng lên mạng lưới Internet thì đã biến đổi thế nào? Nơi đây là một không gian mới không dùng tới giấy mực. Màu sắc vẫn còn được sử dụng (tại sao lại không, bởi vì người thực hiện trang nhà Web đó vẫn không tốn thêm tiền tí nào, thứ nữa còn vì người đọc muốn phải có màu sắc như các trang khác). Thêm yếu tố mới cho bài thơ này có thể là các điểm nối hypertext, thí dụ như chữ Huy Cận có thể nối tới một trang khác trong một cuốn bách khoa về thi ca Việt. Và có thể bên cạnh tựa đề sẽ có một biểu tượng âm thanh (một cái loa chẳng hạn) để làm điểm nối tới một giọng ngâm bài thơ này, thí dụ như giọng Hồng Vân với cả sáo đàn. Và bấy giờ thì thi ca đã nhảy lên sâu khấu rồi.

Chuyện trình diễn thi ca trên sân khấu vốn chẳng có gì mới. Thí dụ như kịch thơ, hoặc thời thập niên '60 những nhóm hí-pi phản chiến ở Berkeley cứ ưa tụ tập kêu gọi Mỹ rút quân kh'i Việt Nam. Đã tụ tập thì phải có gì chứ, thế là cứ ca hát với đọc thơ. Hoặc là đi xa hơn về hướng Hy Lạp thì có truyền thống đọc thơ trên các sân khấu Alexandria (các năm 325-30 trước Công Nguyên) và tại La Mã nơi các tư dinh của C. Cilnius Maecenas (chết năm thứ 8 trước Công Nguyên). Không nói gì xa, nói theo nhà thơ Khế Iêm thì thơ của Cao Đông Khánh nửa phần phải là do chính tác giả lên sân khấu trình diễn--nếu không thì, chữ sẽ đánh lừa ta. Đúng hay không thì xin bạn cứ thử lật một trang thơ của thi sĩ này để tự nghiệm.

Thơ, thực sự nhiều hơn là ngôn ngữ. Điều này Tạp Chí Thơ đã lặng lẽ giới thiệu với những bài trong các số trước của Nguyễn Hoàng Nam, Nguyễn Đăng Thương, Ngu Yên, Đỗ Kh. và nhiều nữa. Không gian thơ không bao giờ thuần túy là ngôn ngữ. Từ ngàn xưa cho tới tận ngày nay.

Một câu h'i cần nêu lên cho người thưởng thức thơ. Tại sao chúng ta sống trong thế giới này và đang tận hưởng cái toàn thể--chúng ta nhìn mây nước, nghe chim kêu vượn hú, cảm trên làn da các lượn gió biển nắng se--mà cứ đòi giới hạn cảm xúc về một bài thơ chỉ bằng một giác quan duy nhất, đó là phải đọc bài Ngâm Ngùi trong co chữ 10 trên trang giấy khổ nửa to 8.5 X 11 inches? Không phải rằng chúng ta đang b' đi cái cảm nhận toàn thể về thế giới này hay sao? Và một bài thơ, nếu không tham dự vào cái toàn thể thì sẽ nhiều cơ hội trở về ngồi ở một góc tủ đầy bụi thư viện cho các học giả chưa biết thơ là gì ở các đời sau.

Không phải rằng, cái đã nhất trên đời chính là được sống hay sao--nghĩa là được hít thở, được yêu đương, được la hét, được bàn lung tung tán nhảm nhí về chuyện thi ca. Và như vậy, thì đọc thơ cũng phải đọc bằng cái toàn thể, đọc không phải chỉ bằng mắt nhìn lên trang giấy mà phải đọc thơ bằng toàn thân, từ từng sợi tóc tới cả khúc móng chân.■

NGÔ MINH

Tôi Tìm Huế

tôi ở đâu rơi về góc Huế
mười năm có lẽ buồn vui
một vợ hai con có bia hộ khẩu
có một làng quê mong ngóng phía mặt trời

mà sao tôi chẳng là tôi
khi hèn mọn đánh rơi mình vào quên lãng
tôi tìm tôi lang thang
đêm nào lả chả trắng như nước mắt
trầm ngâm tôi với Ngự Bình
trước mộ đứa con trai sinh thiếu tháng
cháu là người ngoài cuộc đời
chỉ được nhìn Huế năm ngày qua lồng kính

tôi tìm tôi khuya khoắt
lập lòe lửa nhang góc phượng sương mờ
nhấp nháy hoài như mắt cây mắt gió
bên những người xe thô xích lô gác chân lên trời nằm đợi
khách
khẽ hát về “Đêm Tàn Bến Ngự”...
vâng cho đến tàn đêm tôi mới gặp được lời của phố
nỉ non vệt cỏ bên đường
tôi tìm tôi lửa đốt
chiều nào mỗi rời chân đứng chờ vợ đi
cửa hạnh phúc đầy tiếng rên la
bất chước ai tôi cấm nén nhang bên gốc xà cừ

cầu bình an cho con
bình an cho mẹ
sao lại không nguyện cầu cho bình an
Huế trăm năm lớp lớp oan hồn
chính tôi--một oan hồn còn sống!

tôi tìm tôi bè bạn
 góc nghĩa địa lều tranh Dương Thành Vũ
 trắng như nước đá mùa đông
 ướp lạnh những giấc mơ điều giấy
 bạn như người ngoài cuộc đời
 uống bóng mình xạm đen râu ria đáy chén
 câu thơ không đủ ấm
 kể chuyện tiếu lâm nghe tiếng mình cười

tôi tìm tôi lạnh toát
 đường Phan Bội Châu số nhà ba một
 đỉnh dốc là Sào Nam, tôi ở lưng chừng
 nơi có mẹ già ngồi bên đường chia mê nón xin đời bố thí
 bốn mùa mẹ không đổi dáng ngồi
 như tượng đài thời gian rách nát
 mẹ cũng là người ngoài cuộc đời
 tuổi trẻ ồn ào đi qua lướt qua không thêm để ý
 dân xe cúp, xe con rú máy vèo qua xả khói vào mê nón
 rơi vào mê nón nắng mưa nhiều hơn đồng hào
 chuông chùa rơi từng giọt lặng trầm
 -- Anh chị cho tui xin một đồng!
 tiếng cầu xin bám đuổi hồn tôi
 ôi, khổ đau cũng mong được thêm vài phút sống

tôi tìm tôi hờ hững
 giữa chúng ta láo nháo nói cười
 vỗ tay mừng công cộng ly thành tích
 rồi trở về tìm lá xông vợ cúm
 rồi trở về góc Huế với mình
 bước đi như hững hờ
 lục túi tìm mười đồng bỏ vào mê nón mẹ bên đường mà túi
 rỗng
 thơ không bán được mẹ ơi!
 thơ cũng ở ngoài cuộc đời, thừa mẹ!

tôi tìm tôi tìm Huế
 góc chợ rau dưa hè phố gánh hàng
 bên dòng sông nắng đục mưa trong
 câu ca như cầu bắc
 tôi tìm mà nhiều khi chẳng gặp
 gương mặt mình đích thực
 bạn bè ơi...

NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

Bỗng Dưng Rồi Như Thế

Xin mời xin mời anh
Nhảy mau ra khỏi trái tim em
Những câu thơ cứ cho là say đắm của anh
Chắc gì cứu sống nổi
Những bờ môi đã lạnh
Những nụ cười bỗng làm chảy máu những đài hoa
Mong manh

Thì trước sau gì
Mọi điều cũng chẳng có chi bất ngờ với nắng mưa bất tử
Của lòng anh
Như anh vốn hung hãn như bão tố vờn đuổi theo em
Như anh rồi cũng hung hãn (lái xe) vèo đi cho mà xem
Như anh vượt đèn đỏ những mối tình ngoài vòng phẫn Cuộc đời
Như anh ngang nhiên bóp còi những nhà đạo đức giả
Như anh nhấn ga thi thố định mệnh
Như anh đoạt kỷ lục rình rập những cơn mơ ái tình
Lắm lắm
Quần quật suốt nhiều đêm không ngủ
Và như thế có nghĩa là...
Dưới áp lực của giác quan đàn bà
Em muốn trục xuất anh
Trước dự đoán của những tên bạn khí tượng

Có những phút giây mình cũng nên lịch sự như thế
Xin mời xin mời nhau
Bước ra bước ra đỡ lòng đau
Bước ra bước ra hấp ửi một chút hương nhàu
Còn lại gì ở một kiếp sau?
Còn những tiếng gọi vắng dưới vực sâu
Còn lắm môi hôn rớt qua kẽ đá
Còn những ban mai đâu buồn nghe chim hót

Còn vô số những chiều những tối làm em xót xa
Trần gian ời thôi đúng là nơi lỗi hẹn những bến bờ!

Và anh xin cứ tha hồ viện cớ...
Vì sớm muộn chi
Hình bóng anh cũng trở nên vô thừa nhận
Trong tim em
Đã bắt đầu
Ân hận
Ôi! Tội nghiệp biết mấy những tình nhân
Cứ phải ăn rồi ngồi phân bua cùng thân phận
Tội nghiệp anh tội nghiệp em nỗi nhớ niềm quên
Tội nghiệp những cái nhìn lơ đãng bất ngờ quặn đến thất tim
Tội nghiệp những tiếng ngâm tiếng hát sắp lịm
Mừng sáo sang sông mà Huyền Trân vụt khóc
Thôi mời thôi mời những chồi cây kỷ niệm tung hô mọc
Rừng chiêm bao mong anh cứ thản nhiên
Hãy quên đi quên đi những hạnh phúc ưu phiền
Quên cả trong giấc mơ em miên viễn
Anh cũng cần chi trở về có mặt
Đoàn viên.

HÀ NGUYỄN DU

Cõi Nào ta Rơi?

này những ẩn khuất như văng vặc suốt kiếp
như nổi vào nhịp thở mai sau
với trở hoa và nấm độc
em là gì còn đến với chiêm bao?

này những bất trắc đã một đời ám ảnh
như hòa vào xương thịt tương lai
với kết trái và ung nhọt
em là gì để có một không hai

này những gói ghém cho hành trang số phận
như nằm trong đôi tay em
giữa sáng tối và trong, đục
em là gì để như đôi cánh chim?

này những giàn phóng luôn được lắp sẵn
ngón đeo nhẫn của em lại đóng vai trò
anh đặt gì lên đó ngoài thi ca?
em là gì để như một đời thơ

này những trái oan của cuộc tình cuối
như khóa hẫng chiếc đinh ốc vào đời
với địc ngục và thiên đàng
em là gì trong cõi nào ta rơi?

THẾ DŨNG

Bóng dâm Đêm

Mỹ nữ muộn trong chăn mềm lụa mỏng
Yếm khăn lời buông lỏng suốt mơ thầm
Mặc dâm ý mưa phùn lên nhục thể
Thi nhân Thiên chợt lạnh những nôn nao

Mỹ nhân nguội, xin em đừng lắm tưởng
Anh không tìm chốc lát thịt da điên
Vũ giao cảm lẽ nào em móng vuốt?
Thì vẫn biết mây mưa không mát nổi ưu phiền

Dao trí huệ của Ái tình như thể
Đã cắm vào đáy thẳm Bóng dâm Đêm
Thi sĩ Lửa trôi trong hơi thở nhẹ
Cho mỹ ý giao hoan ngoài lụa mỏng, chăn mềm...

ĐOÀN NHẬT

Đã Tới Một Nơi

Hồn mù miền cao cửa gió
Tâm trí nước xiết đi miền mộng
Tháng ba chưa mở cửa lộc non
Một khum mùa đông sắc xám xiển dương

Ngày phân rẽ
Mùa màng chạy dài theo hướng gió
Huyết nhục, trăm năm đã xa
Nỗi nhớ lao xao cây lá gió cồng

Tiếng chim rừng vọng bắn bắt ẩn tịch
Nỗi đau đã khô rang cạn lệ bao lâu
Trái tim nhẵn nhục
Dỗ dành nỗi tử sinh

Im sững
Ngày tích tụ thời giấc rêu hoang
Nơi chốn riêng
Đêm trắng hao hút phận người
Giấc ngủ trượt ngoài mảnh trắng ác mộng...

ĐỖ QUYÊN

Tuổi Về

“... Chín tháng lò dò biết đi.”
Tục ngữ

Kể từ đó
Ta ngày càng xa mẹ ta, xa nhà ta
Xa từng lần theo cha sang chơi nhà chú
Xa từng buổi trốn học, từng đêm lỡ phà
Xa dần từng mỗi một ki-lo-mét trên quê nhà
Đến các năm tháng biên biệt
Xa dần theo những múi giờ, những cửa hải quan,
những chuyến bay xuyên lục địa...

Đúng ra,
Ta chỉ thật là gần mẹ ta trong những lúc đang cấu thành
hình hài một con người cho tới khi được chín tháng mười
ngày nếu tính theo tuổi mẹ.

Ta chỉ thật là gần nhà ta cho đến hôm bắt chước các chú
khỉ trong rạp xiếc công kênh hộp ta xếp bàn ghế mở
cửa chốt nhà.
Nửa đời ta đã là tổng số những bước chân
Lò dò
kể từ đó...

Hôm nay,
qua tuổi “tứ thập” được cả năm rồi đấy!
Ta đang đặt dấu trừ xuống những bước chân
Về
với nửa còn lại của tuổi mình.

LÊ THÁNH THƯ

Tin Thời Tiết

Tin cho đêm ngày tới
biển tốt tầm nhìn xa đau đầu
không mưa mau
không mây đi
tay trời nhỏ giọt whisky
về đi thầy
có thể ướt ẩm nơi này
có thể nắng thải ngoài kia
giông thất ruột một vài nơi có lẽ
gió năm đuổi mấy bận rồi thôi
ngày sùi bọt ba mươi bảy độ
kẻ nướng ngoài ngõ
người bốc hơi quán
em bên kia đường ngóng lại
sao hơ hớ mãi thế này
về đi thầy
ta xin đều một giờ
trăm phần trăm dương bản lạc thú
vén thiên nhiên lộ một ngày nắng tốt
Chủ nhật
lập hạ ngày Dần
tháng Thìn niên Bính Tý
dậy về đi
tay trời thả giọt Whisky.

TRẦN TIẾN DŨNG

Nơi Trú Của Sự Kết Thúc

Mây cô độc
 buông xuống một tòa lâu đài
 buông giọt nước
 chìm cốc rượu cuối cùng và
 từ hố móng
 bóng cái chìa khóa rỉ mở mảnh sơn khô
 dồn hết những đám mây ngày xám

Sẽ rất lâu sau đó
 vẫn đủ thời gian cho vệt nắng dài
 mở lỗ hồng giữa cánh đêm chậm rãi
 hút những bậc thềm
 và chững lại
 chờ nghe âm ỉ giọng nói kia
 đã từ sống nơi này
 bầu trời và mặt đất
 vẫn đủ thời gian cho đường phố gánh lấy bóng mình
 bước ra hè đường
 bước trở lại
 một lần nữa nhìn ngắm tòa lâu đài
 khối đá phủ sơn trắng
 giấu kín không gian mong manh những đốm đen có thể
 như ý thức của sự có thể
 mở lại cái nhìn từ bóng tối
 dẫn dắt mầm sống đi một vòng đủ rộng
 qua ánh sáng trọn vẹn que diêm cháy

Đã từng sống nơi này
 đã rời khỏi nơi này
 những người kia trở lại

NGUYỄN ĐẠT

Nỗi Sầu Xứ Nóng

Nhiệt đới cháy mái
Rát bỏng. Bật chân chim
Mèo đợi đêm. Nơi cư trú
Những nỗi sầu không lịch sử
Những nỗi sầu vỡ bọc sơ sinh.

Nhỏ khỏi miệng
Cổ chi ngậm nghẹn
Mở ngực chửi thề ngụ ngôn gì
Phơi lòng đợi cơn gió thất thường
Sầu nóng cháy.

Dù sao. Xin lỗi
Anh chẳng nhận ra em
Bãi nước bọt
Dòng sông
Trái tim em vỡ đấy.

LƯU HY LẠC

Đương Cảm

khoảng trống
và cặp
mắt
ngây
một mắt chữ lộn

sòng
rớt hai hàng
con mọn

đánh
vật giữa cơn
tình hồ
nghỉ
bề
nấc cục

ngày thu
lôi nổi trôi
hề

đi bảo
trọng

Nhịp Đập của Thực Tại

Khế Iêm

Hãy cứ tưởng tượng, khi hội họa mang đồ vật vào trong tranh (Pop Art, thập niên 60), và rồi tranh lại bước ra ngoài giá vẽ để đi vào thế giới hiện thực (thập niên 70), thì thơ cũng đang có những chuyển biến mới, chụp bắt yếu tố đời sống để xử dụng như yếu tố thơ. Và cũng hãy hình dung một buổi sáng thức dậy, mở mắt ra, bắt gặp ngay những cạnh góc, từ ghế, bàn, trần nhà, cửa sổ tới những vật dụng hàng ngày. Những thứ tưởng là tầm thường ấy, mà bao lâu nay, chẳng đáng quan tâm, lại là nguyên nhân gây ra cảm giác bất an. Trong xã hội hậu công nghiệp, chúng ta đã xa rời thiên nhiên và không thể thoát ra khỏi, chồng chất những đường nét, cạnh góc của thế giới hình ảnh và đồ vật. Chẳng những thế, ngay cả những giao tiếp giữa người và người cũng phải qua những phương tiện truyền thông. Tiếng nói được gửi đi và tiếp nhận, không còn đúng với tự nhiên. Tình cảm con người, có nguyên rỗng và nồng ấm như cái thời sống mộc mạc, chân chất xưa không? Thơ vì vậy, càng lúc càng phải mở ra và đón nhận thực tại, nếu không muốn bị chôn vùi, trong cái vỏ khô cứng của ngữ nghĩa. Nhưng khi thơ đi vào thực tại hay thực tại xuất hiện trong thơ, thì điều gì sẽ xảy ra? Thơ biến đổi, một số yếu tố sẽ mất đi và được thay thế, đôi khi méo mó, kỳ quặc, đưa người đọc tới tâm trạng hoài nghi, và thường là ngộ nhận, phải chăng đang có những cố tình làm hỏng cả một quan điểm thẩm mỹ?

Trước hết là nhịp điệu. Nhịp điệu trong thơ, bao lâu nay, được hình thành bởi âm của chữ, nhưng bây giờ là nhịp điệu của thực tại. Nhịp điệu thực tại thì có nhiều, khoảng cách giữa người và vật, giữa vật và vật tạo ra nhịp điệu của không gian, chuyển động và hình sắc tạo ra nhịp điệu hình

ảnh, những biến cố xúc cảm tạo ra nhịp điệu thời gian... Và khi bước ra khỏi nhịp đơn điệu của thể điệu cũng có nghĩa, thơ trở về nhịp điệu thật và sống động. Thơ, nói như C.K. William, cho chúng ta nhìn thấy được *ánh chớp trong đời* (radiance in life) mà từ bao lâu nay, từ trừu tượng biểu hiện (Abstract Expressionism) tới nhóm Beat Generation luôn luôn bị ám ảnh: tạo ra được một cách nhìn mới (creat a new vision). Đó cũng là điều chúng ta thường hay đề cập tới: bản sắc thơ. Bản sắc thơ hay bản sắc một thời đại, một thực tại, một nền văn minh bao gồm luôn cái gọi là bản sắc dân tộc (đã hóa nhàm, và chẳng có gì hay ho nữa nhưng vẫn phải nhắc lại một lần cho rõ).

Nhịp điệu thực tại hay nhịp điệu của khoảng khắc, nói cho cùng, cũng chính là bản sắc thơ. Bởi vì, và chừng như mỗi thời đại đều muốn ghi lại những dấu mốc thời gian, đã phát sinh ra hàng loạt những tuyên ngôn (manifesto) và cả những tuyên ngôn chống lại những tuyên ngôn (manifesto against manifestos). Bản sắc thơ, bản sắc văn hóa giữa các nền văn hóa, di dân giữa các di dân, và mỗi thời kỳ (hiện đại và hậu hiện đại) là chuỗi dài những phủ định và phát hiện. Lịch sử không hẳn chỉ là những biến cố mang tính chính trị và xã hội, mà còn là sự hóa thân của từng nền văn hóa. Lập thể (Cubism) tìm ra không gian bốn chiều, trừu tượng biểu hiện rút tủa kiến văn từ văn học và triết học chỉ còn có hai chiều, và thời kỳ hậu hiện đại (Postmodernism), nghệ thuật chống lại trừu tượng trở về với không gian ba chiều của hiện thực, nhưng kỳ thực là để phản ứng và giễu cợt hiện thực. Cứ như thế, cái món nợ tinh thần ấy tiếp tục đè nặng trên vai từng thế hệ, giữ lại nhiều hay ít, vết tích của thời gian.

Ở đây cần nhấn mạnh, bản sắc thơ không nhất thiết tùy thuộc vào ngôn ngữ, mà tùy thuộc vào cách nhìn, cách sống, cách xử thế ở nhiều môi trường và hoàn cảnh khác nhau. (Không phải chỉ nói tiếng Việt, bắt được những âm sắc Việt là giữ được bản sắc Việt). Bởi một điều, có quá nhiều thế giới càng ngày càng ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ tới chúng ta. Tính tương thuộc một lần nữa được nhắc lại: *sự vật tự nó vô nghĩa, chính sự tương thuộc giữa các sự vật tạo ra ý nghĩa* (Hans Hofmann). Thế giới hình ảnh, thế giới đồ vật xâm chiếm đời sống, là cái gốc của cảm xúc, trở thành trọng tâm, từ đó, chúng ta nhận ra, nó giúp soi tỏ và hiểu thấu tâm hồn mình. Nói cho rõ, thế giới đó được khai sinh bởi chúng ta, là một phần của đời sống, và phải được chấp nhận, cả tiện nghi lẫn phiền nhiễu. Tới một lúc nào đó, có thể sẽ khó khăn để đối phó với ngay những sản phẩm từ sáng kiến của chính chúng ta. Và những xung đột giữa người và người không còn ở mức đáng quan tâm nữa, mà là xung đột giữa con người và thế giới đồ vật.

Nhưng cái gì làm nên nhịp điệu thực tại, lại chính là đường nét (line). Đường nét có đời sống và cá tính riêng. Line of thought biểu hiện cho kiến

thức mà chúng ta thủ đắc, thực tại mà chúng ta nhận biết, theo trường phái trừu tượng biểu hiện. Nhưng ở đây không có gì liên quan tới hội họa trừu tượng, mà đường nét chỉ thuần chiết ra từ hình ảnh và hình dạng đồ vật.

Nếu những khoảng trống giúp chúng ta nhận ra được không gian trong thơ, thì đường nét, cái nhịp điệu phi âm thanh ấy, gọi ra thời gian trong thơ: sự đứt quãng, trần trở, mối hồ nghi, những áp lực của đời thường, sự dằng co mang nhiều tính nghịch lý giữa tâm thức và hiện thực. Len lỏi giữa các dòng chữ, như hai thế giới song hành, làm nên những dòng chảy chông chênh, từ đâu, đi đâu, những câu hỏi mà chẳng bao giờ có lời giải đáp. Ranh giới giữa trong và ngoài, biết và không biết, như núi non sông đồi, làm nên những trắc trở: giữ lại và đồng thời thúc đẩy chúng ta phải vượt qua. Và vượt qua như thế nào thì vẫn là vấn đề nan giải. Vì thơ, ngoài cái *nói được*, còn có cái *nói không được*. Chính chỗ bỗ lửng, không rõ ràng ấy, nảy sinh ra nhịp phách bí ẩn của thơ.

Đường nét tạo nên cấu trúc. Điều cũng dễ hiểu khi nhà thơ Ann Lauterbach đề nghị hãy thay chữ đã cũ: *thể* (form) (như thể tự do, thể lục bát) bằng một chữ mới: *cấu trúc* (structure). Trong đó vai trò xã hội của nhà thơ là dựng lại (reconstruct), hình dung lại (reimagine) cách nhìn về đời sống, như đề tự hỏi, chúng ta là ai (who) và như thế nào (how) trong thế giới chúng ta đang sống. Tạo dựng lại hay hình dung lại cũng chỉ là một cách nói, về một tiến trình xóa bỏ và đào thải.

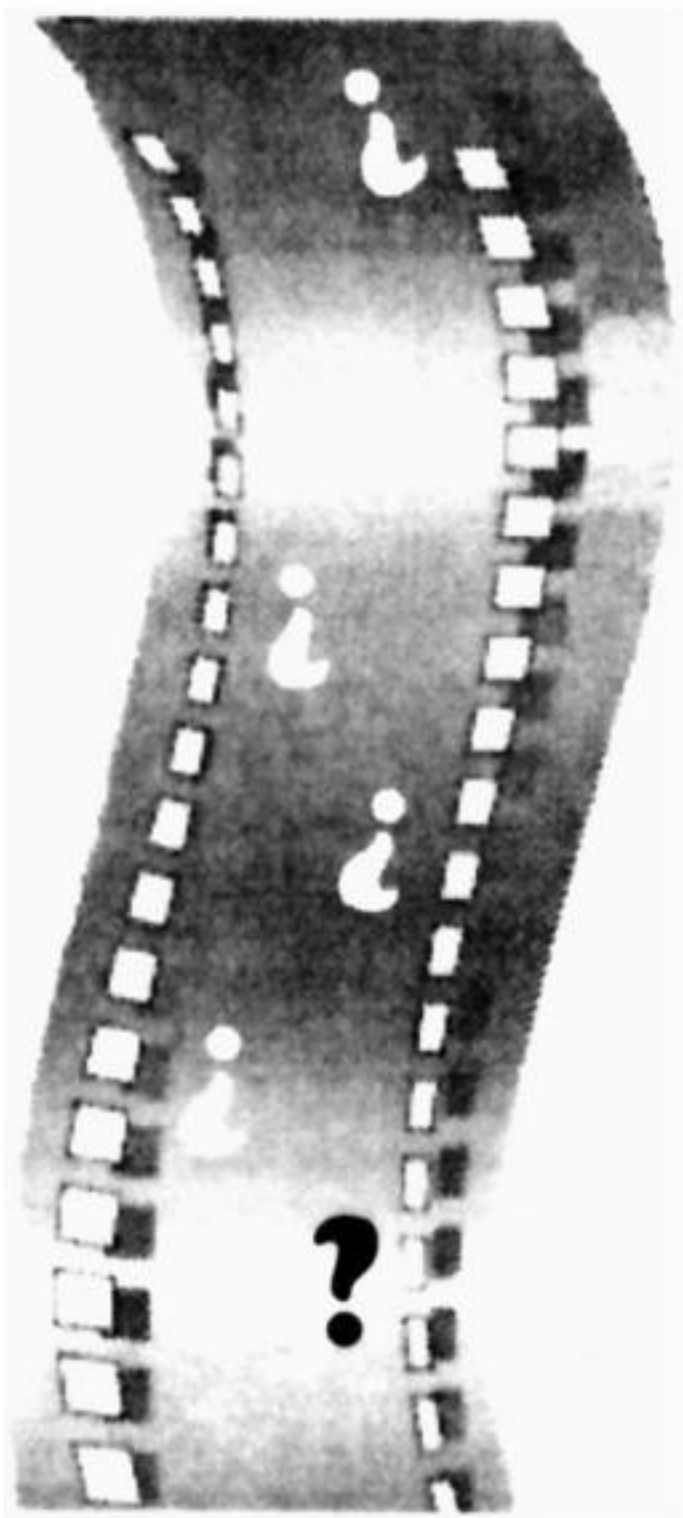
Đường nét, bản sao hay nhịp điệu của thời gian, nói thế nào thì nói, là hiện thân của sự vật hay không phải là sự vật. Nó mang ý nghĩa của chính nó. Câu chuyện về chiếc mặt nạ của Floyd John, tuy rất đẹp nhưng không thực (real power), bởi vì nó chỉ là bản sao từng chi tiết của một chiếc mặt nạ khác đã cháy thành tro. (J.R., A Seneca Journal). Con người và đồ vật, ý thức và vô thức, tưởng tượng và hiện thực đều chỉ là những bản sao không có nguyên bản. Chúng ta cứ lập đi lập lại những gì đã có, nhưng cái đã có đó, cũng không ai biết, nó có thực hay không. Vậy thì làm gì có cái được gọi là thơ và cái không được gọi là thơ? Thơ luôn luôn lột xác và biến hóa, đến tận cùng, thậm chí xấu xí đi cũng được. Bởi vì, cái nguyên bản của thơ chính là chỗ sâu thẳm mà mỗi người trong chúng ta, nhà thơ của những nhà thơ, nhìn thấu được. Đường nét, cũng như thơ, có thể là đường thẳng, đường cong hay là bất cứ một hình dạng nào, thực hay ảo, chuyển động hay bất động, nói đùa một chút, là một thứ cố hương. Cố hương, chúng ta sinh ra từ một cội nguồn mơ hồ, và lưu lạc tới một nơi chốn cũng mơ hồ không kém. Thời gian chẳng phải đã là một thứ cố hương của mỗi đời người sao?

Hóa giải và phủ nhận thực tại, bằng cách đồng hóa với thực tại, và vì vậy, bài thơ phải hiện diện ở một cách thế khác. Không bài thơ nào còn giống bài thơ nào. Dead styles, nếu có thể nói như thế, và quan điểm về

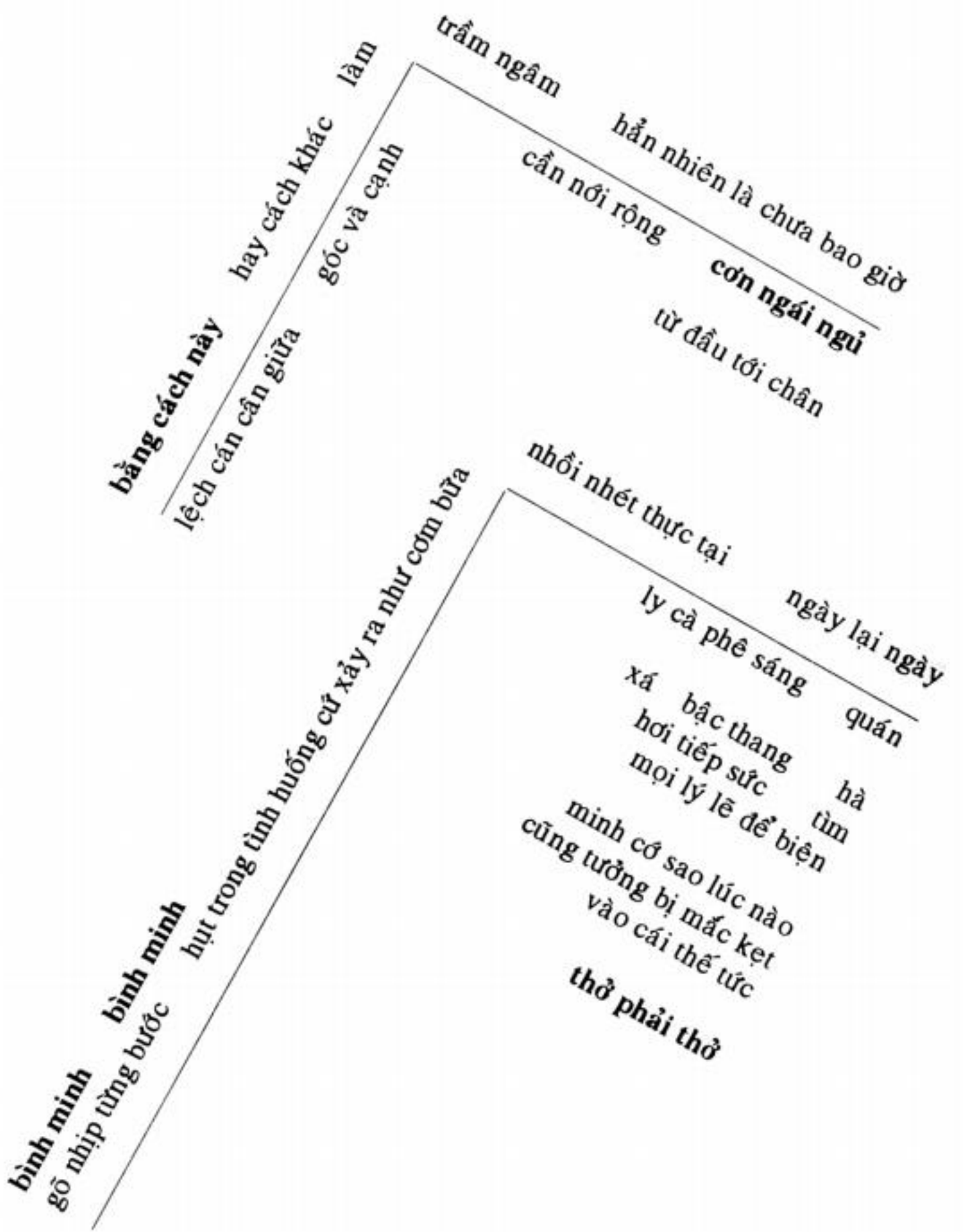
một tác phẩm hay cũng lỗi thời như cánh cửa của quá khứ đã bị đóng lại. Ẩn dụ (metaphor), liên tưởng (analogy), tượng trưng (symbol)... trở thành vô duyên và vô nghĩa. Và không phải chỉ có những yếu thơ là lỗi thời, mà càng lúc càng có nhiều thứ trở thành phế liệu, ngay cả kiến thức. Đa đa, siêu thực, trừu tượng hình như đã chấm dứt từ lâu lắm? Chẳng còn nguồn nào có thể viện dẫn để xác định những vị trí, ngoài viện dẫn chính thực tại. Nghệ thuật là hình thái của kiến thức (form of knowledge), theo quan điểm của trừu tượng biểu hiện, thập niên 50, có thể đổi lại không: nghệ thuật là hình thái của đời sống (form of life)?

Thơ luôn luôn là một thế giới bí ẩn và khó hiểu. Nhưng cũng không phải chỉ là trò ảo thuật chữ. Đằng sau mỗi bài thơ, là lý luận thơ, để từ đó đẩy thơ tới chỗ phi luận lý. Thơ nằm ở cõi phi ấy nhưng vẫn phải khởi đi từ cõi thực. Vì vậy, tại sao chúng ta cứ phải nói miên man mãi, về thơ, tưởng như không bao giờ dứt. Và thời gian có bao giờ chấm dứt đâu. Mỗi thời đại bắt được chân tướng nó một cách khác nhau, như thể mỗi người trong chúng ta có cảm giác khác nhau, chỉ vì một làn gió mát. ■

Âm Bản



Vũ Diệu Góc Vuông



CZESLAW MILOSZ

Đứa Con Âu Châu

1.

Chúng tôi, phổi tràn đầy vị ngọt ban mai,
Tháng Năm trầm trồ lá hoa,
Phải sung sướng hơn những kẻ đã mất.

Chúng tôi, lưỡi nếm món ngon vật lạ,
Tận hưởng hương vị tình yêu
Phải sung sướng hơn những người nằm dưới mộ.

Chúng tôi, từ lò lửa nóng thiêu, từ sau hàng rào gai kẽm
Gió mùa Thu gào hú không ngừng,
Chúng tôi, hồi nhớ bãi chiến trường nơi bầu trời thương tích
la thét nổi đau đớn tận cùng,
Chúng tôi, thoát hiểm nhờ quỷ quyết cơ mưu.

Bằng cách thúc đẩy người khác vào chốn hiểm nguy,
Lớn tiếng cổ vũ họ tiếp tục chiến đấu,
Trong lúc chính chúng tôi rút lui biết chắc phần chiến bại.

Giữa hai chọn lựa ai phải chết, chúng tôi hay người bạn,
Chúng tôi để bạn chết, lòng lạnh băng: hãy thanh toán cho nhanh.

Chúng tôi đóng kín phòng hơi ngạt, ăn trộm bánh mì,
Dù biết hôm sau sẽ khốn khó hơn hôm trước.

Để thích hợp với con người, chúng tôi tra vấn kiếm tìm tốt xấu.
 Tính gian ngoan độc ác không thứ gì sánh bằng trên mặt quả
 cầu này.

Chấp nhận như minh chứng chúng tôi giới giang hơn bọn họ,
 Lũ trẻ người, non dạ, nóng máu, xem thường mạng sống.

2.

Hãy trân quý di tặng của cha ông, hồi đưa con châu Âu,
 Kẻ thừa hưởng những đền đài, thánh đường xưa cổ,
 Chốn thờ phụng vang tiếng kinh cầu rền rĩ những con người
 bất hạnh.

Hồi con cháu Descartes, Spinoza, nhờ đó biết chữ “danh dự”
 là gì,

Hồi đưa con mồ côi của Leonidas,
 Hãy trân quý khả năng tích lũy từ những giờ phút kinh hoàng.

Người có bộ óc tinh diệu biết phân biệt lệ làng
 Bất cứ trường hợp tốt xấu nào
 Bộ óc người tao nhã, nghị lực biết thưởng thức thú vui
 Hoàn toàn không có thời thượng cổ.

Với bộ óc này người không thể không nghe thấy
 Lời khuyên nhủ của chúng tôi:
 Hãy để vị ngọt ban mai tràn đầy vào lá phổi.
 Để thực hiện, chúng tôi đề ra những biện pháp nghiêm
 khắc nhưng minh đạt.

3.

Không được hỏi gì về thắng lợi bằng vũ lực
 Chúng ta đang sống giữa thời đại công lý kẻ chiến thắng.

Đừng nói đến vũ lực, nếu không người sẽ bị lên án
 Là ngấm bệnh vực những giáo điều tàn lụi.

Kẻ nắm quyền lực duy trì nó bằng lô-gíc lịch sử
Cung kính cúi lạy lô-gíc đó

Hãy để môi lưỡi người đề xướng lên chủ thuyết
Mà không hay biết bàn tay đang ngụy tạo cuộc nghiệm sinh

Hãy để bàn tay ngụy tạo cuộc nghiệm sinh
Mà không hay biết môi lưỡi đang đề xướng lên chủ thuyết

Hãy tiên đoán trận cháy với chuẩn xác không chút sai lầm
Rồi thiêu rụi căn nhà để minh chứng lời tiên tri ứng nghiệm.

4.
Hãy vun trồng cây trái hư ngụy từ hạt mầm chân lý nhỏ nhoi.
Đừng đi theo kẻ dối trá khinh mạn thực tế.

Hãy làm sao khiến điều giả dối còn hợp lý hơn chính sự thật.
Để kẻ lữ hành mỗi mệt có cơ tìm ra nơi an nghỉ dưới mái
che ngụy tạo đó.

Sau ngày lễ Trá Ngụy hãy tập hợp bọn đồng thuyền
Bắt tay nhau cười ngất trong lúc nhắc đến thực trạng ngoài kia.

Nịnh hót lẫn nhau được gọi là: tư duy mẫn tiệp.
Nịnh hót lẫn nhau được gọi là: một tài năng lớn.

Chúng ta, lũ người sau chót còn có thể tìm nguồn vui từ lòng
vô liêm sỉ
Chúng ta, lòng giả dối chẳng khác với nỗi tuyệt vọng
bao nhiêu.

Một thế hệ mới, không hề biết trào lộng là gì đang ngoi lên.
Điều chúng ta cười cợt họ xem nghiêm trọng chết người.

5.

Hãy thốt lời nghịch nghĩa,
Nhưng phải biết dùng để đánh vào mục tiêu.

Hãy chọn lựa chữ nghĩa mơ hồ làm vũ khí.
Hãy chôn kín đám chữ trong sáng vào cõi huyền tần u minh
của ngôn ngữ.

Đừng thẩm định bất cứ từ ngữ nào
Trước khi người thư ký xem xét lại.

Tiếng nói đam mê bao giờ cũng hay hơn lý trí.
Người không có đam mê chẳng bao giờ đổi thay được lịch sử.

6.

Hãy đừng yêu thương đất nước: đất nước chẳng bao lâu sẽ
tan biến
Hãy đừng yêu thương thành phố nào: thành phố chẳng bao
lâu sẽ chỉ còn lại đồng gạch vụn điêu tàn.

Hãy ném đi những kỉ vật, nếu không từ bàn viết người khò
độc sẽ bốc lên.

Hãy đừng yêu thương con người: con người chẳng bao lâu sẽ
bị tiêu diệt
Hoặc bị bách hại phải kêu gào người cứu giúp.

Hãy đừng quay nhìn về ao hồ quá khứ.
 Phản chiếu trên vũng lầy nhớp nhúa
 Khuôn mặt nào xa lạ khác hẳn điều người mong đợi.

7.
 Kẻ buộc tội lịch sử là kẻ luôn an tâm
 Người chết rồi chẳng ai đội mồ về làm nhân chứng.

Người toàn quyền trút lên đầu họ bất cứ tội đồ gì.
 Lời buộc tội sẽ luôn luôn câm nín.

Những khuôn mặt trống không trôi về từ bóng tối sâu thẳm.
 Người cứ việc tùy nghi trát vào bất kỳ hình tượng nào người thích.

Đắc chí với quyền uy làm chủ những người đã chết từ lâu,
 Hãy thay đổi quá khứ thành của riêng giống người hơn.

8.
 Tiếng cười nảy sinh từ lòng yêu chân lý
 Nay là tiếng cười kẻ cừu địch của nhân dân.

Mất rồi thời đại châm biếm trào lộng.
 Chúng ta không cần đến trò cười
 Tên bạo chúa già nua với lời lẽ quý phái văn hoa giả tạo.

Nghiêm khắc để thích nghi với vai trò kẻ tôi đòi một cứu cánh,
 Chúng ta chỉ được quyền thốt những lời khôi hài để tiện nô tì.

Môi kín chặt, chỉ còn lý trí sai khiến
 Từng bước cẩn trọng, chúng ta đi dần vào kỷ nguyên lửa
 bốc tràn lan.

Trịnh Y Thư dịch

Từ Czeslaw Milosz Selected Poems, The Ecco Press, 1985.

Tin Thơ

Triển Lãm Trịnh Cung

Trịnh Cung là một họa sỹ nổi tiếng ở miền Nam trước đây, đang thăm viếng Hoa Kỳ do lời mời của trường Đại học San Francisco, với tư cách là khách tham quan và thỉnh giảng về Mỹ Thuật Việt Nam cho sinh viên thuộc Trung tâm Học tập Việt Mỹ. Trong thời gian này, ông có dịp thăm viếng và khảo sát nền mỹ thuật Hoa kỳ qua các Bảo tàng viện ở San Francisco, San Jose, Washington, New York... Và cuối cùng, trước khi trở về Việt Nam, ông đã mở cuộc triển lãm tại VAALA Gallery, Orange County, California, ngày 28 tháng 6, 1997 đồng thời phát hành cuốn tuyển tập tranh *Âm Vang Của Đất*. Đây là một tuyển tập tranh thứ hai của một họa sỹ Việt Nam, sau Album Thái Tuấn 1996. Cuốn sách khổ lớn, gồm những bài viết về tranh Trịnh Cung của Peggy J. Printz, Huỳnh Hữu Ủy, Jeffrey Hantover, Judith Hughes Day, phỏng vấn do Huỳnh Hữu Ủy thực hiện, với 13 bức tranh trước khi sang Mỹ và 10 bức thuộc loại trữu tượng vẽ ngay tại Mỹ, cùng những hình ảnh bạn bè và của chính ông.

Tranh trữu tượng là loại tranh khó, và người xem không có cách gì khác hơn, ngoài bám víu vào những kinh nghiệm cá nhân của mình. Bởi vì, trữu tượng không đơn giản chỉ là cách phân bố màu sắc và làm cho vui mắt. Trữu tượng, nói cho cùng đi, là từ thế giới trữu tượng, người họa sỹ, đưa người xem ngược trở về thế giới hình tượng và qua đó, tạo nên cảm xúc. Nhìn lại khoảng đầu thập niên 50, trường phái Trữu tượng Biểu hiện (Abstract Expressionism) mà chúng ta thường gọi là trường phái New York (New York School), với những tên tuổi đã đưa trữu tượng tới chỗ cực thịnh của nó và cũng chấm dứt luôn trường phái này. Họ được mệnh danh là những họa sỹ trí thức (Intellectual Painters), *Willem de Kooning, Arshile Gorky, Hans Hofmann, Robert Motherwell, Mark Rothko, Mark Tobey*...rút tĩa những kiến thức từ trường phái Lãng Mạn Pháp thế kỷ 19 đến triết học và văn học của Bergson, Whitehead, Dewey, Siêu Thực, Hiện sinh, để tạo nên những lý thuyết và quan điểm về đường nét. Từ đó vấn đề được nhìn ra, bề mặt của tác phẩm không còn quan trọng, mà quan trọng là ở phía đằng sau của tác phẩm, người thưởng ngoạn hiểu được tác phẩm khi nắm bắt được những rung động, cảm xúc phát xuất từ nguồn kiến thức

vô biên, những tư duy nghệ thuật và đời sống nội tâm đầy biến động của người họa sỹ. Như vậy, trường phái Trừu tượng Biểu hiện đã để lại một thách đố nguy hiểm, đòi hỏi người họa sỹ phải có một bản lĩnh lớn lao mà ít người có được. Thời kỳ hậu hiện đại, hội họa có khuynh hướng thoát ly (nhưng không phải là quay mặt lại) khỏi những ảnh hưởng của những bộ môn khác, đặc biệt là văn học, nhưng lại tạo ra những thách đố mới: khả năng nắm bắt thực tại, và mỗi người nghệ sỹ phải là một thứ Avant-Garde. (Nhưng thế nào là Avant-Garde, tính chất và lý thuyết, thì lại là một khía cạnh khác cần tìm hiểu, chứ không phải chỉ được suy diễn trên nghĩa chữ).

Từ những kinh nghiệm căn bản ấy, chúng ta trở lại với tranh trừu tượng Trịnh Cung. Thời kỳ đầu, với duy nhất 1 bức *Mùa Thu Tuổi Nhỏ* đã ghi dấu vết tài hoa của người nghệ sỹ này. Khởi đi từ đây, tính chất lãng mạn đầy thơ mộng ấy được đẩy tới mức tuyệt đỉnh với những bức *Hòa Nhạc Trên Sa Mạc*, *Chân Dung*, và *Mùa Hè*. Đặc biệt với bức *Mùa Hè*, hình thể như muốn tan ra, và rồi tụ lại, báo hiệu con đường đi tới của ông, tự nhiên nhập vào tinh thần mà từ thâm sâu đã là trừu tượng. Và Trừu tượng ở thời kỳ đầu, với bức *Ngày Đầu của Hòa Bình*, mà mỗi người xem, qua hình tượng màu sắc, kinh nghiệm và tưởng tượng của riêng mình, sẽ nhìn ra được ngay nỗi niềm của một ngày đầu hòa bình. Đến đây, quay lại bức *Mùa Thu Tuổi Nhỏ*, được sáng tác trong chiến tranh, như mong ước một ngày hòa bình, cái không khí nhẹ nhàng và êm đềm biết mấy. Nhưng khi có hòa bình thực sự, thì sự mong ước ấy chừng như không có, thể hiện qua những vệt màu rũ xuống, muốn khép lại khoảng đời trước mặt.

Khi chưa có dịp ra khỏi nước, để nhìn tận mắt thế giới bên ngoài, chúng ta thấy, ông đã chứng tỏ, là một họa sỹ tài năng. Rồi qua một hành trình dọc ngang nước Mỹ, đặt chân tới những Bảo tàng viện nổi tiếng, tiếp xúc với bạn bè, đã kích thích ông trở lại giá vẽ. Mười bức tranh được hoàn thành với cùng một tên gọi *Âm Vang của Đất*, đánh số từ 1 tới 10, là ngợp những cảm xúc của một nghệ sỹ trước một thế giới rộng lớn của đất nước người. Những bức số 1, 3, 4, 5, 10 làm chúng ta nhìn ra được nước Mỹ, qua những mảng màu lớn, nhấp nháy đèn đêm, cao ốc, con người, ẩn dấu những tâm tư, những rung động không nói thành lời của người nghệ sỹ đến từ phương Đông. Tinh thần phương Đông, tính lãng mạn và thơ mộng, có lẽ là những nét nổi bật qua cuộc triển lãm này.

Kết thúc bài ghi nhận, chúng ta thật sự ngạc nhiên về những đóng góp của ông, trước kia và bây giờ, cho nền hội họa Việt Nam, một nền hội họa quá non trẻ so với bề dày của lịch sử hội họa thế giới. Có thể đây cũng là một thông điệp của ông gửi tới bạn bè, và những thế hệ sau ông cả ở trong lẫn ngoài nước: nếu chúng ta không dám đối mặt với những thách đố thì chúng ta sẽ không bao giờ vượt qua được những trở ngại, đôi lúc tưởng như không thể nào vượt nổi. Và những giây phút trải qua thử

thách, chính lúc ấy, chúng ta mới thực sự là nghệ sĩ, bởi một điều, khi một nghệ sĩ đi tìm sự công nhận (hay đã được xã hội chấp nhận) thì hẳn thôi không còn là nghệ sĩ nữa.

Chúc mừng họa sỹ Trịnh Cung và mong rằng, ông sẽ còn cho chúng ta những ngạc nhiên khác.

(Trích *Tạp chí Thơ* số 10, mùa Thu 1997)

Thơ Phương Sinh tại Ru-ma-ni.

Năm bài thơ Phương Sinh đã xuất hiện trên tờ Tribuna ở Bucarest vào đầu tháng Ba năm nay. Đó là các bài *Happy End, 1, Post-Herméneutique, Happy End, 2, Contribution à une esthétique orientale* và *Sans titre* do nhà thơ Horia Badescu dịch sang tiếng Ru-ma-ni. Bản dịch được in với lời giới thiệu tác giả rất trang trọng. Horia Badescu đã có một tác phẩm được giới thiệu với độc giả Việt Nam: *Khuôn mặt thời gian & mũi gai*, Tủ sách Thơ, Trình bày, 1996.

“Vũ trụ của Roland Reutenauer” và *tạp chí Thơ*.

Nhật báo DNA (Dernières Nouvelles d) số ra ngày 25 tháng Tư 1997, trong một bài tựa là *Vũ trụ của R.Reutenauer*, nhà thơ Pháp từng có bài đăng trên *tạp chí Thơ* hồi gần đây, đã viết về chuyến đi Avignon của tác giả *Rời bỏ bài thơ và tạp chí Thơ*.

Theo bài báo, ông R.Reutenauer đã được mời tới *thành phố của các giáo chủ* để đọc thơ của mình trước công chúng ngày 15-4. Thính giả hiện diện đã được nghe ngót bốn mươi bài thơ trích trong bảy tác phẩm xuất bản từ 1975 đến 1995 của R. Reutenauer, do nhiều nhà văn, nhà thơ Pháp và chính tác giả đọc, và sau đó, có dịp thảo luận với tác giả.

Dưới tiêu đề “*Những bài thơ bằng tiếng Việt Nam*”, tác giả bài báo là Hubert Birringer viết: *Nếu cuộc đọc thơ này minh họa tiếng vang mà các tác phẩm của nhà thơ ở bên bờ sông Rhin có được ở bên bờ sông Rhône, thì thời sự mới đây đã đem lại cho tác giả nhiều độc giả khác, rất xa với quê hương, ngôn ngữ và văn hóa của ông. Thật vậy, một trong các tác phẩm của ông, *Rời bỏ bài thơ*, do một nhà xuất bản nhỏ ở Bỉ ấn hành, đã được dịch sang tiếng Việt và có mặt trong bản tóm lược nội dung số gần đây nhất của tờ *Thơ*.*

Tờ nhật báo có số độc giả lớn nhất miền Đông-bắc nước Pháp cho biết tiếp: *Thơ là một tạp chí Việt Nam, tạp chí đầu tiên (của người Việt) dành trọn cho thơ. Do một nhóm các thi sĩ Việt Nam, trẻ Việt Nam điều khiển, tờ báo này được xuất bản ở Californie và được phát hành ở khắp nơi có người Việt tha hương. Người ta thấy tạp chí này ở Paris, Nữu Ước, Montreal, Sydney, cũng như ở thành phố Hồ Chí Minh.*

Các bài thơ của R. Reutenauer, có kèm theo một tiểu chú giới thiệu tác giả, ở đây nằm giữa các bài thơ của các thi sĩ Việt Nam, kề bên những bài thơ của Paul Celan và giải Nobel Joseph Brdsky.(...)

Rời bỏ bài thơ đã được đọc tại La Casa de Nicaragua tại Liège sau khi xuất bản. Nhiều bài thơ khác của R. Reutenauer cũng đã dịch sang tiếng Ru-ma-ni và in trên tạp chí Steaua của Bucarest.

Được biết ông R. Reutenauer vừa hoàn thành một tác phẩm mới, tựa là *Un jour ou l*. Tác phẩm này sẽ được nhà xuất bản Rougerie ở Pháp ấn hành trong năm tới. Rougerie là nhà xuất bản đã in hầu hết các tác phẩm quan trọng của R. Reutenauer.

TT ghi

